

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Lịch sử hình thành, phát triển tư tưởng về nhà nước pháp quyền gắn liền với lịch sử hình thành, phát triển tư tưởng về dân chủ, nhân quyền, xác lập quyền làm chủ của người dân, thiết lập, xây dựng và tổ chức hoạt động của nhà nước; đồng thời loại trừ chuyên chế, độc tài, vô chính phủ dưới mọi hình thức. Mầm mống tư tưởng nhà nước pháp quyền xuất hiện từ thời cổ đại và phát triển trong thời cận đại, khi giai cấp tư sản nắm quyền thống trị xã hội. Tuy nhiên, nhà nước pháp quyền còn là sản phẩm của thời đại mà giai cấp công nhân đã ý thức được vai trò lịch sử toàn thế giới của mình, vươn lên thành giai cấp thống trị, lãnh đạo xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, tổ chức đời sống xã hội theo phương thức sản xuất mới phù hợp với quy luật phát triển của xã hội loài người.

Nhà nước pháp quyền xác lập phương thức tổ chức, xây dựng và vận hành bộ máy nhà nước do pháp luật quy định; đồng thời thừa nhận tính tối cao của pháp luật, xác định rõ ràng quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp, với hệ thống pháp luật đầy đủ, rõ ràng, minh bạch, thể hiện ý chí và nguyện vọng của công dân để điều chỉnh những quan hệ pháp luật phát sinh trong xã hội, nhất là việc bảo đảm quyền và lợi ích cơ bản, hợp pháp của công dân...

Ở Việt Nam, lần đầu tiên, tại Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII (1-1994), những quan điểm, nội dung về “*Xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân*” được khẳng định trong văn kiện chính thức của Đảng và được bổ sung, phát triển qua các kỳ đại hội, được tổ chức thực hiện trong quá trình đổi mới đất nước. Từ đó, lý luận về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta dần dần được định hình, xây dựng và hoàn thiện qua từng giai đoạn phát triển đất nước. Đó là việc xác lập nguyên tắc pháp quyền

xã hội chủ nghĩa, coi trọng tính pháp quyền trong tổ chức, hoạt động của bộ máy nhà nước. Từ nhận thức đúng đắn về giá trị khoa học tổ chức quyền lực của nhà nước pháp quyền, chúng ta đã vận dụng sáng tạo các nguyên tắc cơ bản về tổ chức để xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Những thành tựu xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là điều kiện rất quan trọng để đổi mới kinh tế và các lĩnh vực khác của đời sống xã hội vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng là sự kiện chính trị trọng đại của đất nước. Đại hội xác định những quan điểm, chủ trương, định hướng quan trọng, đưa đất nước ta phát triển vững chắc trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng hơn. Trong đó, quan điểm *xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa* có nhiều nội dung mới được cán bộ, đảng viên, nhân dân và các lực lượng vũ trang quan tâm học tập, nghiên cứu nhằm nâng cao trình độ văn hóa và lý luận; nắm vững, quán triệt và trực tiếp tổ chức thực hiện đưa Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII vào cuộc sống.

Lý luận về nhà nước và pháp quyền, nhất là lý luận về nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa nói chung, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam nói riêng là những vấn đề mới, cần nhận thức đầy đủ, sâu sắc và tổ chức triển khai nhằm xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam một cách đồng bộ và thống nhất. Đáp ứng yêu cầu này, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật phối hợp với Viện Khoa học xã hội nhân văn quân sự xuất bản cuốn sách *Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong Văn kiện đại hội XII của Đảng*.

Nội dung cuốn sách tập trung làm rõ quá trình nhận thức của Đảng về xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa qua 30 năm đổi mới và sự cần

thiết phải tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay, nội dung quan điểm cơ bản của Đảng về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; đề xuất những định hướng quán triệt và tổ chức thực hiện quan điểm của Đảng về xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng vào thực tiễn cuộc sống. Qua đó, phân tích làm rõ bản chất khoa học, cách mạng trong từng quan điểm của văn kiện, đồng thời gợi mở những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, bổ sung, góp phần xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta trong tình hình mới.

Sự nghiệp đổi mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa ở nước ta nói chung, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa nói riêng đã, đang và sẽ còn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thử thách, đặc biệt là sự chống phá quyết liệt của các thế lực thù địch bằng chiến lược “diễn biến hoà bình”. Thông qua nội dung cuốn sách, tập thể tác giả góp phần vạch trần nhưng âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch xung quanh vấn đề xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta, từ đó giúp mọi người nâng cao tinh thần cảnh giác, ý thức rõ trách nhiệm, quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong đấu tranh bảo vệ đường lối, quan điểm của Đảng, kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, giữ vững môi trường hòa bình ổn định; phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Xin giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 12 năm 2016

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
THẬT

Chương I

QUÁ TRÌNH NHẬN THỨC VÀ KẾT QUẢ XÂY DỰNG, HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA QUA 30 NĂM ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM

I- QUÁ TRÌNH NHẬN THỨC CỦA ĐẢNG VỀ XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA QUA 30 NĂM ĐỔI MỚI

Tư tưởng pháp quyền được truyền bá vào Việt Nam từ khi thực dân Pháp đặt ách đô hộ, thống trị lên nước ta, nhưng những tư tưởng tiến bộ về pháp quyền, sự cần thiết xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam đã được lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc nêu ra tại Hội nghị Vécxây năm 1918 nhằm vạch trần tội ác và lên án chế độ cai trị hà khắc, tàn bạo, phi nhân tính của Chính phủ thực dân Pháp tại Việt Nam. Tuy nhiên, trong thời gian dài, sau khi giành được chính quyền, đất nước ta rơi vào hoàn cảnh chiến tranh cộng với những định kiến trong quan niệm về pháp quyền, đồng nhất nhà nước pháp quyền với nhà nước tư sản nên các tư tưởng và học thuyết pháp quyền tiến bộ trên thế giới chưa có điều kiện phát triển và thực hiện ở Việt Nam.

Năm 1994, Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII, Đảng Cộng sản Việt Nam đã chính thức đưa vào văn kiện thuật ngữ “Nhà nước pháp quyền Việt Nam”. Từ đó đến nay, Đảng ta luôn coi trọng nghiên cứu, kế thừa có chọn lọc các giá trị tiến bộ của tư tưởng nhân loại về nhà nước pháp quyền để vận dụng vào thực tiễn xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Mặc dù đã có những tiền đề tư tưởng, lý luận, các tinh hoa nhân loại về nhà nước pháp quyền, song nhận thức về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Đảng

trong thời kỳ đổi mới được coi là một khâu then chốt nhất, quyết định việc Đảng ta kiên định và nhất quán thực hành quan điểm “Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa”¹.

Quá trình lãnh đạo sự nghiệp cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta luôn xuất phát từ thực tiễn của Việt Nam, vận dụng sáng tạo các quan điểm, tinh hoa của nhân loại, trước hết là của chủ nghĩa Mác - Lênin, bao gồm một hệ thống các tư tưởng, quan điểm tích cực và tiến bộ về nhà nước pháp quyền, tổ chức nhà nước và kinh nghiệm áp dụng các học thuyết đó của các nước để đưa vào thử nghiệm, từng bước xây dựng ở Việt Nam. Đây là quá trình tìm tòi, nghiên cứu, tiếp thu có chọn lọc một cách khoa học, không sao chép, rập khuôn, giáo điều và luôn luôn sáng tạo để vận dụng linh hoạt vào thực tiễn cách mạng Việt Nam đáp ứng các nhu cầu của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Nhà nước ta.

Trước thời kỳ đổi mới, Đảng và Nhà nước ta chưa sử dụng thuật ngữ nhà nước pháp quyền, nhưng các nội dung và yêu cầu khách quan của nhà nước pháp quyền đã từng bước được nhận thức, diễn đạt và thể hiện ngày càng rõ nét trong các bản Hiến pháp năm 1946, 1959, 1980, cùng những văn bản pháp lý quan trọng khác. Đó là kết quả của việc nhận thức và vận dụng các quan điểm về nhà nước pháp quyền của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn xây dựng và hoàn thiện nhà nước kiểu mới ở nước ta.

Trong thời kỳ đổi mới, tư tưởng về nhà nước pháp quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam được thể hiện trong các văn kiện của Đảng cùng các văn bản pháp lý của Nhà nước đã phản ánh quá trình nhận thức ngày càng đúng đắn, đầy đủ, cụ thể và hoàn thiện hơn về tư tưởng nhà nước pháp quyền của nhân loại, của chủ nghĩa Mác - Lênin và Hồ Chí Minh cũng như vấn đề xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng ở nước ta hiện nay. *Quá trình này thể hiện ở những dấu mốc sau:*

Bắt đầu từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (1986), Đảng ta chủ trương “cải cách lớn” bộ máy nhà nước, sửa đổi *Hiến pháp năm 1980* đáp ứng với yêu cầu đổi mới cơ chế quản lý kinh tế. Quá trình thực hiện đòi hỏi phải nghiên cứu lý luận về nhà nước, pháp luật và vai trò, định hướng xây dựng nhà nước pháp luật trong điều kiện Đảng cầm quyền thực hiện đường lối đổi mới kinh tế. Kết quả công tác nghiên cứu của Đảng được thể hiện tập trung ở tác phẩm *Xây dựng nhà nước của dân - Thành tựu, kinh nghiệm, đổi mới* của đồng chí Đỗ Mười (1990). Dù chưa đưa ra khái niệm nhà nước pháp quyền, song việc nghiên cứu đã xác định yêu cầu đổi mới tổ chức, hoạt động của Nhà nước; khẳng định sự cần thiết phải xây dựng nhà nước pháp quyền mà toàn bộ tổ chức, hoạt động của nó dựa trên cơ sở và sự tuân thủ pháp luật. Nhà nước bảo đảm sự thống trị của pháp luật trong mọi lĩnh vực, pháp luật được chấp hành nghiêm minh; bảo vệ quyền tự do, dân chủ, lợi ích hợp pháp, danh dự, nhân phẩm của mọi công dân, khắc phục sự tùy tiện lạm quyền của cơ quan, cán bộ nhà nước; chịu trách nhiệm trước công dân, xã hội về hoạt động của mình; kiểm tra, giám sát được việc thực thi các quyết định pháp luật; xử lý nghiêm minh, kịp thời mọi vi phạm pháp luật.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (1991), Đảng ta chưa nêu thuật ngữ nhà nước pháp quyền, chỉ nêu phương hướng cải cách nhà nước. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* đã thể hiện khái quát các yêu cầu, nội dung quan trọng về xây dựng nhà nước pháp quyền. Đó là: “xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa, nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, lấy liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do đảng cộng sản lãnh đạo. Thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, giữ nghiêm kỷ cương xã hội, chuyên chính với mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân”².

Trong *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000*, lần đầu tiên đã sử dụng cụm từ “tăng cường pháp quyền”, với nội dung là: “Bảo đảm quyền lực nhà nước thống nhất, phân định chức năng và quyền hạn của các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp”³; “xây dựng một hệ thống hành pháp và quản lý hành chính nhà nước thông suốt từ Trung ương xuống cơ sở, có đủ quyền lực, năng lực, hiệu lực”⁴... Đây là bước tiến lớn, đánh dấu sự chuyển biến tích cực, khởi đầu cho sự nhận thức của Đảng ta về nhà nước pháp quyền.

Đến Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII của Đảng (1-1994), lần đầu tiên, Đảng ta đã chính thức sử dụng thuật ngữ “Nhà nước pháp quyền Việt Nam”. Văn kiện Hội nghị xác định nhiệm vụ: Xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, với các nội dung: “Tiếp tục xây dựng và từng bước hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Việt Nam. Đó là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, quản lý mọi mặt đời sống xã hội bằng pháp luật, đưa đất nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhà nước pháp quyền Việt Nam được xây dựng trên cơ sở tăng cường, mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, lấy liên minh giữa giai cấp công nhân với nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do Đảng ta lãnh đạo”⁵... Đến đây, quan điểm của Đảng về nhà nước pháp quyền có bước phát triển rõ nét, toàn diện hơn trước. Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trở thành chủ trương có tầm chiến lược, bao trùm, định hướng cho toàn bộ quá trình và nội dung đổi mới tổ chức, hoạt động của Nhà nước.

Hội nghị Trung ương 8 khóa VII (1-1995), Đảng ta đã ra Nghị quyết về *Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trọng tâm là cải cách một bước nền hành chính*. So với Văn kiện Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng khóa VII, tư tưởng về nhà nước pháp quyền đã có sự phát triển nhất định. Đó là, vấn đề xây dựng nhà nước pháp quyền được coi là một

trong năm nguyên tắc xây dựng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, gắn với yêu cầu tăng cường pháp chế, quản lý xã hội bằng pháp luật. Tiếp đó, do thời gian đến Đại hội tương đối ngắn, nên các quan điểm về nhà nước pháp quyền trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng (6-1996) về cơ bản giống như các Văn kiện Hội nghị Trung ương 8 khóa VII nhưng phần nội dung nhiệm vụ được cụ thể hóa hơn về giải pháp, biện pháp thực hiện.

Đáng chú ý, Hội nghị Trung ương 3 khóa VIII (6-1997), khi đánh giá về quá trình đổi mới tổ chức, hoạt động của Nhà nước, Đảng ta khẳng định từng bước phát triển hệ thống quan điểm, nguyên tắc cơ bản về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân; và chỉ rõ: “Việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong điều kiện chuyển đổi nền kinh tế là nhiệm vụ mới mẻ, hiểu biết của chúng ta còn ít, có nhiều việc phải vừa làm, vừa tìm tòi, rút kinh nghiệm”⁶.. Đến đây, cụm từ: “*Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân*” đã chính thức xuất hiện. Nghị quyết của Hội nghị nhấn mạnh yêu cầu phát huy tốt và nhiều hơn quyền làm chủ của nhân dân; tiếp tục xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Ba yêu cầu trên quan hệ chặt chẽ với nhau, dựa trên nền tảng chung là xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân, thực hiện đại đoàn kết toàn dân mà nòng cốt là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Như vậy, đến Hội nghị Trung ương 3 khóa VIII, xây dựng nhà nước pháp quyền được xác định là một quan điểm chỉ đạo, chi phối toàn bộ nội dung đổi mới tổ chức hoạt động của Nhà nước; đánh dấu bước tiến mới trong nhận thức của Đảng về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX (2001), Đảng ta khẳng định: “Nhà nước ta là công cụ chủ yếu để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, là Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật. Mọi cơ quan, tổ chức, cán bộ công chức, mọi công dân có nghĩa vụ chấp hành Hiến pháp và pháp luật”⁷. Tại Đại hội, Đảng ta tiếp tục xác định: Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng là nhiệm vụ bao trùm trong nội dung đẩy mạnh cải cách tổ chức và hoạt động của Nhà nước, phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế.

Nhận thức của Đảng về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa được thể hiện rõ ràng hơn, được xác định là nội dung trọng tâm trong cải cách tổ chức hoạt động nhà nước; xác lập rõ sự thống nhất và phân công tổ chức quyền lực nhà nước; một khâu quan trọng là cải cách thể chế, phương thức hoạt động nhà nước; gắn kết giữa phát huy dân chủ với tăng cường pháp chế, xây dựng đội ngũ cán bộ theo các tiêu chuẩn đạo đức công vụ với đấu tranh ngăn ngừa các biểu hiện sai lệch và các tệ nạn trong bộ máy nhà nước... Điểm mấu chốt bảo đảm tính chất xã hội chủ nghĩa, thể hiện sự sáng tạo trong nhận thức của Đảng ta là khẳng định quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X (2006), Đảng ta tiếp tục khẳng định: Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; nhất quán thực hiện quan điểm: “Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa”⁸; chỉ rõ phương hướng xây dựng cơ chế vận hành của Nhà nước, bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân; quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

Đại hội đã xác định 6 nhiệm vụ và giải pháp xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đó là: Hoàn thiện hệ thống pháp luật; tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội; đẩy mạnh cải cách hành chính; xây dựng hệ thống cơ quan tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, quyền con người; nâng cao chất lượng hoạt động của hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân; chấn chỉnh bộ máy và quy chế hoạt động của cơ quan, cán bộ, công chức.

Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI (2011), Đảng ta tiếp tục cụ thể hóa quan điểm về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam với các nội dung chủ yếu:

Nhà nước ta là *Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa* của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Quyền lực nhà nước là thống nhất; có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Nhà nước ban hành pháp luật; tổ chức, quản lý xã hội bằng pháp luật và không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Nhà nước phục vụ nhân dân, gắn bó mật thiết với nhân dân, thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, tôn trọng, lắng nghe ý kiến của nhân dân và chịu sự giám sát của nhân dân; có cơ chế và biện pháp kiểm soát, ngăn ngừa và trừng trị tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, vô trách nhiệm, lạm quyền, xâm phạm quyền dân chủ của công dân; giữ nghiêm kỷ cương xã hội, nghiêm trị mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân.

Tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước theo nguyên tắc tập trung dân chủ, có sự phân công, phân cấp, đồng thời bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của Trung ương.

Nhận thức rõ ràng sự tất yếu về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, Đại hội nhất quán thực hiện quan điểm: Đẩy mạnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, tập trung vào ba nội dung: Tiếp tục đổi mới tổ chức, hoạt động của bộ máy nhà nước; Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong sạch, có năng lực đáp ứng yêu cầu của tình hình mới; Tích cực phòng ngừa và kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nhà nước và Quốc hội khóa XIII đã tổ chức sửa đổi, bổ sung *Hiến pháp năm 1992*, ban hành *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*. Các nguyên tắc nội dung, tính chất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam được thể hiện rõ ràng, đầy đủ, mang tính chính trị - pháp lý cao. Điều 2 của *Hiến pháp năm 2013* quy định:

“1. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân.

2. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức.

3. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp”⁹.

Từ chế độ chính trị, quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Chính quyền địa phương, Hội đồng bầu cử quốc gia đến hiệu lực của Hiến pháp... được thể hiện đầy đủ trong Hiến pháp. Các nội dung cấu thành trên tuân thủ các tinh thần, tư tưởng, nguyên tắc căn bản tiên bộ của nhà nước pháp quyền nói

chung, làm rõ các đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam nói riêng. *Hiến pháp năm 2013* đánh dấu nhận thức vượt bậc, toàn diện, sâu sắc của Đảng, Nhà nước, nhân dân về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; tỏ rõ quyết tâm đẩy mạnh xây dựng, hoàn thiện và thực thi một hình thức nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Tóm lại, từ nhận thức về tính tất yếu phải xây dựng nhà nước pháp quyền đến nhận thức ban đầu chỉ là cải cách nền hành chính nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã tiến đến xác định xây dựng, dần hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là một nhiệm vụ chính trị trọng tâm trong suốt quá trình đổi mới ở thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Từ nhận thức đơn lẻ về pháp quyền đi đến nhận thức rõ hơn, đầy đủ hơn những khái niệm, dấu hiệu, đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Những yếu tố, tính chất phản ánh tính chung nhất về nhà nước pháp quyền đến dấu ấn đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa đã dần được định tính và định lượng rõ ràng hơn, đầy đủ hơn. Đây là một quá trình nhận thức nhiều khó khăn, gian khổ, đấu tranh giữa tư duy cũ và tư duy mới, tránh sự sao chép rập khuôn các mô hình không phù hợp lẫn sự nóng vội chủ quan trong quá trình đổi mới chính trị ở nước ta.

Những thành tựu quan trọng của sự nghiệp đổi mới đất nước, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam qua 30 năm đổi mới đã chứng minh sự nhận thức đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với điều kiện lịch sử, cụ thể của Đảng ta về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

II- THÀNH TỰU, HẠN CHẾ VÀ SỰ CẦN THIẾT PHẢI TIẾP TỤC XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM HIỆN NAY

1. Thành tựu, hạn chế trong xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam qua 30 năm đổi mới

a) Thành tựu

Thứ nhất, “Quan điểm và thể chế về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa được bổ sung, hoàn thiện một bước quan trọng và cơ bản”⁹.

Chúng ta đã xác lập được một số nguyên tắc cơ bản, tạo nền tảng tư tưởng cho việc kiến tạo một Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Đó là nguyên tắc quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân với các cơ chế bảo đảm cho quyền lực luôn nằm trong quỹ đạo phục vụ nhân dân. Nguyên tắc bảo đảm quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp; có sự kiểm tra, giám sát chặt chẽ thực hiện quyền lực nhà nước từ nhân dân. Nguyên tắc Đảng lãnh đạo xây dựng nhà nước pháp quyền không chỉ dừng lại ở các chủ trương mà còn được thể hiện trong Hiến pháp, nhất là *Hiến pháp năm 2013*.

Chúng ta đã phát huy tối đa vai trò trung tâm của Nhà nước trong quản lý kinh tế - xã hội, đẩy mạnh cải cách tổ chức và hoạt động của các bộ phận quyền lực nhà nước từ lập pháp, hành pháp, tư pháp, phát huy dân chủ đến tăng cường pháp chế. Từ chỗ trực tiếp điều hành sản xuất kinh doanh phân phối, Nhà nước đã chuyển sang định hướng, điều tiết, phối hợp, hướng dẫn một cách có kế hoạch nền kinh tế thị trường; bảo trợ, xúc tác, tạo lập môi trường, huy động các nguồn lực và điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh tế, ngăn chặn, hạn chế những mặt tiêu cực, khuyết tật của kinh tế thị trường, bảo đảm công bằng xã hội, bảo vệ lợi ích của nhân dân. Từng bước loại bỏ sự can thiệp của Nhà nước vào những lĩnh vực quan hệ xã hội mà không đòi hỏi có sự can thiệp của Nhà nước; tăng cường vai trò và

khả năng độc lập của các thiết chế chính trị - xã hội, tạo ra các chủ thể bình đẳng, có tư cách kiểm soát hoạt động của Nhà nước.

Thứ hai, “Nhận thức của các cấp, các ngành, của cán bộ, đảng viên và nhân dân về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân có bước phát triển”⁹.

Chúng ta đã từng bước làm rõ, nâng cao nhận thức và thể chế hóa các quan điểm, tư tưởng về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trên phương diện chính trị, pháp lý. Đạt đến sự thống nhất trong nhận thức, xác định sự cần thiết, bản chất, vai trò, các đặc trưng cơ bản của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Xây dựng nhà nước pháp quyền đã được xác định là một nhiệm vụ trọng tâm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; là một nguyên tắc hiến định cơ bản. Nhận thức rõ hơn về vị trí, vai trò, chức năng của nhà nước pháp quyền là trụ cột trung tâm của hệ thống chính trị, là nhà nước phục vụ nhân dân.

Chúng ta đã nhận thức rõ hơn về tổ chức quyền lực theo hướng đổi mới tổ chức, hoạt động của Nhà nước minh bạch, cụ thể hóa quyền lực của các bộ phận, xác định rõ mối quan hệ giữa chính quyền trung ương với địa phương. Khẳng định chính thức quan điểm về sự thống nhất của quyền lực nhà nước và sự tồn tại của ba bộ phận quyền lực trong mối quan hệ phân công, phối hợp, kiểm soát quyền lực nhà nước; việc phân công phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp ngày càng thể hiện rõ hơn.

Thứ ba, “Nhiều chủ trương, đường lối của Đảng về cải cách tư pháp được thể chế trong Hiến pháp, pháp luật và được triển khai thực hiện nghiêm túc, đạt kết quả quan trọng”¹⁰.

Từng bước thể chế hóa các quan điểm, tư tưởng về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trên thực tiễn. Xác định rõ hơn nội dung, phương thức lãnh đạo của

Đảng cầm quyền đối với Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Từ việc thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng thành pháp luật, chính sách của Nhà nước đến tổ chức thực hiện đều thông qua bộ máy nhà nước đáp ứng yêu cầu về cải cách tư pháp.

Xác định rõ hơn vị trí, vai trò, chức năng và hoạt động của Quốc hội, Chính phủ, Viện kiểm sát, Tòa án, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp. Vai trò của tổ chức nhà nước ngày càng được phát huy, đổi mới cả về tổ chức và phương thức hoạt động, tính chủ động, hiệu lực, hiệu quả ngày càng được nâng cao. Phân định rõ chức năng của các tổ chức đảng và các cơ quan nhà nước, nhất là ở trung ương ngày càng rõ hơn, giảm bớt sự chồng chéo, lấn sân của nhau. Hoạt động của Đảng và mối quan hệ giữa Đảng và Nhà nước đã được hiến định.

Đội ngũ cán bộ, công chức đã đáp ứng yêu cầu của công cuộc xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và giữ những cương vị chủ chốt trong bộ máy chính quyền các cấp, nhờ đó giữ vững được sự lãnh đạo toàn diện, tuyệt đối của Đảng đối với hệ thống chính trị. Công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước được coi trọng. Thực hiện và mở rộng dân chủ trong quan hệ Đảng - Nhà nước - nhân dân; các phương tiện thông tin đại chúng ngày càng phát huy vai trò tuyên truyền, giáo dục, thuyết phục nhân dân về vai trò phản biện đối với các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Tổ chức và phương thức hoạt động của bộ máy nhà nước pháp quyền và từng loại hình cơ quan nhà nước từng bước được đổi mới; chủ trương cải cách tổng thể bộ máy nhà nước được triển khai có kết quả. Hoạt động của Quốc hội được đổi mới mạnh mẽ; quá trình xây dựng các đạo luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh và nghị quyết của ủy ban Thường vụ Quốc hội đã kịp thời thể chế hóa đường lối của Đảng và bao quát hầu hết các lĩnh vực đời sống xã hội. Các chủ trương, chính sách, pháp luật trong lĩnh vực kinh tế đã tạo ra cơ sở pháp lý cho việc vận hành theo cơ

chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, mở rộng hợp tác đầu tư, nâng cao năng lực, hiệu quả sản xuất kinh doanh của các thành phần kinh tế Quốc hội đã thực hiện tốt chức năng quyết định các vấn đề quan trọng và chức năng giám sát tổ chức hoạt động của bộ máy nhà nước.

Hoạt động của Chính phủ đã được củng cố và không ngừng đổi mới; đã phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan Chính phủ với các cơ quan Trung ương Đảng và giữa Chính phủ với chính quyền địa phương. Qua đó, kiểm tra, giám sát toàn bộ hoạt động và cơ chế điều hành Chính phủ, bảo đảm cho Chính phủ thực hiện quyền hành pháp, phải bảo đảm được định hướng xã hội chủ nghĩa trong các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước. Chính phủ thực hiện chức năng quản lý toàn diện mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, bảo đảm hiệu lực của bộ máy nhà nước từ trung ương đến địa phương, bảo đảm việc thực thi Hiến pháp và pháp luật, các quyền con người và công dân.

Hoạt động của các cơ quan tư pháp được kiện toàn, các chủ trương, giải pháp về đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp là phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, củng cố chính quyền nhân dân, giữ gìn ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, góp phần thực hiện dân chủ và công bằng xã hội, phục vụ tích cực công cuộc đổi mới toàn diện đất nước. Xác định đúng vị trí, chức năng, thẩm quyền của từng cơ quan tư pháp và các thiết chế bổ trợ tư pháp trong mối quan hệ trung tâm là xét xử theo yêu cầu của nhà nước pháp quyền. Thực hiện đúng yêu cầu về tính độc lập, khách quan, phụng công, thủ pháp, chính công vô tư, cách nhiệm trước nhân dân, dân chủ minh bạch. Chức năng nhiệm vụ của cơ quan tư pháp được thể hiện rõ hơn, đang tạo sự chuyển biến tích cực về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của công tác tư pháp.

Kiến toàn bộ máy, đa dạng hóa mô hình chính quyền địa phương các cấp, Hội đồng nhân dân thảo luận ban hành các nghị quyết, Ủy ban nhân dân cùng cấp quán triệt, tổ chức thực hiện nghị quyết và tổ chức kiểm tra, giám sát các hoạt động đó. *Hiến pháp năm 2013* tạo ra bước tiến lập pháp quan trọng làm nền tảng cho kiến toàn tổ chức, hoạt động của chính quyền địa phương theo hướng đa dạng hóa các mô hình, gắn với thực tiễn, phù hợp với nông thôn, đô thị, hải đảo, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt do luật định.

Phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng, quan liêu, lãng phí, làm trong sạch bộ máy đảng và nhà nước được triển khai thường xuyên, đạt được những kết quả nhất định. Phòng ngừa và đấu tranh suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên được triển khai mạnh mẽ, có tác dụng cảnh tỉnh, răn đe; nhiều vụ việc tồn đọng kéo dài đã được giải quyết, đáp ứng được yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

b) Hạn chế

Thứ nhất, “chưa chế định rõ, đồng bộ, hiệu quả cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực nhà nước ở các cấp”¹¹.

Tổ chức bộ máy và cơ chế hoạt động của các thiết chế cơ bản trong bộ máy nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa còn những điểm chưa thực sự hợp lý, hiệu lực, hiệu quả. Chưa khắc phục được sự chòng chéo, vướng mắc về chức năng, nhiệm vụ giữa các thiết chế, làm ảnh hưởng tới sự thống nhất quyền lực nhà nước và hiệu quả hoạt động của Nhà nước.

Chưa làm sáng rõ cơ sở lý luận, thực tiễn và chuẩn bị đầy đủ, toàn diện những điều kiện cần thiết để xây dựng, hoàn thiện nhà nước pháp quyền. Các điều kiện bảo đảm cho việc thực hiện còn có những hạn chế nhất định. Việc nghiên cứu, tiếp cận, giải quyết từng vấn đề cụ thể lý luận Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa chưa

thực sự sáng rõ, như hệ thống lý luận về xã hội dân chủ; mối quan hệ giữa nhà nước pháp quyền và xã hội dân chủ; về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Việc thiết kế mô hình Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa chưa cụ thể, không ít vấn đề còn phải tiếp tục nghiên cứu, trao đổi để thực hiện thống nhất, nhất là tổ chức bộ máy và cơ chế hoạt động của các thiết chế cơ bản trong bộ máy nhà nước. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII đã chỉ rõ: Tổ chức bộ máy và cơ chế hoạt động của các thiết chế cơ bản trong bộ máy nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa như Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, hệ thống tư pháp còn những điểm chưa thực sự hợp lý, hiệu lực, hiệu quả.

Trình độ dân trí, ý thức pháp luật của nhân dân chưa cao. Một bộ phận nhân dân, thậm chí có cả cán bộ, đảng viên của các cơ quan nhà nước còn thiếu sự hiểu biết về pháp luật; trình độ văn hóa dân chủ và pháp luật chưa cao; mặt khác, còn thiếu sự đòi hỏi cao về dân chủ và pháp luật từ phía nhân dân. Trái lại, xây dựng chế độ dân chủ và pháp luật đang theo kiểu ban phát từ trên xuống, hiệu quả hoặc là còn hạn chế, hoặc là trở nên hình thức, cản trở sự nâng cao trình độ dân trí và ý thức pháp luật của nhân dân.

Nguyên tắc kiểm soát quyền lực nhà nước còn nhiều bất cập. Số lượng văn bản luật ngày càng tăng, song hiệu lực pháp luật chưa cao, còn nhiều văn bản dưới luật, một số văn bản quy phạm pháp luật chưa đi vào cuộc sống. Việc phát huy dân chủ chưa đi liền với bảo đảm kỷ cương kỷ luật, pháp luật; hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước còn nhiều hạn chế, cải cách hành chính còn chậm trễ, cải cách tư pháp có mặt còn lúng túng. Chưa chế định rõ, đồng bộ, hiệu quả cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực nhà nước ở các cấp.

Thứ hai, “Hệ thống pháp luật thiếu đồng bộ, nhiều nội dung chưa đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền, còn chông chéo; tính công khai, minh bạch, khả

thi, ổn định còn hạn chế. Kỷ cương, kỷ luật trong quản lý nhà nước, thực thi công vụ còn nhiều yếu kém”¹².

Tính toàn diện và đồng bộ trong xây dựng nhà nước pháp quyền còn có mặt hạn chế. Việc xây dựng Hiến pháp, hệ thống pháp luật, pháp lệnh, hướng dẫn thi hành chưa đồng bộ, chưa phản ánh, đáp ứng các yêu cầu của tiến bộ xã hội, còn chông chéo, vướng mắc khó thực hiện. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng chỉ rõ: Chưa khắc phục được sự chông chéo, vướng mắc về chức năng, nhiệm vụ giữa các thiết chế, làm ảnh hưởng tới sự thống nhất quyền lực nhà nước và hiệu quả hoạt động của Nhà nước. Chưa làm rõ cơ chế phân công, phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong thực hiện các quyền lực nhà nước. Chưa làm sáng tỏ “tính độc lập tương đối” của mỗi quyền, sự kiểm soát lẫn nhau giữa các nhánh, bảo đảm quyền lực không bị tha hóa, lạm dụng.

Quy trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội có nội dung chưa phù hợp, hướng dẫn thi hành luật còn chậm, còn ban hành nhiều pháp lệnh không sát thực tế. Tính đồng bộ và hoạt động giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp có mặt còn chông chéo.

Nguyên nhân của hạn chế

Thứ nhất, “Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là vấn đề mới đối với nước ta”¹³.

Đây là công việc hoàn toàn mới mẻ, cần đến tính tích cực, chủ động và sáng tạo rất lớn của Đảng. Công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta không thể rập khuôn theo các giá trị và mô hình xây dựng nhà nước pháp quyền của các nước phương Tây với các thể chế chính trị khác với Việt Nam. Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Việt Nam phải bảo đảm

mối quan hệ giữa Đảng Cộng sản cầm quyền và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Một số đặc trưng xã hội chủ nghĩa của nhà nước pháp quyền đang xây dựng xác định chưa thật sáng rõ. Chưa có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa đích thực trong tiền lệ, nên trong lý luận về nhà nước đó vẫn còn một mảng trống cần bổ sung và phát triển.

Việc đổi mới tư duy pháp lý trong xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật còn có một số nội dung bất cập, hệ thống luật pháp đến nay vẫn chưa theo kịp thực tiễn. Trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế, đổi mới tư duy pháp lý nhằm xây dựng hệ thống luật pháp Việt Nam một cách hoàn chỉnh và ổn định hơn, làm cơ sở cho Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa hoạt động có hiệu quả. Đó là xác định mô hình luật pháp nước ta; nghiên cứu, tổng kết kinh nghiệm trong và ngoài nước trong lĩnh vực xây dựng và thực thi các thể chế pháp lý; đổi mới công tác kế hoạch lập pháp; thay đổi quan niệm về quy mô các đạo luật, hay tập trung xây dựng và thông qua các đạo luật có quy mô điều chỉnh hẹp. Một đạo luật với ít điều khoản sẽ nhanh chóng được xây dựng, đáp ứng kịp thời các nhu cầu điều chỉnh pháp luật, dễ dàng tương thích với các không gian pháp lý quốc tế... Đây là những điểm mới, chưa có trong tiền lệ thực tiễn do đó phải tìm tòi, vừa xây dựng, vừa rút kinh nghiệm để hoàn thiện.

Thứ hai, sự phân định giữa vai trò lãnh đạo của Đảng và vai trò quản lý, điều hành của Nhà nước còn những nội dung chưa rõ; phương thức và cơ chế lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước ở các cấp còn nhiều điểm chưa được chế định rõ và phù hợp với nguyên tắc của Nhà nước pháp quyền”¹³.

Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa chưa xác định rõ mối quan hệ giữa Đảng Cộng sản cầm quyền và nhà nước pháp quyền. Chưa làm sáng tỏ mối quan hệ giữa Đảng và Nhà nước. Vấn đề đặt ra là chỉ ra được phạm vi

tác động của Đảng cầm quyền đối với các cơ quan quyền lực nhà nước, chỉ rõ sự tối cao của pháp luật, tránh sự can thiệp tùy tiện của Đảng đối với hoạt động của các cơ quan quyền lực nhà nước, tránh sự bao biện, ôm đồm, không tôn trọng luật pháp.

Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức, hoạt động, đấu tranh thực hiện mục tiêu chủ nghĩa xã hội, xây dựng Việt Nam trở thành một nước dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Đảng với tư cách là Đảng cầm quyền, lãnh đạo hệ thống chính trị và xã hội đã được hiến định. Tính chính danh thể hiện rõ ở uy tín của Đảng, ở sự cuốn hút của Đảng đối với nhân dân, ở tính hiệu quả trong lãnh đạo phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, đáp ứng yêu cầu, lợi ích của nhân dân... Tuy nhiên, mối quan hệ giữa sự cầm quyền của Đảng với nhà nước pháp quyền, giữa quyền lực chính trị của Đảng, quyền lực nhà nước và quyền lực của nhân dân chưa được phân định rõ, có nơi, có lúc còn chông chéo, bao biện làm thay, hoặc còn hình thức.

Phương thức và cơ chế lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước ở các cấp còn nhiều điểm chưa được chế định rõ và phù hợp với nguyên tắc của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Phương thức lãnh đạo của Đảng cầm quyền đối với Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thông qua đường lối, nghị quyết, cán bộ, nhưng việc thể chế hóa chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng và quy định tổ chức thực hiện ở các cấp chưa sáng rõ, có nhiều mặt hạn chế; việc bảo đảm cho đường lối, chủ trương của Đảng trở thành hiện thực trong đời sống xã hội và quyền làm chủ của nhân dân trên thực tế có mặt còn biểu hiện ở hình thức, thiếu thực chất.

Thứ ba, “Tổ chức thực hiện pháp luật và pháp chế xã hội chủ nghĩa chưa nghiêm”¹⁴.

Tuyên truyền, phổ biến pháp luật và giáo dục ý thức chấp hành pháp luật còn có hạn chế nhất định. Chưa có biện pháp hữu hiệu để tăng cường việc thực thi pháp

luật, cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật và giáo dục ý thức chấp hành pháp luật, chú trọng sự tham gia của các phương tiện thông tin đại chúng, các đoàn thể chính trị - xã hội cũng như bộ máy chính quyền các cấp và cuối cùng là siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, để mệnh lệnh hành chính luôn được chấp hành nghiêm túc và thông suốt từ trung ương đến cơ sở.

Cơ chế bảo đảm quyền kiểm tra, giám sát của nhân dân, của Mặt trận, các đoàn thể chính trị - xã hội đối với hoạt động của Nhà nước chưa được làm rõ. Chưa có cơ chế để nhân dân trực tiếp giám sát.

Các hoạt động của Quốc hội, đại biểu Quốc hội, của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân, các cơ quan nhà nước và công chức nhà nước. Chưa kiểm tra, đánh giá việc chấp hành Hiến pháp, luật, pháp lệnh và các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan có thẩm quyền cấp trên; kiểm tra, đánh giá và kết luận, xử lý đối với việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân.

Cơ chế mở rộng thực hiện dân chủ trong quan hệ giữa Đảng - Nhà nước - nhân dân chưa phù hợp; việc phát huy vai trò của các phương tiện thông tin đại chúng trong tuyên truyền, giáo dục, thuyết phục nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có mặt còn hạn chế. Chưa có cơ chế rõ để phát huy vai trò phản biện xã hội của người dân đối với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Các chủ trương, giải pháp giải quyết các vấn đề bức xúc như xóa đói, giảm nghèo, xóa dần chênh lệch giàu - nghèo, tạo công ăn việc làm, giảm tỷ lệ thất nghiệp, khám chữa bệnh cho người nghèo chưa đồng bộ, quyết liệt; chưa kiên quyết đấu tranh chống các hiện tượng vi phạm pháp luật, tham nhũng, buôn lậu, xâm phạm các quyền tự do, dân chủ của công dân; làm hàng giả, trốn, gian lận thuế, chưa thực hiện nghiêm chế độ công khai, minh bạch về kinh tế tài chính, về cơ chế, chính sách, quản lý, sử dụng đất đai, tài sản công, về công tác cán bộ.

Đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức chưa được coi trọng, tình trạng sách nhiễu, quan liêu, tham nhũng, tiêu cực trong các cơ quan nhà nước chưa được ngăn chặn. Việc đổi mới công tác tổ chức, bộ máy của Đảng và của hệ thống chính trị; công tác cán bộ, công tác kiểm tra, giám sát; công tác quần chúng còn nhiều hạn chế... Vì vậy, còn nhiều vấn đề cần phải giải quyết cả về phương diện lý luận lẫn thực tiễn.

2. Sự cần thiết phải tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay

Trong tình hình mới, vấn đề bổ sung, phát triển tư duy lý luận của Đảng về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa tiếp tục được đặt ra những yêu cầu mới.

Thứ nhất, xuất phát từ chính lịch sử xây dựng và phát triển của Nhà nước ta.

Ngay từ khi thành lập và trong quá trình phát triển, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, tiếp đến là Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được tổ chức và hoạt động trên cơ sở các quy định của Hiến pháp, pháp luật và luôn vận hành trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Các đạo luật tổ chức Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân và các đạo luật về chính quyền địa phương được xây dựng trên cơ sở Hiến pháp các năm 1946, 1959, 1980, 1992 (sửa đổi bổ sung năm 2001), 2013. Những lần Hiến pháp được sửa đổi và thông qua là những lần từng bước củng cố cơ sở pháp luật cho tổ chức và hoạt động của Nhà nước và các cơ quan nhà nước.

Quá trình xây dựng Nhà nước Việt Nam là một quá trình lịch sử bắt đầu từ *tuyên ngôn độc lập năm 1945* và *Hiến pháp năm 1946*, được định hướng và kế thừa bởi tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân. Dù tính chất pháp quyền có lúc đậm nhạt khác nhau trong mỗi giai đoạn lịch sử,

song đó là một quá trình vừa xây dựng, vừa hoàn thiện tính chất pháp quyền của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Quá trình này đã trải qua hơn 70 năm xây dựng, phát triển và ngày nay, quá trình này đang được tiếp tục đẩy mạnh trong thời kỳ đổi mới toàn diện đất nước. Hơn nữa, để bảo toàn, giữ gìn và phát huy các tính chất xã hội chủ nghĩa của Nhà nước Việt Nam thì tất yếu phải tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đây là một quá trình lịch sử - tự nhiên, một tất yếu chính trị của Nhà nước Việt Nam, nhà nước mang bản chất của giai cấp công nhân, đại diện cho lợi ích của mọi tầng lớp nhân dân lao động và của cả dân tộc, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Thứ hai, xuất phát từ định hướng xã hội chủ nghĩa kiên quyết, kiên trì thực hiện mục tiêu “độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội”, “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) của Đảng.

Để xây dựng thành công Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam thì công cụ, phương tiện cơ bản chỉ có thể là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Cương lĩnh của Đảng là ngọn cờ chiến đấu vì thắng lợi của sự nghiệp xây dựng đất nước Việt Nam từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, định hướng cho mọi hoạt động của Đảng, Nhà nước, của cả hệ thống chính trị và nhân dân ta trong những năm tới. Thực hiện được các mục tiêu về kinh tế, chính trị, xã hội và pháp lý đó sẽ góp phần quan trọng làm nước ta trở thành một nước xã hội phồn vinh và hạnh phúc.

Các mục tiêu của Cương lĩnh đều xuất phát từ tình hình thực tiễn của đời sống kinh tế, chính trị, xã hội và pháp lý của nước ta trong thời kỳ mới. Bản chất xã hội chủ nghĩa của các mục tiêu đó là hoàn toàn không thay đổi nhưng tính chất và cấp độ

của chúng trong mỗi giai đoạn lịch sử cụ thể là khác nhau, ở giai đoạn sau cao hơn giai đoạn trước. Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, cũng như các tính chất dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh ở giai đoạn hiện nay có nội dung mới, sâu sắc và toàn diện trên khắp các mặt của đời sống xã hội. Các nội dung này chỉ có thể được thực hiện dựa trên cơ sở tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa cũng là quá trình khẳng định và củng cố vai trò chủ thể quyền lực nhà nước của nhân dân. Thông qua việc xây dựng Quốc hội thực quyền, Chính phủ hiệu quả, nền tư pháp độc lập, công minh, bảo đảm mối quan hệ thống nhất, hiệu lực, hiệu quả năng động, sáng tạo giữa chính quyền trung ương và địa phương, nhân dân được bảo đảm đầy đủ hơn, cụ thể, xác thực hơn quyền làm chủ của mình. Nhà nước tôn trọng và bảo đảm các quyền con người, quyền công dân, đề cao trách nhiệm pháp lý của Nhà nước trước nhân dân, bảo đảm xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, trong đó mọi người dân thực sự có quyền làm chủ đất nước, làm chủ xã hội. Nhân dân sẽ ngày càng củng cố niềm tin vào Đảng và chế độ, bảo đảm cho đất nước phát triển hài hòa, bền vững.

Thứ ba, xuất phát từ xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

Trong tiến trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, Việt Nam đã và đang tham gia một cách tích cực, chủ động vào sân chơi chung toàn cầu, thông qua việc đàm phán gia nhập nhiều tổ chức, hiệp ước, hiệp định quan trọng như WTO, TPP, cộng đồng chung ASEAN... Điều đó vừa tạo điều kiện, vừa đòi hỏi chúng ta không ngừng hoàn thiện thể chế, cải cách thủ tục hành chính, xây dựng một bộ máy nhà nước hoạt động hiệu quả, mà trước mắt là tiếp tục xem xét, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về thương mại, đầu tư, đấu thầu, sở hữu trí tuệ qua đó góp phần nâng cao tính cạnh tranh của môi trường kinh tế Việt Nam.

Việc kiện toàn tổ chức bộ máy và công tác cán bộ, duy trì trật tự, kỷ luật còn nhiều yếu kém. Bộ máy nhà nước chưa thật sự trong sạch, vững mạnh; tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí còn nghiêm trọng, chưa được nghiêm chỉnh, kỷ cương xã hội bị buông lỏng làm sai lệch bản chất tốt đẹp của chế độ, giảm sút lòng tin của nhân dân.

Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã làm nảy sinh nhiều quan hệ mới về dân chủ - pháp luật, con người - xã hội công dân - nhà nước, các chủ thể xã hội - hệ thống kinh tế, chính trị, xã hội và luật pháp. Hơn nữa, yêu cầu xây dựng chế độ dân chủ, bảo đảm mọi quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, dân chủ hóa đời sống xã hội đang ngày càng đòi hỏi cao hơn cả về tính chất và quy mô.

Cùng với đó, các quyền con người, quyền công dân cần được thiết lập mới phù hợp với đất nước và các luật lệ điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia và cam kết; quá trình hội nhập kinh tế quốc tế đòi hỏi bảo đảm sự tương thích của pháp luật quốc gia với các không gian pháp lý có tính quốc tế... Những điều đó, đòi hỏi phải được chế định bằng Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Thành quả 30 năm đổi mới, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, cùng sự tất yếu về kinh tế, chính trị, xã hội và pháp lý trong công cuộc đổi mới vừa qua vừa là tiền đề, vừa là cơ sở khoa học khẳng định tính tất yếu phải tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong thời gian tới mà Đại hội XII của Đảng đã chỉ ra.

*

* *

Tiếp thu những tinh hoa trong tư tưởng nhân loại về nhà nước pháp quyền, nền tảng là tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin và Hồ Chí Minh về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, cùng với sự tích cực nghiên cứu tìm tòi, vận dụng sáng tạo và từng bước áp dụng, thử nghiệm các nhân tố tiến bộ và hợp lý về nhà nước pháp quyền trong quá trình xây dựng Nhà nước Việt Nam, Đảng ta đã có được sự nhận thức khoa học, ngày càng sáng rõ và đầy đủ hơn về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Đây là một quá trình nhận thức khoa học và cách mạng, lâu dài và gian khổ, thể hiện bản lĩnh và trí tuệ của Đảng ta trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam hướng tới các mục tiêu, lý tưởng của chủ nghĩa xã hội. Trong điều kiện mới, từ những thành tựu và hạn chế trong xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thời gian qua đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta phải tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đáp ứng yêu cầu thực hiện tốt hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr. 171.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới và hội nhập (Đại hội VI, VII, VIII, IX, X, XI)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2013, tr. 228.

3,4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới và hội nhập (Đại hội VI, VII, VIII, IX, X, XI)*, *Sđd*, tr. 272, 273.

5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới và hội nhập (Đại hội VI, VII, VIII, IX, X, XI)*, *Sđd*, tr. 312.

6. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr. 40.

7. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 131-132.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 126.
9. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr. 171.
10. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr. 173.
11. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr. 173.
12. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr. 173-174.
13. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr. 174.
14. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr. 174.

Chương II

QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VỀ XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG VĂN KIẾN ĐẠI HỘI XII

I- TIẾP TỤC XÂY DỰNG, HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA DO ĐẢNG LÃNH ĐẠO LÀ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CỦA ĐỔI MỚI HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

Xuyên suốt tiến trình đổi mới phát triển đất nước đến nay, vấn đề xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa luôn được Đảng ta quan tâm, chú trọng. Trải qua mỗi kỳ đại hội, tư duy lý luận của Đảng về nhà nước pháp quyền ngày càng phát triển, hoàn thiện, tạo cơ sở định hướng toàn bộ quá trình xây dựng một nhà nước trong sạch, vững mạnh, đáp ứng được yêu cầu phát triển đất nước. Tại Đại hội XII, Đảng ta đã có những bổ sung, phát triển lý luận, làm sâu sắc thêm những quan điểm về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong các văn kiện trước đó, đáp ứng đòi hỏi của tình hình thực tiễn đất nước thời kỳ mới.

Trên cơ sở đánh giá khái quát những thành tựu và hạn chế trong xây dựng, phát triển đất nước 5 năm qua và 30 năm tiến hành công cuộc đổi mới, trực tiếp là thành tựu và hạn chế trong xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng đã xác định phương hướng, nhiệm vụ thời gian tới là: *“Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị”*¹.

Quan điểm này vừa khẳng định nguyên tắc cao nhất trong toàn bộ quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta là do Đảng

lãnh đạo, vừa chỉ rõ vị trí, tầm quan trọng đặc biệt của nhiệm vụ này trong quá trình đổi mới, phát triển đất nước những năm tiếp theo. Nội dung quan điểm Đại hội XII về vấn đề này thể hiện trên các vấn đề sau:

1. Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo

Sự lãnh đạo của Đảng đối với quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta là tất yếu khách quan là nguyên tắc và là điều kiện quyết định để Nhà nước giữ vững tính chất xã hội chủ nghĩa, ban phát của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Đây là nguyên tắc chỉ đạo toàn bộ quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Thực tiễn cách mạng nước ta đã chứng minh, mọi thắng lợi của cách mạng đều gắn liền với vai trò lãnh đạo của Đảng. Với vai trò là đảng duy nhất cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội, Đảng Cộng sản Việt Nam chịu trách nhiệm về những quyết định của mình trước nhân dân, dân tộc. Vai trò cầm quyền của Đảng đã được nhân dân thừa nhận và được hiến định trong Hiến pháp các năm 1946, 1959, 1980, 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001) và *Hiến pháp năm 2013* Điều 4 *Hiến pháp năm 2013* đã khẳng định địa vị pháp lý của Đảng: “Đảng Cộng sản Việt Nam - Đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội”².

Để thực hiện quyền làm chủ, nhân dân ta phải tổ chức ra Nhà nước. Nhà nước là công cụ quyền lực của nhân dân để quản lý xã hội, vì lợi ích của nhân dân. Nhưng trong điều kiện nước ta, nhất là tình hình phức tạp như hiện nay, việc tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa nếu không do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo thì Nhà nước không thể là Nhà nước của nhân dân,

do nhân dân, vì nhân dân. Nếu Đảng Cộng sản Việt Nam không lãnh đạo thì sẽ có lực lượng đối lập với Đảng lãnh đạo; lúc đó Nhà nước tất yếu sẽ biến thành công cụ của một thiểu số thống trị, nô dịch và bóc lột nhân dân. Bài học kinh nghiệm lớn nhất đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng nước ta hơn 70 năm qua và cũng là bài học xương máu rút ra từ sự sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa theo mô hình Xôviết ở Liên Xô và Đông Âu là giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Chỉ có sự lãnh đạo của Đảng thì Nhà nước mới giữ vững được bản chất giai cấp công nhân, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân.

Sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước thể hiện ở ba điểm cơ bản: Nội dung lãnh đạo; phương thức lãnh đạo và lề lối làm việc, tác phong công tác lãnh đạo.

Nội dung lãnh đạo chủ yếu của Đảng đối với Nhà nước là Đảng đề ra đường lối, chủ trương đúng đắn để xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Đảng lãnh đạo Nhà nước thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng thành chính sách, pháp luật của Nhà nước và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật; tăng cường quản lý cán bộ, đảng viên trong bộ máy nhà nước; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong sạch, vững mạnh; tăng cường kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên trong cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức sự nghiệp, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, doanh nghiệp nhà nước trong việc thực hiện các nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Sự lãnh đạo của Đảng trong xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa không chỉ phụ thuộc vào nội dung lãnh đạo mà còn phụ thuộc vào phương thức lãnh đạo của Đảng tác động vào Nhà nước, thông qua Nhà nước để hiện thực hóa ý chí và mục tiêu của Đảng. Về nguyên tắc, mục tiêu cao nhất của Đảng lãnh đạo Nhà nước là tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân bằng Nhà nước, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước trong quá trình xây dựng xã hội mới, nhằm làm cho mục tiêu của

toàn bộ sự nghiệp cách mạng nói chung, của từng thời kỳ nói riêng được thực hiện có hiệu quả cao.

Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn giữ vững vai trò lãnh đạo trong việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước; đồng thời, mọi hoạt động của Nhà nước luôn được đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng. Điều này được khẳng định xuyên suốt qua các kỳ đại hội của Đảng và trong thực tiễn cách mạng Việt Nam. Tại Đại hội XII, Đảng ta tiếp tục khẳng định: “Đảng ta xứng đáng là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội”³; “Mục đích của Đảng là *không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết: đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; xây dựng nước Việt Nam độc lập, dân chủ, giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh*”⁴. Để thực hiện thắng lợi mục tiêu đó, đòi hỏi Đảng phải tiếp tục: “Nâng cao hiệu quả thực hiện và tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị, đặc biệt là với Nhà nước. Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng các chủ trương, chính sách lớn, lãnh đạo thể chế hóa các quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng thành chính sách, pháp luật, lãnh đạo xây dựng đội ngũ cán bộ công chức đủ phẩm chất và năng lực, lãnh đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách và hệ thống pháp luật; chú trọng lãnh đạo đổi mới, nâng cao chất lượng lập pháp, cải cách hành chính và cải cách tư pháp; các tổ chức của Đảng và đảng viên phải gương mẫu tuân thủ Hiến pháp và pháp luật”⁵.

Để bảo đảm nguyên tắc này được tiếp tục duy trì trong thực tiễn xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nhất là trong bối cảnh tình hình mới, khi các thế lực thù địch ngày càng đẩy mạnh các hoạt động chống phá, đòi hỏi phải có sự kiên định giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Vì vậy, Đảng cần tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo, không ngừng đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, đặc biệt là phân định rõ hơn mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo - Nhà nước quản lý - nhân dân làm chủ. Đối với Nhà nước,

mọi hoạt động xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa đều do Đảng lãnh đạo, lấy đường lối, chủ trương của Đảng làm nền tảng, tiêu chuẩn và mục đích hoạt động. Mọi biểu hiện tách rời hoặc hạ thấp vai trò lãnh đạo của Đảng đối với quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta đều phải kiên quyết ngăn chặn, đấu tranh loại bỏ.

2. Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị

Hệ thống chính trị là khái niệm dùng để chỉ một chỉnh thể bao gồm các tổ chức như đảng chính trị, nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội (hợp pháp); với những quan hệ tác động qua lại giữa các nhân tố đó trong việc tham gia vào các quá trình hoạch định và thực thi các quyết sách chính trị nhằm bảo đảm quyền thống trị của giai cấp, lực lượng cầm quyền, đồng thời đáp ứng nhu cầu ổn định và phát triển xã hội.

Ở nước ta, thuật ngữ “hệ thống chính trị” được sử dụng từ Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VI (3-1989). Mô hình thể chế chính trị ở nước ta là thể chế chính trị nhất nguyên, Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng duy nhất cầm quyền. Do đó, cấu trúc của hệ thống chính trị Việt Nam cũng phải thể hiện rõ tính đặc thù của thể chế chính trị nhất nguyên, cụ thể bao gồm ba thành tố cơ bản hợp thành, đó là: tổ chức bộ máy; các quan hệ chính trị; các nguyên tắc và cơ chế vận hành. Những thành tố này có vai trò, vị trí khác nhau nhưng luôn luôn có mối quan hệ biện chứng chặt chẽ với nhau.

Tổ chức bộ máy hệ thống chính trị nước ta gồm: Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo Nhà nước và xã hội, là hạt nhân của hệ thống chính trị; Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam - bộ phận đứng vị trí trung tâm của hệ thống chính trị; Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể chính trị - xã hội (Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam;

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Hội Nông dân Việt Nam; Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam), v.v..

Các quan hệ chính trị trong hệ thống chính trị nước ta được xác lập bởi một cơ chế chủ đạo là: *Đảng lãnh đạo - Nhà nước quản lý - nhân dân làm chủ*. Các nguyên tắc và cơ chế vận hành hệ thống chính trị ở nước ta bao gồm những nguyên tắc cơ bản như: Quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân; nhân dân ủy quyền có điều kiện và có thời hạn (thông qua bầu cử tự do, bình đẳng, phổ thông, trực tiếp và bỏ phiếu kín); Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo Nhà nước và xã hội; nguyên tắc tập trung dân chủ là nguyên tắc tổ chức và vận hành cơ bản của hệ thống chính trị; nguyên tắc quyền lực nhà nước là tập trung thống nhất, không phân chia, nhưng có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp là nguyên tắc căn bản trong tổ chức vận hành quyền lực Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Trong đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay, trọng tâm là xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đó là yêu cầu khách quan nhằm làm cho chế độ chính trị của nước ta ổn định và bền vững hơn, thể hiện đầy đủ hơn bản chất xã hội chủ nghĩa, phát huy tính ưu việt và vai trò tích cực của chính trị đối với sự phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời, làm cho các bộ phận cấu thành hệ thống hoạt động có hiệu lực và hiệu quả hơn, khắc phục bệnh quan liêu, hình thức trên cơ sở xác định rõ, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức và xác lập cơ chế vận hành thông suốt, chặt chẽ của cả hệ thống dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Mục tiêu đổi mới hệ thống chính trị là nhằm thực hiện tốt hơn dân chủ xã hội chủ nghĩa, thúc đẩy dân chủ hóa đời sống xã hội, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa. Trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta là đổi mới cơ cấu tổ chức và cơ chế vận hành của hệ thống chính trị,

trước hết là đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng; đổi mới, nâng cao hiệu quả quản lý của Nhà nước nhằm giữ vững ổn định chính trị để xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa ngày càng vững mạnh; bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một bộ phận cơ bản của hệ thống chính trị nước ta. Đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta không thể thực hiện mà không bao hàm trong đó việc đổi mới, nâng cao hiệu quả quản lý của Nhà nước, nói cách khác là bao gồm cả việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Do vậy, quan điểm tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng lãnh đạo trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị. Điều đó cho thấy vị trí, tầm quan trọng đặc biệt của nhiệm vụ này trong toàn bộ quá trình đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay, thể hiện sự trung thành và vận dụng sáng tạo quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và tinh hoa văn hóa nhân loại về nhà nước pháp quyền và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; đồng thời, bắt nguồn trực tiếp từ thực tiễn đổi mới của Việt Nam.

Quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa tác động, ảnh hưởng đến tất cả các tổ chức, mối quan hệ quyền lực giữa Nhà nước với các tổ chức trong hệ thống chính trị và đời sống xã hội nước ta. Thông qua việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng mới có cơ sở thực tiễn để thực hiện, đồng thời nền dân chủ xã hội chủ nghĩa mới được bảo đảm và phát huy, các tổ chức chính trị - xã hội khác mới có điều kiện để phát triển, thực hiện đúng, đủ, hiệu quả và hiệu lực các chức năng, nhiệm vụ của mình. Đồng thời thể hiện sự phát triển tư duy lý luận của Đảng

ta về đổi mới hệ thống chính trị, về bản chất, vai trò, cấu trúc, chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

“Xây dựng” và “hoàn thiện” Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ quan trọng, được tiến hành đồng thời; xây dựng cũng chính là hoàn thiện, vừa xây dựng vừa hoàn thiện; ngược lại, trong hoàn thiện có xây dựng. Quá trình hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa sẽ là quá trình không ngừng nâng cao nhận thức lý luận, tiếp thu có chọn lọc các giá trị phổ biến của nhà nước pháp quyền nói chung và đúc kết kinh nghiệm thực tiễn lãnh đạo quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam nói riêng. Vì vậy, đòi hỏi Đảng và Nhà nước phải chú trọng rà soát lại toàn bộ hệ thống thể chế, luật pháp, cơ chế, chính sách và môi trường, điều kiện để đạt được mục đích thiết lập một bộ máy nhà nước tinh gọn, hiệu quả, bảo đảm phát huy cao nhất quyền làm chủ của nhân dân, vừa bảo đảm là công cụ quan trọng nhất để giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, vừa phù hợp với xu thế phát triển chung của thế giới. Quá trình hoàn thiện sẽ bổ khuyết những gì còn thiếu trong quá trình xây dựng, thay thế những gì đã, đang có nhưng không còn phù hợp. Đây là sự nhấn mạnh của Đảng về những nhiệm vụ cần làm đổi mới với vấn đề hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong những năm tới.

Trong giai đoạn hiện nay, vấn đề xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam càng trở nên cấp thiết, xuất phát từ vị trí, tầm quan trọng của việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa đối với sự phát triển của đất nước; từ thực trạng xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay; từ yêu cầu quản lý, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, từ yêu cầu phát triển xã hội theo hướng dân chủ hóa, hài hòa, bền vững; từ yêu cầu thống nhất với những định

hướng về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa được xác định trong *Hiến pháp năm 2013*.

Có thể khẳng định rằng, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là một trong những vấn đề mấu chốt nhất của đổi mới hệ thống chính trị, có ý nghĩa quyết định thành công của công cuộc đổi mới đất nước, đến sự tồn vong của chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Quan điểm “*Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị*” được Đảng ta cụ thể hóa bằng những định hướng cơ bản: “Trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước, phải thực hiện dân chủ, tuân thủ các nguyên tắc pháp quyền và phải tạo ra sự chuyển biến tích cực, đạt kết quả cao hơn. Xây dựng Nhà nước pháp quyền phải tiến hành đồng bộ cả lập pháp, hành pháp, tư pháp và được tiến hành đồng bộ với đổi mới hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; gắn với đổi mới kinh tế, văn hóa, xã hội. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế bảo vệ Hiến pháp và pháp luật”⁶.

Những định hướng cơ bản trên chỉ ra những yêu cầu then chốt để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Thứ nhất, thực hiện dân chủ, tuân thủ các nguyên tắc pháp quyền trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước.

Đây vừa là nguyên tắc căn bản, vừa là giải pháp quan trọng hàng đầu trong xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Đặc trưng cơ bản nhất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là tính dân chủ cao nhất của nó, là tự khẳng định chủ thể đích thực của quyền lực nhà nước là nhân dân mà nền tảng là

khối liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

Hành trình hơn 70 năm Đảng ta lãnh đạo xây dựng và hoàn thiện Nhà nước xã hội chủ nghĩa đã chứng kiến những biến thiên to lớn trong lịch sử thế giới và dân tộc, có những giai đoạn thử thách cao độ đối với niềm tin vào chủ nghĩa Mác - Lênin, vào lý tưởng cộng sản. Từ những ngày đầu thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đến xây dựng nhà nước kiểu mới - Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay, Đảng ta luôn kiên định giữ vững và phát huy bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước, bảo đảm quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức. Đây là nguyên tắc cơ bản của Đảng trong lãnh đạo xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đồng thời cũng là minh chứng sinh động cho bản lĩnh và trí tuệ lãnh đạo của Đảng. Nguyên tắc này được thể hiện nhất quán, súc tích hơn tại Điều 2 *Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001)*: “Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức”. Nguyên tắc này một lần nữa được khẳng định tại khoản 2, Điều 2 *Hiến pháp năm 2013*: “Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức”.

Xuyên suốt quá trình cách mạng nước ta, nguyên tắc quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, nòng cốt là khối liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng đều được hiến định trong Hiến pháp của Nhà nước ta. Sự nhất quán một nguyên tắc xuyên suốt quá trình lịch sử lâu dài

của đất nước vừa thể hiện bản lĩnh chính trị của Đảng, vừa thể hiện sâu sắc sự thống nhất ý chí giữa Đảng và nhân dân ta.

Bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam có sự thống nhất biện chứng với tính dân chủ xã hội chủ nghĩa. Đây không phải là hai vấn đề khác nhau, mà là hai mặt của một vấn đề. Biểu hiện cao nhất bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là tính dân chủ rộng rãi, triệt để; ngược lại, tính dân chủ rộng rãi, triệt để của Nhà nước không phải là cái gì khác hơn ngoài sự biểu hiện bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Mọi biểu hiện tách rời hai mặt này trong nhận thức và vận dụng xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa đều là sai lầm, dẫn tới nguy cơ thất bại trong tổ chức thực hiện.

Khẳng định nhân dân là chủ thể tối cao của quyền lực nhà nước không chỉ là yêu cầu tất yếu của việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, mà còn là một đòi hỏi xuất phát từ hoàn cảnh lịch sử đặc thù của nước ta. Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là thành quả trực tiếp của cuộc đấu tranh trường kỳ, gian khổ của nhân dân ta chống lại ách thống trị của phong kiến, thực dân. Về mặt pháp lý, đó là những thiết chế quyền lực do nhân dân ta bầu ra trên cơ sở sử dụng quyền bầu cử của những công dân tự do trong một nước độc lập. *Tuyên ngôn độc lập* được Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc tại Quảng trường Ba Đình ngày 2-9-1945 đã khẳng định: “Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để gây nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỷ mà lập nên chế độ Dân chủ Cộng hòa”⁷.

Nguyên tắc bảo đảm quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức có ý nghĩa to lớn đối với quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ

nghĩa ở nước ta. Sự tham gia của nhân dân vào tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước là điều kiện căn bản để phát huy được sức mạnh, trí tuệ của nhân dân; giúp nhân dân kiểm tra, giám sát được công việc của Nhà nước; chống các biểu hiện quan liêu, xa rời nhân dân của bộ máy nhà nước...

Trong tính đặc thù của bối cảnh lịch sử - chính trị nước ta, việc phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong tổ chức và vận hành bộ máy nhà nước gặp phải nhiều khó khăn, thử thách. Từ một nước thuộc địa nửa phong kiến tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa với tính chất là một hình thái kinh tế - xã hội, là một sự chuyển mình về thể chế chính trị mang tính bước ngoặt, không phải trong thời gian ngắn có thể tạo dựng được đầy đủ những đặc tính của nền cộng hòa dân chủ, nhất là nền dân chủ toàn diện nhất, triệt để nhất như chế độ xã hội chủ nghĩa. Nhân dân ta, từ thân phận là “thần dân của vua chúa” trong chế độ phong kiến; là vong quốc nô, của đế quốc ngoại bang tiến lên địa vị làm chủ hoàn toàn Nhà nước và xã hội, “nhà nước của nhân dân”, là sự thay đổi lớn lao về địa vị chính trị, cũng không phải một sớm một chiều có thể hoàn toàn thích nghi và thực hiện thấu đáo được. Bối cảnh chính trị đặc thù đó chưa cho phép đất nước ta có được truyền thống dân chủ, nên quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, việc bảo đảm mọi quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân là quá trình vừa làm vừa tìm tòi, thử nghiệm của cả phía Nhà nước và nhân dân.

Việc Đảng ta kiên định nguyên tắc bảo đảm mọi quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức là điều kiện cơ bản nhất bảo đảm cho đất nước ta đi đến một nền dân chủ hoàn bị, triệt để thực sự, bao gồm cả hai khía cạnh: trình độ tổ chức, bảo đảm dân chủ của Nhà nước và ý thức, năng lực làm chủ của nhân dân.

Đặt yêu cầu “phải thực hiện dân chủ” lên vị trí đầu tiên trong các phương hướng, nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, Đại hội XII của Đảng không những đã thể hiện sự trung thành và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; sự thấu hiểu sâu sắc lịch sử chính trị - pháp lý nước ta; sự nhất quán với những quan điểm mà Đảng đã thể hiện trước đó; mà còn cho thấy Đảng ta đã nhìn thẳng nhìn đúng vấn đề then chốt nhất, nguyên nhân chủ yếu nhất dẫn đến những tồn tại, hạn chế trong xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta, đó là vấn đề dân chủ.

Thực tiễn từ khi đất nước đổi mới đến nay cho thấy, do nhận thức chưa thực sự sâu sắc và đầy đủ về vấn đề này nên trong quá trình tổ chức xây dựng nhà nước pháp quyền ở nước ta vẫn còn nhiều bất cập, vi phạm dân chủ, quan liêu trong bộ máy hành chính nhà nước, xa dân, làm suy giảm niềm tin của quần chúng nhân dân vào Nhà nước, làm suy giảm hiệu lực quản lý của bộ máy nhà nước đối với xã hội. Vì vậy, cần quán triệt sâu sắc nguyên tắc dân chủ trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, coi đó vừa là thực chất, là mục tiêu và động lực của việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Nguyên tắc này cần được tiếp cận từ cả hai góc độ: dân chủ trong tổ chức và hoạt động cùng sự bảo đảm của bộ máy nhà nước đối với quyền làm chủ của nhân dân. Hai nội dung này có quan hệ biện chứng, không tách rời nhau. Muốn bảo đảm được cả hai khía cạnh này, trong xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta cần tạo mọi điều kiện để nhân dân tham gia xây dựng và quản lý nhà nước, đồng thời có cơ chế để người dân có thể thực sự kiểm soát, giám sát hoạt động của Nhà nước và đội ngũ cán bộ, công chức. Nhà nước bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân thông qua hai hình thức chủ yếu là dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện, đồng thời không ngừng phát triển các hình thức dân chủ mới, bảo đảm cao nhất quyền làm chủ của nhân dân.

Để bảo đảm quyền lực nhà nước thực sự thuộc về nhân dân, trước hết về mặt nhận thức cần phải thấy rõ Nhà nước là của nhân dân chứ không phải nhân dân là của Nhà nước. Vì thế, nhà nước pháp quyền phải đề cao tính hợp hiến, hợp pháp trong tổ chức và hoạt động. Nhà nước chỉ được làm những điều pháp luật cho phép, còn nhân dân được làm tất cả những điều pháp luật không cấm, pháp luật bảo đảm cho sự phát triển tự do tối đa của nhân dân. Trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, pháp luật luôn giữ vai trò tối thượng trong xây dựng và duy trì một xã hội trật tự ổn định. Ở đó không chỉ mỗi công dân, mỗi cá nhân, mà bản thân Nhà nước và những người đứng đầu chính quyền cũng phải tôn trọng và hoạt động theo khuôn khổ của Hiến pháp và pháp luật.

Trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, nguyên tắc thực hiện dân chủ trong xây dựng và hoàn thiện nhà nước được Đảng ta đề cập rất cụ thể. Đảng tiếp tục nhấn mạnh và nhắc lại quan điểm về dân chủ đã được hiến định trong *Hiến pháp năm 2013*: Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức. Nguyên tắc này còn được thể hiện trên nhiều khía cạnh khác nhau, ở nhiều vấn đề, nội dung khác nhau của Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII. Trước hết là, bài học rút ra từ 30 năm tiến hành công cuộc đổi mới, đó là: “đổi mới phải luôn luôn quán triệt quan điểm “dân là gốc”, vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò làm chủ, tinh thần trách nhiệm, sức sáng tạo và mọi nguồn lực của nhân dân; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc”⁸. Tiếp đến là trong phương hướng phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc của *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng* cũng xác định: “hoàn thiện và thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách phát huy vai trò của nhân dân trong việc quyết định những vấn đề lớn của đất nước; bảo đảm tất cả

quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân”⁹; “Mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đều vì lợi ích của nhân dân”¹⁰... Đây không chỉ là nguyên tắc chỉ đạo của riêng hoạt động xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, mà còn được lồng ghép, cụ thể hóa trong mọi hoạt động khác của đời sống chính trị nước ta.

Cùng với việc thực hiện dân chủ, Đảng ta còn khẳng định phải *tuân thủ các nguyên tắc pháp quyền* trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước.

Thuật ngữ “nguyên tắc pháp quyền xã hội chủ nghĩa” đã được Đảng ta chính thức sử dụng tại Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24-5-2005 của Bộ Chính trị về *Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*. Tuy nhiên, cho đến nay, những nội dung cơ bản của nguyên tắc này chưa được tập trung nghiên cứu, làm rõ; nội hàm của nguyên tắc chưa được nhận thức đầy đủ và chưa được áp dụng thống nhất như một nguyên tắc cơ bản trong quá trình phát triển hệ thống lý luận về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Việc Đại hội XII khẳng định tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước phải tuân thủ các nguyên tắc pháp quyền cho thấy Đảng ta đã có bước phát triển trong nhận thức lý luận, đồng thời đặt ra yêu cầu phải tiếp tục nghiên cứu và áp dụng nguyên tắc này trong thực tiễn xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa những năm tiếp theo. Về nhận thức lý luận cần phân biệt rõ hơn nội hàm các khái niệm “pháp quyền” và “pháp chế”, “nguyên tắc pháp quyền” và “nguyên tắc pháp chế”, “nguyên tắc pháp quyền” và “nguyên tắc xây dựng nhà nước pháp quyền”... Nguyên tắc pháp quyền xã hội chủ nghĩa đòi hỏi thực hiện các vấn đề cơ bản là:

- Tinh thần thượng tôn pháp luật của toàn xã hội, ý thức tuân thủ và chấp hành pháp luật của cơ quan nhà nước, công chức, viên chức và mọi công dân.

- Sự ngự trị tuyệt đối của pháp luật như là sự hạn chế ảnh hưởng của việc sử dụng quyền lực một cách tùy tiện. Hoạt động hành pháp của Chính phủ phải bảo đảm tính dân chủ và pháp quyền, phải tuân thủ những quy tắc đã được ấn định và công bố từ trước. Các cơ quan công quyền có trách nhiệm áp dụng pháp luật một cách nhất quán, bình đẳng và không thiên vị.

- Phải xây dựng hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai và minh bạch. Hệ thống pháp luật phải đáp ứng được những yêu cầu khách quan của xã hội, đồng thời cũng phải thể hiện các giá trị tiến bộ xã hội như tự do, nhân đạo, công bằng, bảo đảm và bảo vệ các quyền con người. Một đạo luật sẽ mất đi tính pháp quyền nếu nó không phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật, không thể hiện được các giá trị cao cả như lương tri, tự do, bình đẳng, công bằng, không phù hợp với tiến bộ xã hội và các giá trị nhân văn của xã hội nói chung.

- Sự liêm chính trong quá trình xét xử, các nguyên tắc tố tụng phải chặt chẽ và hợp lý để tìm ra sự thật. Các cơ quan tư pháp phải thực sự là chỗ dựa của nhân dân trong việc bảo vệ công lý, quyền con người, đồng thời phải là công cụ hữu hiệu bảo vệ pháp luật và pháp chế xã hội chủ nghĩa, đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm và vi phạm pháp luật...

Giữa thực hiện dân chủ và tuân thủ các nguyên tắc pháp quyền trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước có mối quan hệ gắn bó chặt chẽ với nhau. Thực hiện dân chủ vừa là một nội dung của nguyên tắc pháp quyền, vừa là điều kiện bảo đảm thực hiện nguyên tắc pháp quyền. Ngược lại, tuân thủ các nguyên tắc pháp quyền cũng là điều kiện bảo đảm thực hiện dân chủ. Chỉ có bảo đảm thực hiện đồng bộ, tích cực cả hai yêu cầu này thì mới có thể tạo ra sự chuyển biến tích cực, đạt kết quả cao hơn trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước.

Thứ hai, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa phải tiến hành toàn diện, đồng bộ cả lập pháp, hành pháp, tư pháp và đổi mới hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả gắn với đổi mới kinh tế, văn hóa, xã hội.

Đây vừa là những định hướng lớn của Đảng, vừa là yêu cầu nhiệm vụ trọng tâm của quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Lập pháp, hành pháp, tư pháp là ba bộ phận cơ bản cấu thành quyền lực nhà nước. Quyền lực nhà nước là thống nhất thuộc về nhân dân và không thể phân chia, tách rời giữa các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nhân dân là chủ thể, là cội nguồn của quyền lực nhà nước. Nhân dân thực hiện quyền lực của mình thông qua Nhà nước, bằng Nhà nước.

Hoạt động của Nhà nước có phạm vi rộng lớn, không có một cơ quan nào có khả năng trực tiếp thực thi một cách đầy đủ, hiệu quả cả quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Vì vậy, cần thiết có sự phân công rành mạch và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện ba quyền, nhằm vừa bảo đảm tính độc lập, chủ động, tính trách nhiệm cao của từng cơ quan nhà nước trong việc thực thi quyền lực được nhân dân trao cho, vừa bảo đảm tính thống nhất, khách quan, hiệu quả, vừa tránh tình trạng lạm quyền, chuyên quyền của hệ thống cơ quan nhà nước, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân.

Quyền lực nhà nước không phải là quyền lực tự thân của Nhà nước, mà là quyền lực của nhân dân ủy quyền và giao quyền cho Nhà nước thực hiện. Mỗi quyền lại được giao cho những cơ quan khác nhau thực hiện. *Hiến pháp năm 2013* đã tiến một bước mới trong việc phân công quyền lực nhà nước. Lần đầu tiên trong Hiến pháp nước ta chỉ rõ Quốc hội thực hiện quyền lập pháp (Điều 69), Chính phủ thực hiện quyền hành pháp (Điều 94), Tòa án nhân dân thực hiện quyền tư pháp (Điều 102).

Quyền lập pháp là quyền đại diện cho nhân dân thể hiện ý chí chung của quốc gia, được nhân dân trao cho Quốc hội - cơ quan bao gồm những đại biểu ưu tú được nhân dân lựa chọn thông qua phổ thông đầu phiếu.

Quyền lập pháp của Quốc hội không chỉ là quyền xây dựng Hiến pháp và pháp luật, mà còn bao gồm cả quyền giám sát việc thực hiện Hiến pháp và pháp luật. Quốc hội thay mặt nhân dân giám sát tối cao hoạt động của Nhà nước, nhất là hoạt động thực hiện quyền hành pháp, để góp phần giúp cho các quyền mà nhân dân giao cho các cơ quan nhà nước không bị lạm quyền, lộng quyền hay bị tha hóa.

Quyền hành pháp là quyền tổ chức thực hiện ý chí chung của quốc gia do Chính phủ đảm trách. Thuộc tính cơ bản, xuyên suốt mọi hoạt động của quyền này là đề xuất, hoạch định tổ chức soạn thảo chính sách quốc gia và sau khi chính sách quốc gia được thông qua thì Chính phủ tổ chức thực hiện và quản lý nhà nước mà thực chất là tổ chức thực hiện pháp luật để bảo đảm an ninh, an toàn và phát triển xã hội.

Quyền tư pháp là quyền xét xử, được nhân dân giao cho tòa án thực hiện. Đây thực chất là quyền bảo vệ ý chí chung của quốc gia bằng việc xét xử các hành vi vi phạm Hiến pháp, pháp luật từ phía công dân và cơ quan nhà nước. Bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân là nhiệm vụ hàng đầu của quyền tư pháp.

Muốn quyền lực nhà nước được thống nhất, thực hiện có hiệu lực, hiệu quả thì trong quá trình xây dựng và hoàn thiện nhà nước nhất thiết phải tiến hành đồng bộ cả hoạt động lập pháp, hành pháp và tư pháp, cụ thể hơn là đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân... Phương hướng đổi mới là phải xây dựng các cơ quan này tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Từng cơ quan phải triệt để thực hiện cải cách hành chính, tinh giản biên chế, xây dựng tổ chức bộ máy và cơ chế vận hành khoa học, hiệu quả; xây

dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất đạo đức, năng lực, trình độ chuyên môn cao, hoạt động theo hướng chuyên nghiệp hóa trên từng lĩnh vực đảm nhiệm.

Cùng với việc đổi mới đồng bộ hoạt động lập pháp, hành pháp, tư pháp, Đảng ta còn xác định xây dựng nhà nước pháp quyền phải *được tiến hành đồng bộ với đổi mới hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả*. Đây là chủ trương lớn của Đảng, được thực hiện xuyên suốt từ khi tiến hành công cuộc đổi mới đất nước đến nay. Để đổi mới đất nước, hội nhập sâu rộng với quốc tế, nhất thiết phải khắc phục được tình trạng bộ máy hành chính cồng kềnh, hoạt động kém hiệu quả, gây nhiều phiền hà, những nhiễu, cản trở hoạt động của người dân và doanh nghiệp. Cần phải xây dựng được một hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả thông qua cải cách tổng thể nền hành chính quốc gia. Trọng tâm của quá trình này là đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và sử dụng, bố trí đúng, đủ biên chế, thực sự lựa chọn được những người có đủ phẩm chất, năng lực vào làm việc trong các cơ quan nhà nước, bảo đảm đúng người, đúng việc. Quá trình đổi mới hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả có sự gắn bó chặt chẽ, là hoạt động song trùng với quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa hiện nay.

Thực tiễn lịch sử cho thấy, những thành tựu của đất nước ta trên con đường đổi mới luôn gắn liền với những kết quả của quá trình đổi mới hệ thống chính trị và xây dựng nhà nước.

Trước công cuộc đổi mới, đất nước ta rơi vào tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng, một trong những nguyên nhân quan trọng là năng lực quản lý yếu kém của bộ máy nhà nước, duy trì quá lâu cơ chế quản lý quan liêu, bao cấp, mệnh lệnh hành chính. Nhận thức được thực trạng đó, từ Đại hội VI đến Đại hội X, vấn đề cải cách hành chính liên tục được đặt ra để xây dựng bộ máy hành chính gọn nhẹ, hoạt động hiệu quả; xây dựng nền hành chính dân chủ trong sạch, vững mạnh,

từng bước hiện đại... Tới Đại hội XI, vấn đề cải cách hành chính được đề cập với nhiều yêu cầu cụ thể hơn, quyết liệt hơn. Đó là đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, giảm mạnh và bãi bỏ các loại thủ tục hành chính gây phiền hà cho tổ chức và công dân; tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Chính phủ theo hướng xây dựng nền hành chính thống nhất, thông suốt, trong sạch, vững mạnh, có hiệu lực, hiệu quả, tổ chức tinh gọn và hợp lý...

Đến Đại hội XII, trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực tiếp tục có những diễn biến nhanh chóng, phức tạp; đất nước đang trong quá trình phục hồi sau ảnh hưởng của khủng hoảng và suy thoái kinh tế toàn cầu, nhiều vấn đề hạn chế, yếu kém của nền kinh tế bộc lộ; sự phát triển nhanh của tiến trình hội nhập quốc tế đã tiếp tục đặt ra yêu cầu bức thiết phải tiếp tục xây dựng một hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, một bộ máy hành chính tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, thúc đẩy sự phát triển của đất nước. Đảng ta xác định: “Xây dựng tổ chức bộ máy của toàn hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu”¹¹ là một trong sáu nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ của Đại hội XII. Điều đó cho thấy, việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền gắn với đổi mới chính trị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả là một quyết tâm chính trị lớn của Đảng, góp phần đưa đất nước phát triển mạnh mẽ hơn nữa trong những năm tiếp theo.

Đại hội XII của Đảng cũng khẳng định, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta phải *gắn với đổi mới kinh tế, văn hóa, xã hội*.

Chủ trương trên của Đảng xuất phát từ lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin về mối quan hệ biện chứng giữa kinh tế và chính trị. Các quan hệ kinh tế và cơ cấu kinh tế là nền móng trên đó dựng lên một kiến trúc thượng tầng pháp lý, chính trị tương ứng; ngược lại, thượng tầng chính trị, pháp lý đó cũng có tác động mạnh tới sự vận động và phát triển của kinh tế. Sự tác động lại đó có hai khả năng cơ bản: Thúc đẩy sự

phát triển của kinh tế, khi đó là thứ chính trị đúng đắn, khoa học; kìm hãm sự phát triển của kinh tế khi đó là thứ chính trị sai lầm (bao gồm cả “tả khuynh” lẫn “hữu khuynh”).

Từ việc nghiên cứu sâu sắc quan hệ biện chứng giữa chính trị và kinh tế đã từng diễn ra trong lịch sử chủ nghĩa Mác - Lênin nêu lên hai luận điểm nền tảng: Chính trị là sự biểu hiện tập trung của kinh tế, Chính trị không thể không chiếm vị trí ưu tiên so với kinh tế.

“Chính trị là biểu hiện tập trung của kinh tế” - điều đó có nghĩa là, so với kinh tế, chính trị là sự phản ánh, là “tính thứ hai”; không có những quan hệ chính trị và quy luật chính trị độc lập tuyệt đối với các quan hệ và quy luật kinh tế. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý rằng chính trị không phải là cái gương soi đối với đời sống kinh tế, mà là sự *biểu hiện tập trung* của kinh tế. Nó phản ánh mang tầm khái quát, làm bộc lộ cái bản chất nhất của đời sống kinh tế, cái cơ bản nhất, cái mang tính chi phối trong đời sống kinh tế. Chính loại yếu tố đó quy định nội dung căn bản nhất của chính trị thuộc chủ thể cầm quyền.

“Chính trị không thể không chiếm vị trí ưu tiên so với kinh tế” - luận điểm nói lên vai trò *năng động, tính độc lập tương đối, sự tác động trở lại của chính trị đối với kinh tế*. Luận điểm đó có tiền đề phương pháp luận xuất phát từ tính năng động của ý thức đối với vật chất, của ý thức xã hội đối với tồn tại xã hội (khi xét chính trị từ phương diện “ý thức chính trị”, bao gồm cả quan điểm chính trị, đường lối chính trị, tâm lý và tình cảm chính trị, chủ trương, chính sách...), của kiến trúc thượng tầng đối với cơ sở hạ tầng (khi xét chính trị là một bộ phận của kiến trúc thượng tầng).

Thực tiễn chứng minh rằng, một quan điểm hay một thiết chế chính trị sai lầm có tác động rất tiêu cực đối với sự phát triển của kinh tế, của sản xuất; nó có tác động kìm hãm vô cùng to lớn đối với sự phát triển của kinh tế. Trong thời kỳ trước đổi

mới ở nước ta, những nhận thức sai lầm về cơ cấu thành phần kinh tế ngay khi bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội từ một nước nghèo nàn, lạc hậu lại bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa đã gây nên những hậu quả tiêu cực nghiêm trọng. Tác động kìm hãm sự phát triển kinh tế ở thời kỳ đó còn tăng lên do tình trạng quan liêu của các thiết chế chính trị. Từ khủng hoảng về kinh tế lan sang khủng hoảng về xã hội tạo ra “khủng hoảng kinh tế - xã hội” xuất hiện vào đầu những năm 80 của thế kỷ XX ở nước ta là biểu hiện tập trung nhất của tác động kìm hãm, tác động tiêu cực của một số yếu tố chính trị sai lầm đối với kinh tế. Ngược lại, sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế, của việc giải phóng lực lượng sản xuất, và do đó sự tăng trưởng, phát triển nhanh chóng của đời sống kinh tế dưới tác động của những quan điểm kinh tế, của đường lối kinh tế (chính trị trên lĩnh vực kinh tế) trong quá trình đổi mới là bằng chứng nói lên tác động tích cực của chính trị đúng đắn đối với kinh tế.

Từ mối quan hệ biện chứng giữa kinh tế và chính trị, tất yếu dẫn tới hệ quả là đổi mới kinh tế phải gắn liền với đổi mới chính trị và ngược lại.

Ở nước ta, đổi mới kinh tế thực chất là chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung cao độ sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đó là nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản; vừa vận động theo những quy luật của kinh tế thị trường, vừa được dẫn dắt chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của chủ nghĩa xã hội; trong đó cơ chế thị trường được vận dụng đầy đủ, linh hoạt để phát huy mạnh mẽ, có hiệu quả mọi nguồn lực nhằm phát triển nhanh và bền vững nền kinh tế.

Đổi mới chính trị ở Việt Nam không phải là thay đổi chế độ chính trị hiện nay bằng chế độ chính trị khác, mà là quá trình đổi mới tư duy chính trị về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội; đó cũng là quá trình hoàn thiện tổ

chức bộ máy, nội dung và phương thức hoạt động của cả hệ thống chính trị theo hướng tạo lập nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và một Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân, thể hiện và thực hiện ý chí, quyền lực của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

Như vậy, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một nội dung trọng yếu của đổi mới chính trị ở nước ta. Nó có mối quan hệ gắn bó chặt chẽ, tác động biện chứng lẫn nhau với đổi mới kinh tế. Mọi nhận thức tách rời đổi mới chính trị nói chung, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa nói riêng với đổi mới kinh tế đều là sai lầm, phiến diện, tất yếu dẫn tới thất bại trong quá trình đổi mới.

Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân nhất thiết phải đặt trong quan hệ mật thiết với đổi mới hệ thống chính trị, đổi mới kinh tế và văn hóa - xã hội. Đây cũng là bài học được đúc kết từ kinh nghiệm thực tiễn qua 30 năm đổi mới, đồng thời phản ánh vấn đề có tính quy luật trong tiến trình đổi mới đi lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa như ở nước ta. Xuyên suốt các văn kiện của Đảng trong thời kỳ đổi mới đất nước, tư tưởng này được thể hiện nhất quán và không ngừng được bổ sung, phát triển.

Qua 30 năm đổi mới, nhận thức của Đảng ta về mối quan hệ biện chứng giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị đã nâng lên một bước rõ rệt, đánh dấu bằng Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa VI (3-1989). Tại hội nghị này, Đảng ta xác định: Chúng ta tập trung sức làm tốt đổi mới kinh tế, đồng thời từng bước đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của các tổ chức chính trị. Không thể tiến hành cải cách hệ thống chính trị một cách vội vã khi chưa đủ căn cứ, mở rộng dân chủ không có giới hạn, không có mục tiêu cụ thể và không đi đôi với tập trung thì dẫn đến sự mất ổn định về chính trị, gây thiệt hại cho sự nghiệp đổi mới.

Tới Đại hội VII, chủ trương giải quyết mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị tiếp tục được Đảng ta nhấn mạnh: Phải tập trung sức làm tốt đổi mới kinh tế, đáp ứng những đòi hỏi cấp bách của nhân dân về đời sống, việc làm và các nhu cầu xã hội khác, xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, coi đó là điều kiện quan trọng để tiến hành thuận lợi đổi mới trong lĩnh vực chính trị. Đồng thời với đổi mới kinh tế, phải từng bước đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị, phát huy ngày càng tốt quyền làm chủ và năng lực sáng tạo của nhân dân trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Đến Đại hội VIII, Đảng ta chỉ rõ: Kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị.

Chủ trương gắn đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị tiếp tục được các đại hội sau này phát triển thêm. Đại hội IX, Đại hội X xác định mục tiêu: Đổi mới toàn diện, đồng bộ, có kế thừa, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp. Phải đổi mới từ nhận thức, tư duy đến hoạt động thực tiễn; từ kinh tế, chính trị, văn hóa, đối ngoại đến tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội; từ hoạt động lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đến hoạt động cụ thể trong từng bộ phận của hệ thống chính trị. Đại hội XI xác định: Đổi mới chính trị phải đồng bộ với đổi mới kinh tế theo lộ trình thích hợp, trọng tâm là hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, mở rộng dân chủ trong Đảng và trong xã hội gắn với tăng cường kỷ luật, kỷ cương.

Như vậy, có thể khẳng định, chủ trương bảo đảm sự gắn bó chặt chẽ giữa hoàn thiện Nhà nước pháp quyền với đổi mới hệ thống chính trị và đổi mới kinh tế văn hóa - xã hội đã được Đảng ta thực hiện nhất quán trong suốt quá trình lãnh đạo công cuộc đổi mới ở nước ta. Đây cũng là thành quả của quá trình đấu tranh quyết

liệt của Đảng với rất nhiều quan điểm chống phá của các thế lực thù địch, các phần tử cơ hội, xét lại. Sự phát triển của chủ trương này góp phần tạo dựng một phần quan trọng của lý luận đổi mới. Đến trước Đại hội XII, những nhận thức cơ bản nhất về bảo đảm sự gắn bó chặt chẽ giữa hoàn thiện nhà nước pháp quyền với đổi mới hệ thống chính trị và đổi mới kinh tế, văn hóa, xã hội đã tương đối hoàn thiện. Kế thừa và phát triển những thành tựu nghiên cứu lý luận và thực tiễn lãnh đạo đất nước những năm qua, Đại hội XII của Đảng đã tiếp tục làm sâu sắc, cụ thể hơn chủ trương này.

Gắn xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa với đổi mới hệ thống chính trị và đổi mới kinh tế, văn hóa, xã hội đã trở thành một tiêu chí quan trọng để Đại hội XII đánh giá những thành tựu đạt được và hạn chế còn tồn tại trong 5 năm (2011-2015), cũng như qua 30 năm đổi mới toàn diện đất nước.

Trong Báo cáo chính trị trình Đại hội XII, khi đánh giá về tình hình hoàn thiện thể chế, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong 5 năm (2011-2015), Đảng ta nhận định: “Vai trò của Nhà nước được điều chỉnh phù hợp hơn với cơ chế thị trường, ngày càng phát huy dân chủ trong đời sống kinh tế - xã hội”¹². Đó vừa là một thành tựu quan trọng của nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, vừa là cơ sở, nguyên nhân của những thành tựu trong đổi mới hệ thống chính trị và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội. Khi nhìn lại 30 năm đổi mới, đánh giá về những hạn chế, khuyết điểm còn tồn tại, Đảng ta thẳng thắn chỉ rõ: “Đổi mới chính trị chưa đồng bộ với đổi mới kinh tế, năng lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị chưa ngang tầm nhiệm vụ”¹³. Trong *Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội 5 năm 2016-2020*, khi đánh giá về thực hiện các đột phá chiến lược và tạo nền tảng để đến năm 2020 đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, Đảng ta nhận

định: “*Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa còn nhiều vướng mắc, chưa tạo được đột phá thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội*”¹⁴. Quản lý nhà nước chưa đáp ứng kịp yêu cầu phát triển của kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Cải cách hành chính và năng lực tạo dựng thể chế để bảo đảm cho doanh nghiệp, người dân tự do kinh doanh và cạnh tranh bình đẳng trong kinh tế thị trường còn nhiều hạn chế. Nhiều quy định trong hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách và quản lý điều hành chưa tuân thủ đầy đủ quy luật của kinh tế thị trường, nhất là trong phân bổ nguồn lực, quản lý giá hàng hóa, dịch vụ công thiết yếu và chưa bảo đảm cạnh tranh bình đẳng. Các loại thị trường vận hành còn nhiều vướng mắc và hiệu quả chưa cao. Đây là sự đánh giá nghiêm túc của Đảng về hạn chế của công cuộc đổi mới, dưới góc độ nhìn nhận tính hiệu quả của một chủ trương quan trọng là: đổi mới kinh tế gắn với đổi mới chính trị, văn hóa, xã hội. Chủ trương gắn xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa với đổi mới hệ thống chính trị và đổi mới kinh tế, văn hóa, xã hội được cụ thể hóa, còn trở thành một nội dung đặc biệt quan trọng trong mục tiêu, nhiệm vụ tổng quát phát triển đất nước trong 5 năm 2016-2020.

Về mục tiêu tổng quát, Đảng ta xác định: “*đổi mới mạnh mẽ, toàn diện và đồng bộ, có bước đi phù hợp trên các lĩnh vực, nhất là giữa kinh tế và chính trị*”¹⁵; “*Đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; phát triển kinh tế nhanh, bền vững, phấn đấu sớm đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại*”¹⁶. “*Đến năm 2020, phấn đấu cơ bản hoàn thiện đồng bộ hệ thống thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa theo các tiêu chuẩn phổ biến của nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế, bảo đảm tính đồng bộ giữa thể chế kinh tế và thể chế chính trị, giữa Nhà nước và thị trường; bảo đảm sự hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, phát triển con người, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, phát triển xã hội bền*

vững; chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế gắn với xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ; bảo đảm tính công khai, minh bạch, tính dự báo được thể hiện trong xây dựng và thực thi thể chế kinh tế, tạo điều kiện ổn định, thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội”¹⁷.

Về nhiệm vụ tổng quát, Đảng ta chỉ rõ: “Tiếp tục quán triệt và xử lý tốt các quan hệ lớn: quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; giữa Nhà nước và thị trường; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”¹⁸.

Trên cơ sở mục tiêu, nhiệm vụ tổng quát, quan điểm phát triển kinh tế - xã hội trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII xác định: “Tiếp tục đổi mới và sáng tạo trong lãnh đạo, quản lý phát triển kinh tế - xã hội. Tập trung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Xây dựng nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ, hiệu quả theo quy luật kinh tế thị trường, cạnh tranh bình đẳng, minh bạch. Đồng thời, Nhà nước sử dụng thể chế, các nguồn lực, công cụ điều tiết, chính sách phân phối và phân phối lại để phát triển văn hóa, thực hiện dân chủ, tiến bộ và công bằng xã hội; bảo đảm an sinh xã hội, từng bước nâng cao phúc lợi xã hội, chăm lo cải thiện đời sống mọi mặt của nhân dân, thu hẹp khoảng cách giàu - nghèo”¹⁹. Nhà nước đóng vai trò định hướng, xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, minh bạch và lành mạnh; sử dụng các công cụ, chính sách và các nguồn lực của Nhà nước để định hướng và điều tiết nền kinh tế, thúc đẩy sản xuất kinh doanh và bảo vệ môi trường;

thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển. Phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong phát triển kinh tế - xã hội.

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ tổng quát trên, một trong những nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu tiếp tục đẩy mạnh đổi mới hệ thống chính trị gắn với thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội được Đại hội XII xác định: “Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, ổn định kinh tế vĩ mô, tạo môi trường và động lực cho phát triển kinh tế - xã hội”²⁰. Trong 5 năm (2016-2020) cần tập trung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường đồng bộ, hiện đại trên cơ sở tuân thủ đầy đủ các quy luật của kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng. Tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý, cơ chế chính sách, thực hiện đồng bộ các giải pháp để phát triển, vận hành thông suốt, hiệu quả, đồng bộ và khả thi các loại thị trường và bảo đảm cạnh tranh bình đẳng, minh bạch. Việc xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phân bổ nguồn lực cho sản xuất kinh doanh và quản lý giá phải theo cơ chế thị trường. Đồng thời, Nhà nước sử dụng thể chế, các nguồn lực, công cụ điều tiết cơ chế, chính sách.

Gắn xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa với đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị, văn hóa, xã hội là chủ trương chỉ đạo nhất quán, xuyên suốt của Đảng ta trong toàn bộ công cuộc đổi mới đất nước. Tại Đại hội XII, chủ trương này tiếp tục được khẳng định, cụ thể hóa và làm sâu sắc hơn trên nhiều khía cạnh, nội dung khác nhau.

Để tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta cần quán triệt sâu sắc và hiện thực hóa chủ trương này không chỉ riêng trong thực tiễn xây dựng Nhà nước, mà còn trong tất cả các lĩnh vực khác của đời sống chính trị, xã hội.

Mọi nhận thức tách rời đổi mới hệ thống chính trị nói chung, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa nói riêng với đổi mới kinh tế đều là

sai lầm, phiến diện, tất yếu dẫn tới thất bại trong quá trình đổi mới. Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa nhất thiết phải đặt trong quan hệ mật thiết với đổi mới hệ thống chính trị, đổi mới kinh tế và văn hóa, xã hội. Đây là chủ trương được đúc kết từ kinh nghiệm thực tiễn qua 30 năm đổi mới, phản ánh vấn đề có tính quy luật trong tiến trình đổi mới đi lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa ở nước ta.

Thứ ba, tiếp tục hoàn thiện cơ chế bảo vệ Hiến pháp và pháp luật.

Chủ trương này của Đại hội XII đã thể hiện sự hoàn thiện trong nhận thức của Đảng về nguyên tắc pháp quyền và nguyên tắc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Bảo vệ Hiến pháp là tổng hợp các hoạt động được tiến hành bởi các chủ thể mà Hiến pháp xác định thẩm quyền nhằm bảo đảm sự tôn trọng, giữ gìn Hiến pháp, ngăn ngừa, chống lại và triệt tiêu hành vi vi hiến.

Cơ chế bảo vệ Hiến pháp là một tổng thể các yếu tố có quan hệ mật thiết, tương tác lẫn nhau, hình thành một hệ thống và phương thức vận hành của hệ thống đó để tiến hành hoạt động bảo vệ Hiến pháp, nhằm bảo đảm sự tôn trọng, giữ gìn Hiến pháp, ngăn ngừa và chống lại mọi hành vi vi phạm Hiến pháp.

Hoàn thiện cơ chế bảo vệ Hiến pháp được quy định tại Điều 119 *Hiến pháp năm 2013*. Đây là lần đầu tiên Việt Nam có cơ chế bảo vệ Hiến pháp và trao quyền quy định về cơ chế bảo vệ Hiến pháp cho Quốc hội. Việc xây dựng, hoàn thiện cơ chế bảo vệ Hiến pháp để thi hành Điều 119 *Hiến pháp năm 2013* là một nhiệm vụ quan trọng và cần thiết.

Về phương diện lý luận, cơ chế bảo vệ Hiến pháp và pháp luật là một tổng thể các yếu tố có quan hệ mật thiết, tương tác lẫn nhau, hình thành một hệ thống và phương thức vận hành của hệ thống đó để tiến hành hoạt động bảo vệ Hiến pháp và

pháp luật, nhằm bảo đảm sự tôn trọng, giữ gìn Hiến pháp, ngăn ngừa và chống lại mọi hành vi vi phạm Hiến pháp và pháp luật, góp phần bảo vệ chế độ chính trị, chủ quyền quốc gia, bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật, góp phần bảo đảm quyền con người, quyền tự do của công dân. Sự vận hành của cơ chế bảo vệ Hiến pháp góp phần bảo đảm cơ chế thực hiện và kiểm soát quyền lực nhà nước.

Về phương diện thực tiễn, hiện nay ở nước ta các quy định về bảo vệ Hiến pháp thiếu tính hệ thống, nằm rải rác trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật và cả trong các văn bản dưới luật. Một số quy phạm được quy định lặp đi lặp lại ở nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau. Bên cạnh đó, thiết chế bảo vệ Hiến pháp mang tính phi tập trung và không chuyên trách, thẩm quyền bảo vệ Hiến pháp được giao cho nhiều cơ quan, cá nhân khác nhau như Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước... nhưng chưa được phân công rõ ràng. Phương thức hoạt động của cơ chế bảo vệ Hiến pháp còn dàn trải, đa số các biện pháp mang tính chất tư vấn, khuyến nghị nên hiệu lực pháp lý thấp.

Cơ chế bảo vệ Hiến pháp bao gồm các yếu tố: thể chế, thiết chế và phương thức vận hành của cơ chế bảo vệ Hiến pháp, pháp luật. *Thể chế* bảo vệ Hiến pháp và pháp luật là các nguyên tắc, quy phạm được sắp xếp một cách logic, hợp thành một hệ thống thống nhất, định hướng và điều chỉnh các mối quan hệ xã hội phát sinh trong hoạt động bảo vệ Hiến pháp, pháp luật. *Thiết chế* bảo vệ Hiến pháp và pháp luật là các cơ quan nhà nước, cá nhân được Hiến pháp quy định nhiệm vụ và quyền hạn tiến hành các hoạt động bảo vệ Hiến pháp, pháp luật. *Phương thức vận hành* của cơ chế bảo vệ Hiến pháp và pháp luật: để thiết chế bảo vệ Hiến pháp và pháp luật hoạt động và thể chế bảo vệ Hiến pháp, pháp luật được thực thi, phải có phương thức vận hành. Trong cơ chế bảo vệ Hiến pháp và pháp luật, thể chế và

thiết chế là những yếu tố thuộc diện cấu trúc, còn nguyên tắc và phương thức hoạt động thể hiện mối quan hệ và quy trình vận hành.

Phương thức vận hành là phương pháp, hình thức, biện pháp thực hiện hoạt động bảo vệ Hiến pháp và pháp luật của thiết chế được giao thẩm quyền bảo vệ Hiến pháp, pháp luật. Giữa thiết chế, thể chế và phương thức vận hành của cơ chế bảo vệ Hiến pháp và pháp luật có mối quan hệ gắn bó chặt chẽ với nhau, trong đó thể chế là gốc, là yếu tố thiết lập nên toàn bộ cơ chế; thiết chế là sự hiện hữu thực tế của cơ chế, phương thức vận hành cơ chế là yếu tố quan trọng, không thể thiếu của cơ chế bảo vệ Hiến pháp và pháp luật, là cơ sở pháp lý cho hoạt động của thiết chế, giúp cho thiết chế vận hành.

Cơ chế bảo vệ Hiến pháp trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam có các đặc trưng chủ yếu là mang tính xã hội, tính chính trị và tính pháp lý; tổ chức và hoạt động tuân theo nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp và nguyên tắc bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

Hoàn thiện cơ chế bảo vệ Hiến pháp và pháp luật là tổng thể các biện pháp tác động đến cả thể chế, thiết chế và phương thức vận hành của cơ chế, giúp cho cơ chế hoạt động được hiệu quả. Trên cả ba phương diện này, chúng ta đều còn những tồn tại, hạn chế, “Hệ thống pháp luật thiếu đồng bộ, nhiều nội dung chưa đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền, còn chông chéo; tính công khai, minh bạch khả thi, ổn định còn hạn chế. Kỷ cương, kỷ luật trong quản lý nhà nước, thực thi công vụ còn nhiều”²¹, nhiều hành vi vi hiến, vi phạm pháp luật vẫn chưa được phát hiện và xử lý hoặc chưa được xử lý nghiêm minh, kịp thời, dẫn đến tình trạng “nhờn luật” cả trong xã hội và trong hoạt động của bộ máy nhà nước.

Vì vậy, để khắc phục triệt để những hạn chế, yếu kém này, yêu cầu trong hoàn thiện cơ chế bảo vệ Hiến pháp và pháp luật thời gian tới theo tinh thần của Đại hội XII là:

- Bảo đảm tính độc lập và chuyên trách của cơ quan bảo vệ Hiến pháp.

Cơ quan chuyên trách bảo vệ Hiến pháp là yếu tố trung tâm của cơ chế bảo vệ Hiến pháp trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Để cơ chế này vận hành đạt được mục đích bảo vệ Hiến pháp, đáp ứng các yêu cầu xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, cơ quan bảo vệ Hiến pháp phải có vị trí độc lập với các cơ quan khác trong bộ máy nhà nước, hoạt động của nó phải mang tính chuyên trách với những chức năng, nhiệm vụ riêng.

Bảo vệ Hiến pháp là hoạt động đặc biệt được tiến hành bởi chủ thể đặc biệt. Bảo vệ Hiến pháp là bảo vệ chủ quyền nhân dân, bảo vệ chế độ chính trị, nền tảng pháp lý của Nhà nước; bảo vệ những giá trị trường tồn và cao quý nhất trong xã hội. Bảo vệ Hiến pháp không chỉ là bảo vệ sự tuân thủ nguyên tắc, quy phạm được thể hiện bằng lời văn của Hiến pháp mà còn bảo vệ tinh thần cốt lõi của Hiến pháp. Để đạt được mục đích đó, nội dung bảo vệ Hiến pháp không chỉ bao gồm hoạt động mang tính pháp lý đơn thuần mà còn cả hoạt động mang tính chính trị. Nội dung hoạt động bảo vệ Hiến pháp được xác định căn cứ chủ yếu vào nội dung Hiến pháp của Nhà nước Việt Nam.

Trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, hoạt động bảo vệ Hiến pháp phải được tiến hành bởi một cơ quan chuyên trách với chức năng, nhiệm vụ: Xem xét; phán quyết xử lý văn bản vi hiến; giải quyết tranh chấp và vi phạm Hiến pháp liên quan đến tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước; giải thích Hiến pháp; bảo vệ quyền con người, quyền và tự do hiến định của công dân; giải quyết vi phạm Hiến pháp liên quan đến các quan chức nhà nước cao cấp hoặc đảng chính trị.

Để thực hiện được các chức năng nêu trên, cơ quan bảo vệ Hiến pháp phải độc lập về tổ chức và hoạt động so với các cơ quan thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Tính độc lập của cơ quan bảo vệ Hiến pháp phải được quy định trong Hiến pháp và bảo đảm bởi những nguyên tắc chính trị - pháp lý về tổ chức và hoạt động. Nói cách khác, cơ quan bảo vệ Hiến pháp phải tuân thủ các nguyên tắc yêu cầu của nhà nước pháp quyền nói chung gồm: bảo đảm hiệu lực tối cao của Hiến pháp; tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền công dân, đồng thời cũng tuân thủ các nguyên tắc, yêu cầu đặc thù của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam như (quyền lực nhà nước thống nhất; bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước). Những nguyên tắc chính trị - pháp lý trên giữ vai trò hết sức quan trọng trong thể chế bảo vệ Hiến pháp, chúng định hướng mục tiêu hoạt động bảo vệ Hiến pháp và có giá trị chỉ đạo nội dung và cách thức thể hiện các quy định khác trong Hiến pháp và những văn bản pháp luật chuyên biệt về bảo vệ Hiến pháp.

Bên cạnh những nguyên tắc chính trị - pháp lý, để điều chỉnh các quan hệ pháp lý phát sinh trong quá trình tiến hành hoạt động bảo vệ Hiến pháp, đòi hỏi phải có văn bản quy phạm pháp luật chuyên biệt về bảo vệ Hiến pháp do Quốc hội ban hành, phù hợp với nguyên tắc và quy định trong Hiến pháp; là sự cụ thể hóa các nguyên tắc, quy định của Hiến pháp đối với cơ chế bảo vệ Hiến pháp.

- Phương thức hoạt động của cơ chế bảo vệ Hiến pháp phải phù hợp với vị trí, tính chất, chức năng, nhiệm vụ và phạm vi thẩm quyền của cơ quan bảo vệ pháp luật theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.

Phương thức hoạt động bảo vệ Hiến pháp là phương thức đặc biệt nhằm đạt được mục đích bảo vệ Hiến pháp, thể hiện vai trò đặc biệt quan trọng của cơ chế bảo vệ Hiến pháp trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; phù hợp với vị trí, tính chất, chức năng, nhiệm vụ và phạm vi thẩm quyền của cơ quan bảo vệ

Hiến pháp; phù hợp với truyền thống, trình độ văn hóa pháp lý ở Việt Nam và được thể hiện cụ thể thông qua các hình thức, phương pháp. Các phương pháp, hình thức, biện pháp tiến hành các hoạt động bảo vệ Hiến pháp được tiến hành theo quy trình, thủ tục được pháp luật quy định, bảo đảm tính công khai, minh bạch, chính xác, khách quan, kịp thời và hiệu quả của hoạt động bảo vệ Hiến pháp.

- Cơ chế bảo vệ Hiến pháp trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam tuân thủ nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

Cơ chế bảo vệ Hiến pháp trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một bộ phận quan trọng trong cơ chế tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước, bảo đảm tính thống nhất của quyền lực nhà nước, tạo cơ sở pháp lý cho các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện quyền lực nhà nước thống nhất.

Tổ chức và vận hành của cơ chế bảo vệ Hiến pháp trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo nguyên tắc quyền lực nhà nước thống nhất, nhưng có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong thực hiện quyền lực nhà nước chứ không phải theo cơ chế phân chia và chế ước quyền lực.

Cơ quan bảo vệ Hiến pháp trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa được tổ chức và hoạt động theo cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong thực hiện quyền lực nhà nước. Cơ quan bảo vệ Hiến pháp được nhân dân ủy thác đảm nhiệm chuyên trách chức năng bảo vệ Hiến pháp. Cũng như Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao, cơ quan bảo vệ Hiến pháp tham gia thực hiện quyền lực nhà nước theo sự phân công của nhân dân được thể hiện trong các quy định của Hiến pháp. Bên cạnh sự kiểm soát giữa Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao, trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam có cơ

quan bảo vệ Hiến pháp thực hiện kiểm soát các cơ quan nói trên. Cơ chế bảo vệ Hiến pháp là cơ chế hữu hiệu để kiểm soát các cơ quan nhà nước thực hiện quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp nhưng không làm cản trở hoặc khó khăn cho hoạt động lập pháp, hành pháp và tư pháp; ngăn ngừa sự lạm quyền hoặc không thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn đã được phân công cho các cơ quan nhà nước.

- Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với cơ chế bảo vệ Hiến pháp trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là văn bản chính trị - pháp lý quan trọng nhất của quốc gia, thể hiện chủ quyền nhân dân, ý chí và nguyện vọng của tất cả các tầng lớp nhân dân, ý chí và nguyện vọng đó phù hợp với tôn chỉ mục đích của Đảng Cộng sản Việt Nam. Vì vậy, cũng như các bộ phận khác của hệ thống chính trị ở nước ta, Đảng Cộng sản Việt Nam tôn trọng và đề cao Hiến pháp, các tổ chức của Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nhưng đó là sự lãnh đạo phù hợp với Hiến pháp, nhằm hướng tới lý tưởng và mục tiêu mà toàn thể nhân dân lựa chọn.

Là một bộ phận trong bộ máy nhà nước, cơ chế bảo vệ Hiến pháp phải đặt dưới sự lãnh đạo hợp hiến của Đảng Cộng sản Việt Nam. Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với cơ chế bảo vệ Hiến pháp trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thể hiện trước hết ở việc các văn kiện, nghị quyết của Đảng đề ra những quan điểm chỉ đạo đối với hoạt động bảo vệ Hiến pháp và xây dựng, hoàn thiện cơ chế bảo vệ Hiến pháp ở Việt Nam. Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24-5-2005 của Bộ Chính trị về *Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, yêu cầu: “Xác định cơ chế bảo vệ Hiến pháp, định rõ cơ chế, cách thức bảo đảm tính tối cao của Hiến pháp”. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Đảng Cộng sản Việt Nam nhấn mạnh: “Nghiên

cứu xây dựng, bổ sung các thể chế và cơ chế vận hành cụ thể để bảo đảm nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân và nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp”²². Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng xác định: *Hoàn thiện cơ chế bảo vệ Hiến pháp và pháp luật*, trọng tâm là “Tiếp tục hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách, bảo đảm chặt chẽ, công khai, minh bạch và thực hiện đồng bộ các giải pháp về phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tập trung vào các lĩnh vực dễ phát sinh tiêu cực”, “Thiết lập cơ chế giám sát và kiểm soát quyền lực hiệu quả”²³.

Những quan điểm nêu trên có giá trị định hướng, chỉ đạo một cách toàn diện đối với sự phát triển của các yếu tố trong cơ chế bảo vệ Hiến pháp và pháp luật, phù hợp với các đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Như vậy, sự lãnh đạo của Đảng đối với cơ chế bảo vệ Hiến pháp trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam không chỉ bảo đảm những nguyên tắc, quy phạm về bảo vệ Hiến pháp thể hiện một cách đầy đủ và đúng đắn mà còn bảo đảm những nguyên tắc, quy phạm đó thể hiện một cách trung thực và toàn diện ý chí và nguyện vọng của nhân dân trong cơ chế bảo vệ Hiến pháp.

Tóm lại, những nội dung lớn trong phương hướng, nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII đã hướng vào những vấn đề then chốt nóng bỏng nhất cả về lý luận và thực tiễn xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay.

II- HOÀN THIỆN THỂ CHẾ, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, PHƯƠNG THỨC VÀ CƠ CHẾ VẬN HÀNH, NÂNG CAO HIỆU LỰC HIỆU QUẢ CỦA NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Thể chế, chức năng, nhiệm vụ, phương thức và cơ chế vận hành là những cơ sở lý luận và pháp lý bảo đảm cho các thiết chế trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa đi vào hoạt động. Trong đó, thể chế được thể hiện qua hệ thống pháp chế, bao gồm: Hiến pháp; các bộ luật; các quy định, các quy tắc chế định... nhằm hài hòa các quyền lợi và trách nhiệm của mỗi công dân, mọi tổ chức trong một trật tự xã hội, hướng tới sự tổng hòa các lợi ích của cộng đồng. Thể chế giữ vai trò quyết định đến tất cả các yếu tố khác của đời sống chính trị, xã hội.

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng xác định: *“Hoàn thiện thể chế, chức năng, nhiệm vụ, phương thức và cơ chế vận hành, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa”*²⁴. Thực chất đây là quá trình nâng cao nhận thức lý luận, hoàn thiện cơ sở pháp lý về tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, bảo đảm cho cả bộ máy nói chung, từng thiết chế trong bộ máy nói riêng hoạt động hiệu quả. Đây là phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm trong xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Cơ sở khoa học của phương hướng, nhiệm vụ này, bắt nguồn từ vai trò đặc biệt quan trọng của việc hoàn thiện thể chế, chức năng, nhiệm vụ, phương thức và cơ chế vận hành đối với hoạt động của Nhà nước. Mặt khác, nó bắt nguồn từ nhận thức và chế định về các vấn đề này ở nước ta hiện nay còn nhiều hạn chế. Cụ thể: “chưa chế định rõ, đồng bộ, hiệu quả cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực nhà nước ở các cấp. Tổ chức bộ máy và cơ chế hoạt động của các thiết chế cơ bản trong bộ máy nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa như Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, hệ thống tư pháp còn những điểm chưa thực sự hợp lý, hiệu lực, hiệu quả. Chưa khắc phục được sự chòng chéo vướng mắc về chức năng, nhiệm vụ giữa các thiết chế, làm ảnh hưởng tới sự thống nhất quyền lực nhà nước và hiệu quả hoạt động của Nhà nước”²⁵.

Để thực hiện phương hướng, nhiệm vụ này, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng xác định các giải pháp cơ bản:

1. Tiếp tục hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức của Nhà nước theo quy định của Hiến pháp năm 2013

Đại hội XII xác định: “Tiếp tục hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức của Nhà nước theo quy định của Hiến pháp năm 2013, đáp ứng các đòi hỏi của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”²⁶. Đây là vấn đề tồn tại, bất cập trong xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay.

Hiến pháp năm 2013 đã bổ sung thêm một nguyên tắc mới về *kiểm soát quyền lực nhà nước*. Các nguyên tắc này là cơ sở kiên định để các cơ quan nhà nước về lập pháp, hành pháp và tư pháp phát huy đầy đủ vai trò trách nhiệm và thực hiện có hiệu lực, hiệu quả chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được nhân dân giao cho; hạn chế và ngăn ngừa tình trạng lạm dụng quyền lực nhà nước; phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí.

Dựa trên các nguyên tắc đó, Hiến pháp đã có những điều chỉnh, làm rõ hơn, minh bạch hơn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, bảo đảm sự phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp có hiệu lực, hiệu quả. Theo đó:

Quốc hội được xác định là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; thực hiện quyền lập hiến, lập pháp. Để bảo đảm cho hoạt động này có hiệu quả, pháp luật đã quy định quy trình các bước, các công đoạn cụ thể phải tuân thủ *Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật*. Về hoạt động giám sát Quốc hội có quyền giám sát các

hoạt động của Nhà nước về việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật. Các chủ thể có quyền giám sát gồm Quốc hội, ủy ban Thường vụ Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội. Quốc hội có quyền quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước như mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội; những vấn đề quốc kế dân sinh, quốc phòng, an ninh, đối ngoại; phê chuẩn hoặc bãi bỏ các điều ước quốc tế hoặc tham gia theo đề nghị của Chủ tịch nước. Quốc hội có vai trò đặc biệt trong việc xây dựng, củng cố bộ máy nhà nước từ trung ương đến địa phương, bầu hoặc phê chuẩn các chức vụ cấp cao trong bộ máy nhà nước ở trung ương.

Chủ tịch nước là người đứng đầu Nhà nước, thay mặt Nhà nước về đối nội, đối ngoại, thống lĩnh các lực lượng vũ trang, giữ chức Chủ tịch Hội đồng quốc phòng và an ninh.

Chính phủ được Hiến pháp khẳng định không chỉ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất, cơ quan chấp hành của Quốc hội, mà còn là cơ quan thực hiện quyền hành pháp. Việc xác định rõ vị trí và vai trò này của Chính phủ trong tổ chức bộ máy nhà nước vừa phản ánh nguyên tắc phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực nhà nước, vừa chỉ rõ. Chính phủ không chỉ là cơ quan chấp hành của Quốc hội nhằm tạo cho Chính phủ có đầy đủ vị thế và thẩm quyền độc lập, chịu trách nhiệm trước đất nước và nhân dân.

Tòa án nhân dân được xác định rõ là cơ quan xét xử, cơ quan thực hiện quyền tư pháp.

Viện kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố, giám sát hoạt động tư pháp.

Các thiết chế khác như chính quyền địa phương, hội đồng bầu cử quốc gia, kiểm toán nhà nước cũng được *Hiến pháp* năm 2013 hiến định rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn.

Hiến pháp còn quy định những nguyên tắc, nền tảng về tổ chức và hoạt động của từng thiết chế nhà nước. Việc phân định rõ chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của từng thiết chế trong bộ máy nhà nước là cơ sở bảo đảm nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp; bảo đảm cho các cơ quan quyền lực nhà nước thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ quyền hạn của mình, nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Nhà nước được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một tổ chức đặc biệt của quyền lực chính trị của Đảng, có bộ máy chuyên trách để cưỡng chế và quản lý xã hội, nhằm thực hiện và bảo vệ lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Bản chất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam thể hiện không chỉ thông qua bản chất giai cấp công nhân, mà còn thể hiện thông qua *vai trò và giá trị xã hội* - Nhà nước không chỉ phục vụ lợi ích của giai cấp công nhân mà còn phục vụ lợi ích của các giai cấp, các tầng lớp khác trong xã hội. Ngoài chức năng là công cụ duy trì, bảo vệ sự thống trị của giai cấp công nhân dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam còn là tổ chức chính trị - xã hội rộng lớn bao gồm mọi công dân thuộc các giai cấp, tầng lớp, dân tộc Việt Nam. Vai trò và giá trị xã hội của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam còn thể hiện ở chỗ Nhà nước giải quyết các công việc mang tính xã hội mà cá nhân công dân không giải quyết được.

Đặc điểm cơ bản của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là sự đề cao, tôn vinh và hành xử theo pháp luật. Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, và trong hệ

thống pháp luật, Hiến pháp là tối cao, còn các đạo luật chiếm ưu thế. Pháp luật là công cụ chế ước, kiểm tra, giám sát tổ chức và phương thức hoạt động của Nhà nước. Tổ chức và hoạt động của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa không đứng trên hay đứng ngoài pháp luật. Pháp luật là công cụ để Nhà nước quản lý xã hội, đồng thời cũng là công cụ để duy trì sự tồn tại của Nhà nước. Pháp luật của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa mang tính nhân văn, nhân đạo, phục vụ con người, vì con người. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa bảo đảm tính thượng tôn của pháp luật, tổ chức và hoạt động của nhà nước phải tuân thủ pháp luật. Hơn nữa, trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, mối quan hệ giữa Nhà nước và công dân là “bình đẳng”; Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Như vậy, không có lý do gì mà hành vi vi phạm pháp luật của công dân thì bị xét xử và hành vi xâm phạm, lạm quyền từ phía Nhà nước lại được miễn trừ. Tổ chức và hoạt động của Nhà nước phải theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật là giải pháp quan trọng để giới hạn quyền lực nhà nước, nhằm chống lại sự lạm quyền hay lộng quyền của Nhà nước mà xâm phạm đến các quyền con người.

Nguyên tắc “*tập trung dân chủ*” là nguyên tắc cơ bản trong tổ chức, hoạt động và quản lý xã hội của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Khoản 1, Điều 8, *Hiến pháp năm 2013* hiến định: “Nhà nước được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ”. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng chỉ rõ: “Trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước, phải thực hiện dân chủ, tuân thủ các nguyên tắc pháp quyền và phải tạo ra sự chuyển biến tích cực, đạt kết quả cao hơn”²⁷.

Dưới góc độ pháp lý, nguyên tắc tập trung dân chủ là những tư tưởng chỉ đạo bắt nguồn từ bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa được quy định trong pháp luật tạo

thành cơ sở cho việc tổ chức, hoạt động của bộ máy nhà nước và trong tất cả các khâu của quá trình quản lý nhà nước. Nguyên tắc này bao hàm kết hợp giữa hai yếu tố:

Thứ nhất, “tập trung” trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là thu tóm quyền lực nhà nước và chủ thể quản lý điều hành, chỉ đạo việc thực hiện pháp luật. Tập trung ở đây không phải tập trung toàn diện và tuyệt đối mà chỉ đối với những vấn đề cơ bản nhất, chính yếu nhất và bản chất nhất. Sự tập trung đó, một mặt, giúp cho cơ quan trung ương có thể tập trung quyền lực nhà nước để chỉ đạo thực hiện với cấp dưới tạo nên một hoạt động chung thống nhất. Mặt khác, bảo đảm cho cấp dưới và đối tượng khác có khả năng thực hiện quyết định của trung ương căn cứ vào điều kiện thực tế của mình, đồng thời tạo điều kiện cho cấp dưới mở rộng dân chủ, phát huy thế mạnh của địa phương để hoàn thành nhiệm vụ cấp trên giao phó.

Thứ hai, “dân chủ” trong tổ chức, hoạt động và quản lý xã hội của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là việc mở rộng quyền cho đối tượng quản lý nhằm phát huy trí tuệ tập thể vào hoạt động quản lý, phát huy hết khả năng tiềm tàng của đối tượng quản lý trong các khâu, các bước của quá trình xây dựng, ban hành và thực hiện pháp luật, thực hiện mệnh lệnh của cấp trên.

Thực hiện nguyên tắc “*tập trung dân chủ*” đòi hỏi phải kết hợp chặt chẽ hai yếu tố trên, nếu chỉ có sự lãnh đạo tập trung mà không mở rộng dân chủ thì sẽ tạo điều kiện cho các hành vi vi phạm quyền công dân, cho các tệ quan liêu, tham nhũng, hách dịch của quyền phát triển, làm ảnh hưởng tới sự thống nhất quyền lực nhà nước và hiệu quả hoạt động của Nhà nước. Không có sự lãnh đạo tập trung thống nhất, xã hội sẽ phát triển tự phát, quyền lực nhà nước sẽ bị phân tán, giám sát không kiểm soát được xã hội. Tập trung và dân chủ là hai yếu tố có sự kết hợp chặt chẽ với nhau, có mối quan hệ qua lại phụ thuộc và thúc đẩy nhau cùng phát triển

trong tổ chức, hoạt động và quản lý xã hội của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, bảo đảm thống nhất nữa lợi ích chung của cả nước với lợi ích của địa phương, giữa lợi ích ngành với lợi ích vùng, lãnh thổ...

3. Phân định rõ hơn vai trò và hoàn thiện cơ chế giải quyết tốt mối quan hệ giữa Nhà nước và thị trường

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII xác định: “Phân định rõ hơn vai trò và hoàn thiện cơ chế giải quyết tốt mối quan hệ giữa Nhà nước và thị trường”²⁸ phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một nội dung lớn trong đường lối đổi mới của Đảng ta. Qua các nhiệm kỳ đại hội, từ Đại hội VI đến Đại hội XII, quan điểm của Đảng ta về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa không ngừng được phát triển, ngày càng hoàn thiện. Trong đó, việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phân định rõ vai trò, cơ chế giải quyết tốt mối quan hệ giữa Nhà nước và thị trường là nội dung rất quan trọng trong xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước đối với nền kinh tế nước ta.

Trong những năm qua, việc giải quyết mối quan hệ giữa Nhà nước và thị trường ở nước ta còn tồn tại nhiều vướng mắc, bất cập, như lẫn lộn vai trò giữa Nhà nước và thị trường, mà thực chất là Nhà nước hoặc không làm làm không hết vai trò, hoặc can thiệp vào vai trò của các chủ thể khác trong nền kinh tế thị trường; Nhà nước chưa bổ khuyết được cho thị trường... Việc phân định rõ hơn vai trò và hoàn thiện cơ chế giải quyết tốt mối quan hệ giữa Nhà nước và thị trường thực chất là xác định và làm đúng, đủ chức năng vai trò của Nhà nước trong quản lý và điều tiết nền kinh tế, bảo đảm vừa phát triển kinh tế - xã hội, vừa giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa.

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng đã nêu phương hướng hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phân định rõ

hơn vai trò và cơ chế giải quyết mối quan hệ giữa Nhà nước và thị trường thời gian tới như sau:

Thứ nhất, “Tiếp tục thống nhất nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”²⁹. Đây là quan điểm có giá trị định hướng lâu dài trong suốt thời kỳ quá độ cũng như trong xây dựng và hoàn thiện vai trò của nhà nước pháp quyền đối với phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cần tiếp tục cụ thể hóa phù hợp với từng giai đoạn phát triển.

Đặc trưng cơ bản của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam đó là nền kinh tế vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Đó là nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế, có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, nhằm mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Đặc điểm trên đã phản ánh khái quát những nội dung quan trọng về các bộ phận cấu thành, vai trò của thị trường, vai trò của Nhà nước, vai trò của nhân dân và mục tiêu bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội trong phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Vai trò của thị trường và vai trò của Nhà nước, mối quan hệ giữa Nhà nước với thị trường được Đảng ta chỉ rõ trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII: “Thị trường đóng vai trò chủ yếu trong huy động và phân bổ có hiệu quả các nguồn lực phát triển, là động lực chủ yếu để giải phóng sức sản xuất... Nhà nước đóng vai trò định hướng, xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, minh bạch và lành mạnh; sử dụng các công cụ, chính sách và các nguồn lực của Nhà nước để định hướng và điều tiết nền kinh tế, thúc đẩy sản xuất kinh doanh và bảo vệ môi trường; thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển. Phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong phát triển kinh tế - xã hội”³⁰.

Sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa đối với thị trường là một trong năm nhân tố định hướng phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa; bảo đảm cho “*kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo*” trong nền kinh tế nhiều thành phần, nhiều hình thức sở hữu ở nước ta hiện nay. Đồng thời, kinh tế nhà nước và các thành phần kinh tế khác đều phải hoạt động theo cơ chế thị trường, bình đẳng và cạnh tranh theo pháp luật.

Thứ hai, tập trung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường đồng bộ, hiện đại trên cơ sở tuân thủ đầy đủ các quy luật của kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng.

Nhà nước phải tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý, cơ chế, chính sách, thực hiện đồng bộ các giải pháp để phát triển, vận hành thông suốt, hiệu quả các loại thị trường và bảo đảm cạnh tranh bình đẳng, minh bạch. Việc xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, phân bổ nguồn lực cho sản xuất kinh doanh và quản lý giá phải theo cơ chế thị trường. Đồng thời, sử dụng các nguồn lực của Nhà nước, các công cụ điều tiết chính sách phân phối, phân phối lại để thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo, từng bước nâng cao phúc lợi xã hội và đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

“Nhà nước bảo vệ quyền sở hữu tài sản hợp pháp và quyền tự do kinh doanh của người dân, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; tạo môi trường đầu tư kinh doanh bình đẳng, an toàn, thuận lợi; kiểm soát tốt độc quyền kinh doanh, thực thi hiệu lực, hiệu quả các chính sách cạnh tranh lành mạnh”³¹. Tiếp tục hoàn thiện thể chế về sở hữu, phát triển các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp. Thể chế hóa quyền tài sản (bao gồm quyền sở hữu, quyền sử dụng, quyền định đoạt và hưởng lợi từ sử dụng tài sản) của Nhà nước, tổ chức và cá nhân đã được quy định trong *Hiến pháp năm 2013*. Nhà nước bảo vệ quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người dân theo quy định của pháp luật. Bảo đảm minh bạch về nghĩa vụ và trách

nhiệm trong thủ tục hành chính nhà nước và dịch vụ công để quyền tài sản được giao dịch thông suốt, nâng cao năng lực của các thiết chế và hoàn thiện cơ chế giải quyết tranh chấp dân sự, tranh chấp kinh tế trong bảo vệ quyền tài sản”³². Hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích, tạo thuận lợi phát triển mạnh *kinh tế* tư nhân ở hầu hết các ngành và lĩnh vực kinh tế, trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế.

*Thứ ba, “Phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường”*³³. Thực hiện nhất quán cơ chế giá thị trường; bảo đảm tính đúng, tính đủ và công khai, minh bạch các yếu tố hình thành giá đối với hàng hóa dịch vụ công thiết yếu; đồng thời có chính sách hỗ trợ phù hợp cho đối tượng chính sách và người nghèo. Không lồng ghép các chính sách xã hội trong giá. Hoàn thiện pháp luật về phí, lệ phí; rà soát chuyển đổi chính sách phí, lệ phí đối với một số dịch vụ công sang áp dụng chế độ giá dịch vụ. Mở rộng cơ chế đấu thầu, đấu giá, thẩm định giá. Đẩy mạnh hoàn thiện thể chế bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, phát huy đầy đủ, đúng đắn vai trò của người tiêu dùng, các hội bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong nền kinh tế. Tiếp tục phát triển đồng bộ và vận hành thông suốt các loại thị trường.

Thứ tư, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước trong phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Đảng cầm quyền trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là vấn đề rất mới mẻ mà các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin chưa đề cập tới. Vai trò lãnh đạo của Đảng là yếu tố quyết định bảo đảm phát triển kinh tế thị trường theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa. Do vậy, để phát huy vai trò của Nhà nước và hoàn thiện cơ chế mối quan hệ giữa Nhà nước và thị trường, cần phải nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, mà trước hết phải nâng cao năng lực hoạch định đường lối, chủ trương phát triển kinh tế - xã hội của Đảng; tăng cường lãnh đạo việc thể chế hóa và việc tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương

của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về kinh tế - xã hội. Đồng thời, nhà nước thể chế hóa nghị quyết của Đảng, xây dựng, tổ chức thực hiện pháp luật, chính sách, bảo đảm các loại thị trường ngày càng hoàn thiện và vận hành thông suốt, cạnh tranh công bằng, bình đẳng và kiểm soát độc quyền kinh doanh; tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách tư pháp, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh”³⁴. Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách để phát huy vai trò làm chủ của nhân dân; bảo đảm quyền tự do, dân chủ trong hoạt động kinh tế của người dân theo quy định của Hiến pháp, pháp luật.

4. Đẩy mạnh việc hoàn thiện pháp luật gắn với tổ chức thi hành pháp luật nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII xác định: “Trong những năm tới, đẩy mạnh việc hoàn thiện pháp luật gắn với tổ chức thi hành pháp luật nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Bảo đảm pháp luật vừa là công cụ để Nhà nước quản lý xã hội, vừa là công cụ để nhân dân làm chủ, kiểm tra, giám sát quyền lực nhà nước. Quản lý đất nước theo pháp luật đồng thời coi trọng xây dựng nền tảng đạo đức xã hội”³⁵.

Nhà nước pháp quyền gắn liền với pháp luật và được thể chế hóa bằng pháp luật. Pháp luật là nền tảng của nhà nước pháp quyền. Vì vậy, trong khi hoàn thiện thể chế luôn phải chú trọng đến việc hoàn thiện hệ thống pháp luật. Để hoàn thiện hệ thống pháp luật gắn với tổ chức thi hành pháp luật nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, cần phải xác định đúng, đủ, kịp thời những yêu cầu mà hệ thống pháp luật cần phải đáp ứng.

Tiếp cận pháp luật từ góc độ nhà nước pháp quyền, những yêu cầu đối với hệ thống pháp luật bao gồm: tính ổn định, tính chuẩn mực, tính nhất quán, tính hệ thống, tính minh bạch, không hồi tố. Pháp luật về tổ chức hoạt động của Nhà nước phải đi liền với pháp luật về phát triển kinh tế, pháp luật về bảo vệ các quyền và lợi

ích hợp pháp, pháp luật về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Pháp luật nội dung phải đi liền với pháp luật hình thức. Pháp luật phải gắn liền với bảo đảm thực hiện pháp luật nghiêm minh. Hoạt động lập pháp phải vừa bảo đảm chất lượng vừa phải theo kịp yêu cầu của sự phát triển... Nhà nước pháp quyền đòi hỏi một hệ thống pháp luật hoàn thiện, đáp ứng những yêu cầu nêu trên. Xây dựng một hệ thống pháp luật hoàn thiện là đòi hỏi và cũng là điều kiện tiên quyết của nhà nước pháp quyền.

Đánh giá về những hạn chế, bất cập của hệ thống pháp luật nước ta so với yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, Đảng ta chỉ rõ: “Hệ thống pháp luật nước ta vẫn còn chưa đồng bộ, thiếu thống nhất, tính khả thi thấp, chậm đi vào cuộc sống. Cơ chế xây dựng, sửa đổi pháp luật còn nhiều bất hợp lý và chưa được coi trọng đổi mới, hoàn thiện. Tiến độ xây dựng luật và pháp lệnh còn chậm, chất lượng các văn bản chưa cao. Việc nghiên cứu và tổ chức thực hiện các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên chưa được quan tâm đầy đủ. Hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật còn hạn chế. Thiết chế bảo đảm thi hành pháp luật còn thiếu và yếu”³⁶. Một trong những nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế này được Đảng ta chỉ rõ là sự thiếu vắng tầm nhìn chiến lược trong xây dựng pháp luật của Nhà nước.

Để đẩy mạnh việc hoàn thiện pháp luật gắn với tổ chức thi hành pháp luật nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, trong những năm tới cần phải tiếp tục quán triệt và triển khai thực hiện đầy đủ, nghiêm túc quan điểm chỉ đạo, định hướng và giải pháp chiến lược cho việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đã được xác định trong Nghị quyết số 48/NQ-TW và Văn kiện Đại hội XII của Đảng theo tinh thần của *Hiến pháp năm 2013*.

Xây dựng, hoàn thiện và tổ chức thực hiện hệ thống pháp luật là nhiệm vụ cấp bách, cần nhanh chóng triển khai thực hiện. Đây cũng chính là biện pháp nhằm khắc phục khâu yếu và thiếu nhất trong hoạt động của Nhà nước pháp quyền xã hội

chủ nghĩa hiện nay. Để bảo đảm pháp luật vừa là công cụ để Nhà nước quản lý xã hội, vừa là công cụ để nhân dân kiểm tra, giám sát quyền lực nhà nước, thì luật cần phải được xây dựng đúng và đủ. Trước mắt, cần phải sớm xây dựng ngay một số luật cần thiết để kịp thời điều chỉnh những vấn đề bức xúc trong xã hội.

Hiến pháp năm 2013 đã thể hiện đầy đủ hơn tư tưởng nhân dân là chủ thể tối cao của quyền lực nhà nước. Đây là một tư duy chính trị - pháp lý đặc biệt quan trọng, xuất phát từ nhận thức sâu sắc rằng, nhân dân là chủ thể tối cao của quyền lực nhà nước; từ nguồn gốc, bản chất đến mục đích tồn tại cũng như sức mạnh của Nhà nước đều bắt nguồn từ nhân dân.

Cơ sở hiến định đó được cụ thể hóa bằng các đạo luật như: *Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu hội đồng nhân dân (2015)*, *Luật bãi nhiệm đại biểu Quốc hội*, *Luật trưng cầu dân ý*, *Luật giám sát và phản biện các công việc nhà nước của nhân dân...* Các luật này cần được Quốc hội xem xét đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của mình trong thời gian tới để từng bước phát huy vai trò của người chủ quyền lực nhà nước bằng các hình thức dân chủ trực tiếp, tạo động lực mới cho sự phát triển đất nước.

Hiến pháp năm 2013 đã bổ sung một nguyên tắc mới về *kiểm soát quyền lực nhà nước*. Quyền lực nhà nước là thống nhất. Sự thống nhất đó, không chỉ được phân công, phối hợp giữa các cơ quan nhà nước mà còn có sự kiểm soát trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Để kiểm soát được quyền lực nhà nước, đòi hỏi phải hình thành cơ chế: Kiểm soát quyền lực nhà nước ở bên trong bộ máy nhà nước, giữa ba quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp và trong nội bộ mỗi quyền; kiểm soát quyền lực nhà nước ở bên ngoài - kiểm soát của nhân dân thông qua các tổ chức chính trị - xã hội, các phương tiện thông tin đại chúng và cá nhân công dân.

Với nhận thức trên, kiểm soát quyền lực nhà nước được thể hiện xuyên suốt trong tất cả các chương của Hiến pháp. Đây là cơ sở để hình thành cơ chế nhân dân giám sát, kiểm soát quyền lực nhà nước. Đồng thời cũng là cơ sở hiến định để sửa đổi, bổ sung các luật về tổ chức bộ máy nhà nước, như *Luật tổ chức Quốc hội*, *Luật tổ chức Chính phủ*, *Luật tổ chức tòa án nhân dân*, *Luật tổ chức viện kiểm sát nhân dân*... nhằm phát huy vai trò của kiểm soát quyền lực nhà nước.

Hiến pháp năm 2013 đã quy định rõ hơn các quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, trong đó có bổ sung một số quyền mới. Đây là nền tảng để hiến định, tiếp tục đổi mới thể chế, phát huy nhân tố con người, tạo ra động lực mới cho sự phát triển. Để hiện thực hóa điều này, phải xây dựng và hoàn thiện *các luật về quyền tự do chính trị, kinh tế dân sự*, như *Luật về hội*, *Luật tiếp cận thông tin*, *Luật biểu tình*... Đồng thời, hoàn thiện *các luật về thủ tục thực hiện các quyền này*, như *Luật tố tụng hình sự*, *Luật tố tụng dân sự*, *Luật tố tụng hành chính*... Những định hướng cơ bản trên đây cho thấy, việc hoàn thiện hệ thống pháp luật của nước ta là một quá trình đầy khó khăn, thử thách, với rất nhiều nhiệm vụ đặt ra cả trước mắt và lâu dài. Hoàn thiện hệ thống pháp luật không chỉ đơn thuần là nghiên cứu bổ sung, hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật - cho dù đây là nhiệm vụ chủ yếu, mà còn bao hàm cả hoàn thiện các thiết chế bảo đảm cho thực thi pháp luật; tổ chức thi hành pháp luật; xây dựng nguồn nhân lực và hoàn thiện hệ thống đào tạo nguồn nhân lực làm công tác pháp luật và nghệ thuật. Chỉ khi phát triển đồng bộ các yếu tố nêu trên, mới thực sự có được một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, bảo đảm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; bảo đảm pháp luật vừa là công cụ để Nhà nước quản lý xã hội, vừa là công cụ để nhân dân làm chủ kiểm tra, giám sát quyền lực nhà nước. Do vậy, cần đẩy mạnh các hoạt động tổ chức thực hiện pháp luật, mở rộng các hoạt động tuyên truyền giáo dục pháp luật, dịch vụ và tư vấn pháp lý trong xã hội, xây dựng

nếp sống và làm việc theo Hiến pháp, pháp luật, xây dựng nền văn hóa pháp lý trong đời sống xã hội.

Nhiệm vụ, giải pháp mới của Đảng chỉ ra cũng xác định cần phải quản lý đất nước theo pháp luật, đồng thời coi trọng xây dựng nền tảng đạo đức xã hội. Đây là sự thể hiện tính biện chứng trong cách nhìn nhận của Đảng ta về vai trò của Nhà nước trong quản lý xã hội, thể hiện sự thống nhất giữa “tính phổ biến” và “tính đặc thù” trong xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền ở nước ta. Nó là biểu hiện sinh động cho sự khác biệt giữa Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa với Nhà nước pháp quyền tư sản; và là cơ sở để loại bỏ những nhận thức mơ hồ, lệch lạc về vấn đề này.

Về phương diện lý luận, nhà nước pháp quyền là một biểu hiện của trình độ phát triển dân chủ. Nó được nhìn nhận như một phương thức thực hiện quyền lực nhà nước, một cách thức tổ chức nền dân chủ, cách thức tổ chức nhà nước và xã hội trên nền tảng dân chủ. Không có dân chủ, thì nhất định không thể xuất hiện nhà nước pháp quyền. Do đó, trước hết cần phải thống nhất nhận thức rằng: Nhà nước pháp quyền không phải là một kiểu nhà nước, mà chỉ là một hình thức tổ chức nhà nước và xã hội. Điều này có ý nghĩa nhận thức luận rất quan trọng. Mặc dù chỉ đến khi xuất hiện dân chủ tư sản thì mới có cơ hội và điều kiện để xuất hiện nhà nước pháp quyền, đó là nhà nước pháp quyền tư sản, nhưng điều đó hoàn toàn không đồng nghĩa với việc nhà nước pháp quyền chỉ là sản phẩm riêng có của xã hội tư bản như nhiều học giả tư sản khẳng định. Hình thức nhà nước pháp quyền không những có thể xuất hiện trong kiểu nhà nước tư bản chủ nghĩa mà còn có thể xuất hiện trong kiểu nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Nhà nước pháp quyền ngoài các giá trị phổ biến (tính phổ biến) còn bao hàm cả những giá trị đặc thù (tính đặc thù) - những biểu hiện riêng có gắn với mỗi quốc gia dân tộc. Không thể có một mô hình nhà nước pháp quyền chung cho một quốc

gia dân tộc. Căn cứ vào tình hình, đặc điểm cụ thể mỗi nước có thể xây dựng, tổ chức nhà nước pháp quyền theo cách thức riêng mà không phủ nhận hay mâu thuẫn với những giá trị chung, phổ quát. Mỗi quốc gia có bản chất chế độ chính trị, đặc điểm văn hóa, dân tộc, truyền thống dân chủ riêng nên quy định, chi phối và tạo ra tính đặc thù của mô hình nhà nước pháp quyền của mình. Điều đó vừa phản ánh quy luật phát triển, vừa thể hiện tính sinh động trong tư duy nhận thức và hoạt động xây dựng nhà nước của mỗi giai cấp cầm quyền, mỗi quốc gia, dân tộc cụ thể.

Ở nước ta, sự thống nhất hữu cơ giữa tính phổ biến và tính đặc thù của nhà nước pháp quyền luôn được Đảng ta nhận thức sâu sắc và quán triệt trong suốt quá trình lãnh đạo xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đây là cơ sở để đấu tranh với những quan điểm lệch lạc, sai trái lấy tiêu chuẩn nhà nước pháp quyền tư sản để áp đặt cho việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; hay áp dụng rập khuôn, máy móc một mô hình nhà nước pháp quyền nhất định vào việc xây dựng nhà nước của ta, bỏ qua hoặc hạ thấp vai trò của những yếu tố, tính đặc thù của quốc gia, dân tộc.

Thực tiễn cho thấy, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là quá trình biến các giá trị phổ biến của nhà nước pháp quyền nói chung thành những giá trị nội tại của một nhà nước được xây dựng trong bối cảnh kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội phương Đông, vốn có truyền thống kết hợp cả “pháp trị”, “đức trị” và “nhân trị” trong điều hành, quản lý đất nước. Đồng thời, đặt trong bối cảnh chính trị riêng của Việt Nam - Nhà nước ra đời qua đấu tranh cách mạng chống giặc ngoại xâm, từ một nước thuộc địa nửa phong kiến tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không trải qua hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa. Vì vậy, có thể khẳng định Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam vừa mang tính phổ biến, vừa mang tính đặc thù do điều kiện lịch sử, trình độ phát triển kinh tế -

xã hội, truyền thống văn hóa, dân tộc Việt Nam... Những giá trị phổ biến của nhà nước pháp quyền trên thế giới được Đảng ta nghiên cứu, kế thừa, nhưng không rập khuôn máy móc mà có sự vận dụng sáng tạo vào điều kiện lịch sử của nước ta, tạo nên một kiểu nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa đặc trưng của Việt Nam.

Coi trọng xây dựng nền tảng đạo đức - pháp luật xã hội như một thành tố quan trọng trong quản lý đất nước, là một trong những biểu hiện nổi bật về tính đặc thù của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Nó xuất phát từ sự kế thừa, phát triển tư tưởng đức trị, pháp trị của cha ông ta trong lịch sử dựng nước, trị nước và giữ nước.

Đạo đức và pháp luật là hai thành tố thuộc kiến trúc thượng tầng, đồng thời là hai phạm trù khác nhau nhưng có mối quan hệ gắn bó chặt chẽ với nhau. Đạo đức là gốc, là cơ sở của pháp luật xã hội chủ nghĩa; đạo đức là động cơ của hành vi hợp pháp; đạo đức là công cụ hỗ trợ pháp luật trong quản lý và giữ gìn trật tự xã hội, thuần phong mỹ tục, rèn luyện nhân cách, trách nhiệm của công dân và cán bộ, đảng viên. Ngược lại, pháp luật có vai trò to lớn đối với đạo đức. Pháp luật xã hội chủ nghĩa thể hiện giá trị đạo đức tốt đẹp của xã hội; tuân thủ pháp luật là phương thức thực hiện các hành vi hợp chuẩn đạo đức; pháp luật ghi nhận và bảo đảm về mặt pháp lý các chuẩn mực đạo đức; pháp luật là công cụ hữu hiệu hỗ trợ cho cái thiện đấu tranh thắng cái ác, tạo điều kiện cho đạo đức phát triển bền vững... Đạo đức và pháp luật trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một thể khăng khít không tách rời nhau, vừa là tiền đề vừa là điều kiện của nhau trong tất cả các khâu, các bước của quá trình xây dựng, ban hành và thực thi pháp luật của Nhà nước, tạo nên tính nhân đạo, nhân văn cao cả vì con người, phục vụ con người của pháp luật xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, định hướng giải pháp “*quản lý đất nước theo pháp luật, đồng thời coi trọng xây dựng nền tảng đạo đức xã hội*” trong Văn

kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng là một đòi hỏi tất yếu trong quá trình quản lý xã hội của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Kết hợp giữa pháp luật và đạo đức trong quản lý xã hội của Nhà nước không phải là một yêu cầu chung chung định tính, mà cần phải được thể hiện bằng những giải pháp cụ thể. Đó là, xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật; phát huy dân chủ, giữ vững kỷ cương, tăng cường pháp chế và đấu tranh phòng, chống tham nhũng; phát huy vai trò của nhân dân trong việc kiểm tra, giám sát hoạt động của bộ máy nhà nước và đội ngũ cán bộ, công chức, đảng viên; thực hiện đại đoàn kết dân tộc; phát huy vai trò gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên; xây dựng chuẩn mực, nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp; phát huy vai trò của gia đình, nhà trường và các đoàn thể xã hội trong việc giáo dục, nâng cao hiểu biết về ý thức chấp hành pháp luật của mọi công dân.

Xác định rõ cơ chế phân công, phối hợp thực thi quyền lực nhà nước. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII chỉ rõ: “Xác định rõ cơ chế phân công phối hợp thực thi quyền lực nhà nước, nhất là cơ chế kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp trên cơ sở quyền lực nhà nước là thống nhất; xác định rõ hơn quyền hạn và trách nhiệm của mỗi quyền. Đồng thời, quy định rõ hơn cơ chế phối hợp trong việc thực hiện và kiểm soát các quyền ở các cấp chính quyền. Tiếp tục phân định rõ thẩm quyền và trách nhiệm giữa các cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương và của mỗi cấp chính quyền địa phương”³⁷.

Nhiệm vụ, giải pháp này nhằm hiện thực hóa nguyên tắc kiểm soát quyền lực nhà nước đã được hiến định trong *Hiến pháp năm 2013*. Kiểm soát quyền lực nhà nước là vấn đề khó khăn và phức tạp. Bởi vì, vừa phải đề phòng, chống sự tha hóa và lạm dụng quyền lực nhà nước, vừa phải làm sao để không làm mất đi tính năng động, mềm dẻo cần có trong thực hiện chức năng của Nhà nước. Để kiểm soát

được quyền lực nhà nước, đòi hỏi phải hình thành cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước cả bên trong lẫn bên ngoài bộ máy nhà nước. Đây cũng chính là cách thức phòng, chống và đấu tranh với tham nhũng, tiêu cực trong bộ máy nhà nước bằng hoàn thiện các thể chế về tổ chức bộ máy nhà nước.

Để thực hiện được nhiệm vụ và giải pháp trên đây cần tập trung xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật trên cơ sở *Hiến pháp năm 2013*; đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật; tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách; hoàn thiện thể chế về sở hữu, khẳng định rõ sự tồn tại khách quan, lâu dài của các hình thức sở hữu nhà nước, tập thể và tư nhân; tiếp tục đổi mới thể chế về doanh nghiệp nhà nước; sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật về xã hội hóa theo hướng quy định rõ trách nhiệm của Nhà nước trong việc chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; tiếp tục xây dựng, hoàn thiện thể chế về tổ chức và hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước; xây dựng, hoàn thiện quy định của pháp luật về mối quan hệ giữa Nhà nước và nhân dân...

Như vậy, hoàn thiện thể chế, chức năng, nhiệm vụ, phương thức, cơ chế vận hành, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là quan điểm cơ bản của Đảng trong xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay. Quan điểm này chỉ ra phương hướng, nhiệm vụ để cả hệ thống chính trị và nhân dân ta triển khai tổ chức thực hiện với nhiều giải pháp trong thời gian tới.

III- HOÀN THIỆN TỔ CHỨC VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BỘ MÁY NHÀ NƯỚC

Đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Qua 30 năm đổi mới, công tác tổ chức và nâng cao chất lượng hoạt động của bộ máy nhà nước đã đạt được những thành tựu đặc biệt quan trọng, song còn tồn tại nhiều hạn chế, yếu kém, bất cập. Trên cơ sở

nhìn nhận, đánh giá khách quan, thẳng thắn những ưu điểm và hạn chế, đồng thời chỉ ra những yêu cầu bức thiết của tình hình mới, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng đã xác định một trong những định hướng lớn, chủ đạo về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam thời gian tới là: *“Hoàn thiện tổ chức và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước”*³⁸, *“Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và bảo đảm quyền tự do dân chủ của người dân trong phát triển kinh tế - xã hội đi đôi với tuân thủ pháp luật”*³⁹. Để thực hiện được chủ trương, định hướng trên, Đảng ta xác định cần làm tốt một số vấn đề sau:

1. Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII xác định: *“Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội, bảo đảm Quốc hội thực sự là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất. Quốc hội thực hiện tốt chức năng lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao, nhất là đối với việc quản lý, sử dụng các nguồn lực của đất nước”*⁴⁰.

Trong bộ máy nhà nước, Quốc hội có tầm quan trọng đặc biệt. Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Quốc hội thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước.

Nhưng năm qua, việc đổi mới tổ chức và hoạt động, bảo đảm thực hiện ngày càng có hiệu quả các chức năng, nhiệm vụ của Quốc hội đã góp phần tạo ra nguồn sinh lực mới cho cả hệ thống chính trị và mở rộng không khí dân chủ ở nước ta. Các hoạt động mới của Quốc hội, nhất là hoạt động chất vấn và trả lời chất vấn của đại biểu Quốc hội, tập trung vào những vấn đề quan trọng, bức xúc được nhân dân quan tâm đã tạo nên không khí dân chủ trong hoạt động của Quốc hội, đồng thời

tác động không nhỏ đến các cơ quan khác của bộ máy nhà nước. Thông qua đó, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan nhà nước được nâng lên; các yếu tố của nền dân chủ đại diện được phát huy; tinh thần làm chủ, ý thức, trách nhiệm của nhân dân đối với hoạt động của Nhà nước được phát huy; niềm tin của nhân dân vào Quốc hội được củng cố.

Tuy nhiên, cũng phải thẳng thắn nhìn nhận, tổ chức và hoạt động của Quốc hội còn tồn tại nhiều hạn chế: chất lượng một số dự án luật, pháp lệnh chưa cao, quy trình lập pháp còn nhiều công đoạn có thể rút ngắn; hoạt động giám sát hiệu quả, hiệu lực còn thấp, giám sát việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật chưa làm được nhiều. Việc quyết định các vấn đề quan trọng vẫn còn mang tính hình thức. Tổ chức và phương thức hoạt động của Quốc hội nhìn chung vẫn chưa ngang tầm với nhiệm vụ.

Để tiếp tục hoàn thiện tổ chức và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Quốc hội theo tinh thần Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII cần có những giải pháp cơ bản:

Về tổ chức, Quốc hội cần nâng cao chất lượng đại biểu, chuẩn hóa các tiêu chuẩn đại biểu Quốc hội và kiên quyết lựa chọn những người đáp ứng đủ tiêu chuẩn, tránh tình trạng quá nặng về cơ cấu dẫn đến chất lượng đại biểu không cao. Quốc hội cần tăng số lượng đại biểu chuyên trách lên một tỷ lệ hợp lý (từ 40% đến 50%). Cần hạn chế tình trạng kiêm nhiệm quá nhiều nhiệm vụ khác nhau của các Phó Chủ tịch và các thành viên Thường vụ Quốc hội.

Nâng cao chất lượng bộ máy giúp việc của Quốc hội, thu hút các chuyên gia giỏi, tăng tính chuyên môn hóa. Nâng cao chất lượng tổ chức của Hội đồng Dân tộc và các ủy ban của Quốc hội. Nghiên cứu xác định rõ hơn quan hệ công tác giữa Ủy ban Thường vụ Quốc hội với Hội đồng Dân tộc, các ủy ban của Quốc hội theo

hướng phát huy mạnh vai trò, trách nhiệm của hội đồng, ủy ban. Cải tiến cách phân công để các ủy ban đảm nhiệm công việc đồng đều, hợp lý hơn.

Xây dựng quy chế phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Dân tộc và các ủy ban của Quốc hội giữa các cơ quan của Quốc hội với hội đồng nhân dân, đoàn đại biểu Quốc hội để góp phần thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan theo quy định của pháp luật. Tiếp tục xây dựng các tiểu ban trong hội đồng, các ủy ban của Quốc hội đủ mạnh và hoạt động thực chất, hiệu quả.

Phát huy tốt hơn nữa vai trò, hoạt động của các đoàn đại biểu Quốc hội và cá nhân đại biểu Quốc hội, nhất là trong hoạt động giám sát. Có cơ chế thích hợp để đại biểu Quốc hội thực hiện chức năng đại diện cho nhân dân ở đơn vị bầu cử và nhân dân cả nước.

Nghiên cứu thành lập một số cơ quan có chức năng kiểm tra tư pháp tính hợp hiến của các đạo luật được ban hành, hoạt động của các cơ quan công quyền, đội ngũ cán bộ, công chức. Ứng dụng những thành tựu mới nhất của khoa học công nghệ - thông tin vào hoạt động của Quốc hội.

Về hoạt động, hoàn thiện cơ chế để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của cơ quan dân cử, nhất là hoạt động lập pháp của Quốc hội, đại biểu Quốc hội, cơ chế giám sát, đánh giá đối với người giữ chức vụ do Quốc hội, hội đồng nhân dân bầu hoặc phê chuẩn. Tăng cường hơn nữa sự gắn kết giữa giám sát của Quốc hội với kiểm tra, giám sát của Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và giám sát của nhân dân.

Nâng cao hơn nữa chất lượng hoạt động lập pháp của Quốc hội. Tăng cường năng lực lập pháp, tiến tới xây dựng một hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất và đầy đủ; một văn bản pháp luật, pháp lệnh phải có chất lượng tốt, đáp ứng kịp thời những đòi hỏi của thực tiễn, có tính khoa học và khả thi cao. Đổi mới hoạt động

lập pháp theo hướng luật, pháp lệnh khi ban hành phải áp dụng được ngay vào cuộc sống. Mở rộng việc lấy ý kiến các đối tượng chịu sự điều chỉnh; cải tiến việc tổ chức lấy ý kiến nhân dân.

Tăng cường năng lực hoạt động lập pháp của Hội đồng Dân tộc và các ủy ban của Quốc hội. Các cơ quan này phải chịu trách nhiệm chính về việc thảo luận và xem xét những vấn đề quan trọng trước khi trình Quốc hội thảo luận và biểu quyết. Tăng thẩm quyền của Hội đồng Dân tộc, các ủy ban của Quốc hội trong quy trình lập pháp, nhất là việc thẩm tra các dự án luật, pháp lệnh, hướng tới việc thảo luận, cho ý kiến, hoàn thiện văn bản luật, pháp lệnh, nghị quyết sẽ được thực hiện chủ yếu tại các cơ quan của Quốc hội. Quy định rõ, cụ thể hơn cơ chế thực hiện nhiệm vụ của Ủy ban Pháp luật trong việc bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của hệ thống pháp luật cũng như trách nhiệm của các cơ quan phối hợp thẩm tra các dự án luật, pháp lệnh.

Nâng cao hiệu quả việc thực hiện chức năng giám sát tối cao của Quốc hội đối với hoạt động của bộ máy nhà nước, đặc biệt là giám sát việc tuân thủ pháp luật của cơ quan hành chính nhà nước các cấp và các cơ quan tư pháp. Đề cao vai trò của Hội đồng Dân tộc, các ủy ban của Quốc hội trong công tác giám sát. Tăng cường các điều kiện hỗ trợ cho hoạt động giám sát của các đoàn đại biểu Quốc hội và cá nhân đại biểu Quốc hội. Chú trọng trao đổi thông tin hai chiều về hoạt động giám sát giữa đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội với hội đồng nhân dân địa phương về kết quả giám sát tại địa phương và giữa đoàn đại biểu Quốc hội, hội đồng nhân dân với các cơ quan của Quốc hội. Khắc phục những tồn tại, hạn chế, những nhận thức không đúng trong công tác giám sát của Quốc hội.

Quốc hội cần tăng cường giám sát theo chuyên đề, giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước, trong đó lưu ý việc sử dụng ngân sách nhà nước; giám sát văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân

dân tối cao; đồng thời có chế tài về việc thực hiện các kiến nghị sau giám sát trong đó có trách nhiệm trả lời việc xử lý khiếu nại, tố cáo của công dân, việc thực hiện những cam kết khi trả lời chất vấn. Làm rõ đối tượng giám sát để thực hiện đúng quy định của pháp luật; việc giám sát của các cơ quan của Quốc hội chủ yếu được thực hiện đối với các cơ quan trung ương; kết hợp hài hòa và cải tiến việc tổ chức đi giám sát tại địa phương, bảo đảm hiệu quả thiết thực, tránh chồng chéo, trùng lặp.

Tiếp tục đổi mới hoạt động chất vấn theo hướng tập trung vào những vấn đề nổi cộm, bức xúc, thúc đẩy việc giải quyết những vấn đề được chất vấn. Cải tiến quy trình, phương thức tiến hành giám sát; xây dựng cơ chế xem xét, giải quyết kiến nghị qua giám sát.

Quốc hội xây dựng và thực hiện một quy trình đồng bộ cho việc quyết định các vấn đề quan trọng. Xây dựng cơ chế và có phương pháp để bảo đảm thực quyền của Quốc hội theo hiến định trong việc quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước, đặc biệt là về ngân sách nhà nước. Có cơ chế để các đại biểu Quốc hội nắm bắt được thông tin đa chiều trước khi quyết định.

Xác định rõ hơn khái niệm “vấn đề quan trọng” của đất nước, từ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, chính sách tài chính, tiền tệ quốc gia, chính sách dân tộc, tôn giáo, đối ngoại, quốc phòng, an ninh, dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách nhà nước, phê chuẩn điều ước quốc tế đến việc quyết định đầu tư xây dựng các công trình quan trọng quốc gia. Các nghị quyết của Quốc hội về các vấn đề quan trọng quốc gia cần được xây dựng theo hướng quy phạm hóa, lượng hóa nhiều hơn để có giá trị và tính ràng buộc pháp lý cao hơn; đồng thời phải được các cơ quan hữu quan của Quốc hội thẩm tra kỹ trước khi trình Quốc hội xem xét thông qua.

Để bảo đảm các yêu cầu về hoàn thiện tổ chức và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Quốc hội, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII nhấn mạnh: “Tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, bảo đảm cơ cấu và tiêu chuẩn, nâng cao chất lượng đại biểu, tăng số lượng đại biểu hoạt động chuyên trách một cách hợp lý”⁴¹.

2. Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ

Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội. Trong xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, việc hoàn thiện tổ chức và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Chính phủ là một nhiệm vụ quan trọng.

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII xác định: “Hoàn thiện cơ cấu tổ chức Chính phủ, xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội”⁴². Định hướng này tiếp tục chỉ đạo cụ thể hóa sâu sắc hơn nữa chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ đã được *Hiến pháp năm 2013* chế định; đồng thời có nhiều nội dung sửa đổi, bổ sung mới rất quan trọng.

Để hoàn thiện cơ cấu tổ chức Chính phủ, trước hết cần có sự đánh giá khách quan, chính xác về những mặt được, tiến bộ, hợp lý, đổi mới và những mặt chưa được, còn hạn chế, bất cập về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ cũng như tính phù hợp của cơ cấu tổ chức Chính phủ đối với sự chỉ đạo điều hành của Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ theo các quy định của *Hiến pháp, Luật tổ chức Chính phủ*. Trên cơ sở đó, cần xây dựng các định hướng hoàn thiện cơ cấu tổ chức Chính phủ cũng như cơ cấu tổ chức các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ được tinh gọn,

hợp lý, phục vụ cho sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ trong những năm tới được hiệu lực, hiệu quả hơn.

Để nâng cao chất lượng hoạt động của Chính phủ, việc đẩy mạnh cải cách hành chính là một đòi hỏi tất yếu. Đại hội XII của Đảng nhấn mạnh: “Đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước theo hướng xây dựng nền hành chính dân chủ, hiện đại, chuyên nghiệp, năng động, phục vụ nhân dân, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả. Hoàn thiện thể chế hành chính dân chủ - pháp quyền, quy định trách nhiệm và cơ chế giải trình của các cơ quan nhà nước; giảm mạnh, bãi bỏ những thủ tục hành chính gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp. Đề cao đạo đức công vụ, trách nhiệm xã hội, siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong chỉ đạo và thực thi công vụ của cán bộ, công chức; đẩy nhanh việc áp dụng chính phủ điện tử”⁴³.

Cải cách hành chính là nội dung quan trọng trong đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước ta. Trong những năm qua, thực hiện các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về cải cách hành chính, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và ủy ban nhân dân các cấp đã có nhiều nỗ lực, cố gắng triển khai và đã đạt được những kết quả tích cực trong công tác cải cách hành chính, đặc biệt là trong cải cách thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, một cửa liên thông hiện đại.

Xác định cải cách hành chính là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của Đảng, Nhà nước ta trong giai đoạn hiện nay và những năm tiếp theo, Chính phủ đã ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 tại Nghị quyết số 30C/NQ-CP ngày 8-11-2011, trong đó chỉ rõ 5 mục tiêu và 6 nhiệm vụ của chương trình, bao gồm: Cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính; cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; xây dựng và nâng cao

chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; cải cách tài chính công; hiện đại hóa hành chính.

Đây là những định hướng lớn, quan trọng trong cải cách nền hành chính nhà nước, đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của công cuộc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới. Tuy nhiên, công tác cải cách hành chính của nhiều bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và ủy ban nhân dân các cấp còn chậm, kết quả chưa cao, chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong tình hình mới.

Để đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước theo hướng xây dựng nền hành chính dân chủ, hiện đại, chuyên nghiệp, năng động, phục vụ nhân dân hoạt động có hiệu lực, hiệu quả theo quan điểm Đại hội XII của Đảng, đòi hỏi người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp phải nâng cao trách nhiệm trong việc xây dựng kế hoạch cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị mình; xác định rõ kết quả cụ thể phải đạt được, những nhiệm vụ phải thực hiện gắn với trách nhiệm của các cá nhân, cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện và bố trí nguồn lực bảo đảm cho việc thực hiện; tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá nghiêm túc, trung thực, khách quan kết quả thực hiện cải cách hành chính theo quy định của Bộ Nội vụ. Kết quả cải cách hành chính hằng năm của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và ủy ban nhân dân các cấp là cơ sở quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, năng lực lãnh đạo, điều hành và trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp và là một trong những tiêu chí đánh giá, bình xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân.

Hoạt động hành chính của Nhà nước được thực hiện thông qua đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Để nâng cao chất lượng nền hành chính nhà nước, một yêu cầu tất yếu là phải nâng cao chất lượng đội ngũ công chức hành chính, trong đó

việc đề cao đạo đức công vụ, trách nhiệm xã hội, siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong chỉ đạo và thực thi công vụ của cán bộ, công chức là rất quan trọng. Đạo đức công vụ thực chất là đạo đức của cán bộ, công chức, viên chức hoạt động trong lĩnh vực công, phản ánh những giá trị đạo đức và chuẩn mực pháp lý, được thể hiện ở lương tâm và trách nhiệm vì lợi ích chung. Đạo đức công vụ chính là thực hiện cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư trong hoạt động công vụ.

Để nâng cao đạo đức công vụ, trách nhiệm xã hội của đội ngũ công chức hành chính, cần: Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật như: *Luật phòng chống tham nhũng; Luật khiếu nại; Luật tố cáo; Luật thực hành, tiết kiệm, chống lãng phí; Luật cán bộ, công chức; Luật viên chức...* Hình thành cơ chế giám sát chặt chẽ, có chế tài nghiêm minh đối với những vi phạm về đạo đức và trách nhiệm công vụ; Phát huy dân chủ, tạo điều kiện để nhân dân tham gia xây dựng và giám sát hoạt động của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là cơ quan nhà nước; xây dựng và hoàn thiện quy chế đánh giá cán bộ, công chức, viên chức theo hướng công khai, dân chủ, có sự tham gia của dư luận xã hội và công dân. Cải cách hệ thống tiền lương, tiền thưởng, bảo đảm trả đúng sức lao động và giá trị cống hiến của cán bộ, công chức, viên chức; xây dựng các chế độ, chính sách tôn vinh, khuyến khích sự tận tâm thực hiện công vụ, khen thưởng thích đáng về vật chất và tinh thần đối với cán bộ, công chức, viên chức làm việc tốt, tận tụy và trong sạch. Xử lý nghiêm, kịp thời và công bằng những sai phạm của cán bộ, công chức, viên chức nhằm giáo dục và chấn chỉnh cán bộ, công chức, viên chức, đồng thời củng cố niềm tin của nhân dân vào Nhà nước và pháp luật.

3. Đẩy mạnh việc thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp, xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, từng bước hiện đại

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII xác định: “Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp, xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững

manh, dân chủ, nghiêm minh, từng bước hiện đại; bảo vệ pháp luật, công lý, quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và cá nhân. Phân định rành mạch thẩm quyền quản lý hành chính với trách nhiệm, quyền hạn tư pháp trong tổ chức, hoạt động của các cơ quan tư pháp. Cụ thể hóa đầy đủ các nguyên tắc hiến định về chức năng, nhiệm vụ của Tòa án nhân dân và hoạt động xét xử”⁴⁴.

Để xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, mọi công dân sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, hướng tới xã hội dân chủ, kỷ cương, hạn chế các tiêu cực xã hội, tạo sự bình đẳng giữa mọi công dân trước pháp luật, thì đòi hỏi bức thiết mà Văn kiện Đại hội XII đã đặt ra là phải xây dựng một nền tư pháp vững mạnh.

Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 2-6-2005 của Bộ Chính trị về *Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, đã có hơn 10 năm đi vào cuộc sống. Đây là văn bản pháp lý quan trọng góp phần nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên về vai trò của hoạt động tư pháp, sự cần thiết phải đẩy mạnh cải cách tư pháp. Trên cơ sở đó, tổ chức bộ máy các cơ quan tư pháp từng bước được kiện toàn và xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ. Hệ thống cơ quan tổ tụng và hỗ trợ hoạt động tư pháp được Nhà nước quan tâm củng cố, xây dựng như cơ quan điều tra, truy tố, thi hành án, công chứng, luật sư, giám định, định giá, trợ giúp pháp lý, thừa phát lại. Đồng thời, đội ngũ cán bộ được đào tạo một cách cơ bản nhằm đáp ứng yêu cầu của cải cách tư pháp. Phương thức lãnh đạo của Đảng và công tác giám sát của các cơ quan dân cử đối với các cơ quan tư pháp tiếp tục đổi mới...

Trong thời gian qua việc thực hiện một số nhiệm vụ cải cách tư pháp còn chậm, chưa theo đúng lộ trình của Chiến lược cải cách tư pháp. Việc nghiên cứu, xác định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, cơ chế phân bổ ngân sách và đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, chính sách đãi ngộ đối với

cán bộ của các cơ quan tư pháp, bổ trợ tư pháp vẫn còn chậm. Một số cán bộ tư pháp có phẩm chất chính trị đạo đức nghề nghiệp và trình độ chuyên môn chưa đáp ứng yêu cầu. Công tác giám sát của các cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân đối với hoạt động tư pháp hiệu quả thấp. Sự phối hợp giữa cấp ủy, tổ chức đảng các cơ quan tư pháp Trung ương với các cấp ủy địa phương và giữa các cấp ủy tổ chức đảng trong các cơ quan tư pháp với nhau trong việc lãnh đạo thực hiện một số nhiệm vụ cải cách tư pháp chưa thực sự chặt chẽ. Nhận thức của một số cán bộ, đảng viên về trách nhiệm triển khai thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp chưa thực sự đầy đủ nhất quán; chưa thể hiện quyết tâm cao trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ cụ thể tại cơ quan, tổ chức...

Trước tình hình trên đây, việc đẩy mạnh thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp được Đại hội XII rất chú trọng. Đại hội đã định hướng những nội dung cải cách tư pháp trong thời gian tới như sau:

“Tổ chức tòa án theo thẩm quyền xét xử; bảo đảm nguyên tắc độc lập, nguyên tắc tranh tụng trong xét xử, bảo đảm quyền bào chữa của bị can, bị cáo của đương sự. Tiếp tục xã hội hóa một số hoạt động tư pháp và bổ trợ tư pháp có đủ điều kiện.

Viện kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp; được tổ chức phù hợp với hệ thống tổ chức của tòa án; tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra.

Kiện toàn tổ chức cơ quan điều tra, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của cơ quan điều tra. Nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động của luật sư, bổ trợ tư pháp”⁴⁵.

Để hiện thực hóa những định hướng trên đây, trong thời gian tới cần triển khai thực hiện những nhiệm vụ và giải pháp cơ bản là: Tiếp tục sửa đổi bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật, tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho hoạt động tư pháp, tập

trung vào việc xây dựng và sửa đổi bổ sung các luật tố tụng và luật có nội dung liên quan đến việc xử lý vi phạm giải quyết tranh chấp trong đời sống xã hội, luật tổ chức của các cơ quan tư pháp; rà soát, sửa đổi pháp luật kinh tế, đất đai, tài chính ngân hàng, lao động... phù hợp với kinh tế thị trường và tương thích với pháp luật quốc tế mà chúng ta gia nhập, ký kết. Đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp, như: Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan điều tra, cơ quan thi hành án

Tiếp tục triển khai thực hiện *Luật tổ chức tòa án nhân dân năm 2014*; bảo đảm nguyên tắc độc lập trong xét xử của tòa án, tăng thẩm quyền xét xử cho tòa án cấp huyện, tiến tới thực hiện tổ chức tòa án theo hai cấp xét xử, nghiên cứu thành lập tòa án khu vực, áp dụng thủ tục rút gọn trong xét xử.

Nâng cao chất lượng hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân, tập trung làm tốt chức năng công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp. Mở rộng thẩm quyền của Viện kiểm sát cấp huyện thực hiện theo lộ trình thích hợp, gắn với việc đào tạo bồi dưỡng, kiện toàn đội ngũ kiểm sát viên cấp huyện.

Đổi mới theo hướng thu gọn đầu mối, bớt chồng chéo về tổ chức cơ quan điều tra. Cơ quan công tố chỉ đạo điều tra; xác định rõ quyền hạn, trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan điều tra và điều tra viên theo hướng phân biệt thẩm quyền hành chính và thẩm quyền tố tụng.

Tiếp tục nghiên cứu tiến tới tập trung nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác thi hành án vào một cơ quan quản lý tập trung thống nhất và nhanh chóng triển khai đưa pháp luật thi hành án dân sự và hình sự vào cuộc sống. Chân chỉnh các tổ chức và các hoạt động hỗ trợ tư pháp, bao gồm: hoạt động luật sư, công chứng, giám định, hộ tịch...

Những định hướng trên là cơ sở để ngành tư pháp nói riêng, cả hệ thống chính trị nói chung xây dựng những chương trình, giải pháp cụ thể để phát huy những ưu điểm, khắc phục những tồn tại, hạn chế, thiếu sót nhằm xây dựng nền tư pháp vững mạnh, bảo đảm sự phát triển đồng bộ, hài hòa của cả ba cấu trúc quyền lực lập pháp, hành pháp và tư pháp của Nhà nước Cộng hòa ra hội chủ nghĩa Việt Nam.

4. Xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước của mỗi cấp chính quyền địa phương

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII xác định: “Trên cơ sở bảo đảm tính thống nhất, thông suốt, hiệu lực, hiệu quả của nền hành chính quốc gia, xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước của một cấp chính quyền địa phương theo quy định của Hiến pháp và pháp luật. Việc hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của chính quyền địa phương gắn kết hữu cơ với đổi mới tổ chức và cơ chế hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội ở các cấp. Hoàn thiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương phù hợp với đặc điểm ở nông thôn, đô thị, hải đảo, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt theo luật định”⁴⁶.

Đây là sự định hướng của Đại hội XII nhằm thực hiện *Hiến pháp năm 2013*. Hiến pháp đã hiến định nhiều nội dung với về chính quyền địa phương, xác định rõ tính chất của hệ thống cơ quan công quyền ở địa phương trong mối quan hệ với Trung ương, thể hiện tính gắn kết, mối quan hệ chặt chẽ giữa hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân trong chính thể của chính quyền địa phương; đồng thời, cũng quy định một cách tổng quát về phân chia đơn vị hành chính.

Trên cơ sở cụ thể hóa các quy định của *Hiến pháp năm 2013* và các chủ trương, định hướng của Đảng về chính quyền địa phương; kế thừa những nội dung hợp lý và sửa đổi, bổ sung các bất cập, vướng mắc trong *Luật tổ chức hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân năm 2003*, ngày 19-6-2015, tại kỳ họp thứ chín, Quốc hội khóa

XIII đã thông qua *Luật tổ chức chính quyền địa phương* gồm 8 chương, 143 điều. So với *Luật tổ chức hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân năm 2003*, *Luật tổ chức chính quyền địa phương* đã bổ sung thêm đơn vị hành chính: thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương và đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt. Cấp chính quyền địa phương gồm có hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân.

Một trong những điểm mới nổi bật của *Luật tổ chức chính quyền địa phương* đó là có sự phân biệt giữa chính quyền địa phương ở nông thôn và ở đô thị, phù hợp với đặc điểm kinh tế, địa lý, dân cư, kết cấu hạ tầng và yêu cầu quản lý ở mỗi địa bàn. Chính quyền địa phương ở nông thôn gồm chính quyền địa phương ở tỉnh, huyện, xã. Chính quyền địa phương ở đô thị gồm chính quyền địa phương ở thành phố trực thuộc Trung ương, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương, phường, thị trấn. *Luật tổ chức chính quyền địa phương* đã phân định rõ thẩm quyền giữa trung ương, địa phương và giữa các cấp chính quyền. Đồng thời, luật đã quy định nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương ở các đơn vị hành chính theo hướng chủ yếu tập trung ở cấp tỉnh, giảm dần xuống cấp huyện, cấp xã để tránh tình trạng dồn việc về cấp cơ sở mà không tính đến khả năng đáp ứng của từng cấp chính quyền; nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương ở địa bàn nông thôn tập trung thực hiện quản lý theo lãnh thổ; nhiệm vụ quyền hạn của địa phương đô thị chú trọng thực hiện quản lý theo ngành, lĩnh vực.

Luật tổ chức chính quyền địa phương đã quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền đô thị nhằm thể hiện sự khác biệt với chính quyền nông thôn. Theo đó, nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương ở thành phố, thị xã ngoài việc quyết định các vấn đề của địa phương như đối với địa bàn nông thôn, còn tập trung quyết định các vấn đề quy hoạch phát triển đô thị, xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị, quản lý và tổ chức đời sống dân cư đô thị...

Chế định của *Hiến pháp năm 2013* về chính quyền địa phương và những quy định trong *Luật tổ chức chính quyền địa phương* đã tạo nên một cơ sở pháp lý tương đối vững chắc để “xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước của mỗi cấp chính quyền địa phương” theo yêu cầu của Đại hội XII của Đảng. Trong những năm tiếp theo, việc triển khai thực hiện các văn bản quy phạm này vào thực tiễn cần được đẩy mạnh, tạo bước chuyển biến đột phá về tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương; bảo đảm tính thống nhất, thông suốt, hiệu lực, hiệu quả của nền hành chính quốc gia.

Song song với quá trình hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của chính quyền địa phương, việc đổi mới tổ chức và cơ chế hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội ở các cấp cũng phải được đẩy mạnh, tiến hành đồng bộ, tạo cơ sở chính trị để xây dựng một bộ máy hành chính dân chủ, lành mạnh, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả, phục vụ tốt nhất cho người dân.

Để hoàn thiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương phù hợp với đặc điểm ở nông thôn, đô thị, hải đảo, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, bên cạnh việc triển khai thực hiện nghiêm túc *Luật tổ chức chính quyền địa phương*, cần sớm xây dựng và ban hành *Luật về đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt*. Quy định về “Đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt do Quốc hội thành lập” là nội dung mới đưa bổ sung tại Điều 110 *Hiến pháp năm 2013*. Trọng tâm của luật này cần xác định rõ đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt là đơn vị thuộc cấp nào trong hệ thống phân cấp chính quyền ở nước ta; xác định rõ có bao nhiêu cấp chính quyền tại đơn vị kinh tế đặc biệt (một hoặc là hai), từ đó có cơ sở cho việc tổ chức chính quyền tại đơn vị kinh tế đặc biệt phù hợp với đặc điểm của từng địa phương này.

Có thể nói, việc hoàn thiện tổ chức và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước là nội dung được Đại hội XII của Đảng dành sự quan tâm đặc biệt trong tổng thể các phương hướng, nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước

pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay. Quan điểm của Đại hội XII thể hiện những nội dung mang tính nhất quán; có nhiều nội dung được bổ sung, phát triển mới, tạo tiền đề cho những chuyển biến tích cực của bộ máy nhà nước cả về tổ chức và phương thức hoạt động nhằm đáp ứng đòi hỏi của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế, phát triển toàn diện đất nước trong giai đoạn tiếp theo.

IV- CHÚ TRỌNG CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC

Mọi chủ trương, giải pháp xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có thực hiện được hay không, xét đến cùng, đều phụ thuộc vào phẩm chất, năng lực, trình độ của đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn coi công tác cán bộ là khâu then chốt trong toàn bộ hoạt động, là nguyên nhân thành, bại của cách mạng.

Đại hội VI của Đảng đã chỉ rõ: Đổi mới cán bộ lãnh đạo các cấp là mắt xích quan trọng nhất mà Đảng ta phải nắm chắc để thúc đẩy những cuộc cải cách có ý nghĩa cách mạng. Tại Đại hội VII, Đảng ta tiếp tục khẳng định: Đổi mới cán bộ và công tác cán bộ để bảo đảm sự nghiệp đổi mới và kế tục sự nghiệp lâu dài của Đảng là một nhiệm vụ quan trọng. Nghị quyết Trung ương 3 khóa VII nhấn mạnh: Cán bộ có vai trò cực kỳ quan trọng hoặc thúc đẩy hoặc kìm hãm tiến trình đổi mới. Nghị quyết Trung ương 3 khóa VIII về *Chiến lược cán bộ của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước* đã khẳng định vai trò cán bộ có tính chất đặc biệt quan trọng, cán bộ là khâu then chốt của công tác xây dựng Đảng. Đại hội IX của Đảng yêu cầu tiếp tục đổi mới công tác cán bộ, xây dựng đội ngũ cán bộ mà trước hết là cán bộ lãnh đạo và quản lý ở các cấp vững vàng về chính trị, gương mẫu về đạo đức, trong sạch về lối sống, trọng dụng những người có đức, có tài...

Hội nghị Trung ương 9 khóa X và Nghị quyết Đại hội XI của Đảng tiếp tục xác định cán bộ là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng, là khâu then chốt

trong công tác xây dựng Đảng. Trước yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, đòi hỏi ngày càng cao hơn, đặt ra nhiều vấn đề mới, phức tạp hơn, cần phải có một đội ngũ cán bộ ngang tầm mới đáp ứng được. Do đó, Đảng phải tiếp tục thực hiện chiến lược cán bộ với quyết tâm và yêu cầu mới, cao hơn, đạt kết quả tốt hơn trên cơ sở bổ sung, hoàn thiện các quan điểm, xác định rõ hơn các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp.

Tại Đại hội XII, Đảng ta xác định để thực hiện tốt hơn công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức phục vụ cho nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn cách mạng mới cần tập trung vào những chủ trương biện pháp cơ bản sau:

1. Tập trung lãnh đạo về đường lối, chủ trương xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII chỉ rõ: “Đảng tập trung lãnh đạo về đường lối, chủ trương, xây dựng tiêu chí, tiêu chuẩn, cơ chế, chính sách về cán bộ, công chức. Đẩy mạnh dân chủ hóa công tác cán bộ, quy định rõ trách nhiệm, thẩm quyền của mỗi tổ chức, mỗi cấp trong xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, có trình độ, năng lực chuyên môn phù hợp, đáp ứng yêu cầu của giai đoạn mới. Thực hiện thí điểm dân trực tiếp bầu một số chức danh ở cơ sở và ở cấp huyện; mở rộng đối tượng thi tuyển chức danh cán bộ quản lý. Hoàn thiện tiêu chí đánh giá và cơ chế kiểm tra, giám sát, kiểm soát việc thực thi công vụ; xác định rõ quyền hạn, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính”⁴⁷.

Đây là sự thể hiện nhất quán nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, đi đôi với phát huy trách nhiệm của tổ chức và người đứng đầu các tổ chức trong hệ thống chính trị, giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định tập thể về công tác cán bộ.

Trong thời kỳ đổi mới, Đảng ta đã xây dựng một hệ thống tiêu chí cán bộ, công chức ngày càng hoàn thiện. Tiêu chuẩn chung cho cán bộ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước bao gồm: có tinh thần yêu nước sâu sắc, tận tụy phục vụ nhân dân, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, phấn đấu thực hiện có kết quả đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Không tham nhũng và kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng. Có ý thức tổ chức kỷ luật, trung thực, không cơ hội, gắn bó mật thiết với nhân dân, được nhân dân tín nhiệm. Có trình độ hiểu biết về lý luận chính trị, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. Có trình độ văn hóa, chuyên môn, đủ năng lực và sức khỏe để làm việc có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Các tiêu chuẩn có quan hệ mật thiết với nhau, coi trọng cả đức và tài, đức là gốc. Ngoài các tiêu chuẩn chung, cán bộ, công chức trên từng lĩnh vực, vị trí công tác cụ thể còn phải đáp ứng những tiêu chuẩn riêng nhằm đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi của nhiệm vụ.

Đẩy mạnh dân chủ hóa công tác cán bộ, quy định rõ trách nhiệm, thẩm quyền của mỗi tổ chức, mỗi cấp trong xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức là yêu cầu tất yếu của công tác cán bộ trong thời kỳ mới đã được Đảng ta xác định. Những năm qua, nhìn nhận lại nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém trong công tác cán bộ, Đảng ta chỉ rõ một trong những nguyên nhân cơ bản là vi phạm nguyên tắc dân chủ trong công tác cán bộ.

Để đẩy mạnh dân chủ hóa trong công tác cán bộ theo quan điểm của Đảng, những nội dung, nhiệm vụ trước mắt cần thực hiện là: Các cấp ủy đảng, chính quyền cần quán triệt và thực hiện cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ” và phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. Có cơ chế thuận lợi để nhân dân giới thiệu, tiên cử cho Đảng, Nhà nước những cán bộ có đức, có

tài. “Đảng giới thiệu cán bộ đủ tiêu chuẩn để ứng cử hoặc bổ nhiệm vào các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội theo quy định của Điều lệ Đảng. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội từng bước đổi mới cơ chế, nội dung, phương thức hoạt động, là nhân tố góp phần vào việc thi hành Điều lệ Đảng của các tổ chức đảng và đảng viên được thực hiện nghiêm túc”⁴⁸.

Các cấp ủy đảng, chính quyền cần trân trọng và tiếp thu các ý kiến đóng góp của nhân dân để kịp thời điều chỉnh công tác cán bộ. Đối với hệ thống chính trị, những vấn đề liên quan đến các nội dung quản lý cán bộ như phân cấp quản lý, tiêu chuẩn cán bộ, đánh giá, bố trí, sử dụng quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật cán bộ... đều phải được phổ biến, quán triệt, hướng dẫn để các tổ chức thành viên trong hệ thống chính trị và quần chúng biết, tích cực tham gia. Bên cạnh đó, cần rà soát, sửa đổi, bổ sung quy chế, quy định, quy trình trong công tác cán bộ theo hướng mở rộng dân chủ để có sự tham gia rộng rãi hơn của các tổ chức thành viên và cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động.

Đại hội XII của Đảng đã đề ra một chủ trương, biện pháp mới mang tính đột phá trong công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, đó là: Thực hiện thí điểm dân trực tiếp bầu một số chức danh ở cơ sở và ở cấp huyện; mở rộng đối tượng thi tuyển chức danh cán bộ quản lý.

Đây là chủ trương tốt, có sự đổi mới, sáng tạo để đánh giá đúng năng lực, uy tín, đạo đức của cán bộ được bổ nhiệm vào các chức danh. Ở cấp cơ sở và cấp huyện, cán bộ, công chức là những người trực tiếp tiếp xúc với nhân dân, việc bầu trực tiếp các chức danh, nhất là chức danh lãnh đạo sẽ phát huy vai trò làm chủ của nhân dân. Mặt khác, đây cũng là cơ sở để nhân dân phát huy vai trò của mình trong giám sát hoạt động của bộ máy chính quyền địa phương và mỗi cán bộ, công chức.

Chủ trương trên là đúng đắn, thể hiện niềm tin của Đảng vào trí tuệ của nhân dân. Song, đây là một chủ trương rất mới, còn nhiều khó khăn trong nhận thức và tổ chức thực hiện của cả các cơ quan nhà nước và nhân dân. Do vậy, cần phải được thực hiện thí điểm ở những địa phương hội tụ đầy đủ những điều kiện cả thuận lợi và khó khăn, khách quan và chủ quan nhất định, trên cơ sở đó mà tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm và nhân rộng trên phạm vi cả nước. Từ đó, tạo điều kiện tiến tới thực hiện những hình thức dân chủ trực tiếp cao hơn nữa ở nước ta hiện nay.

2. Sửa đổi, bổ sung chính sách đối với cán bộ, công chức; xây dựng cơ chế, chính sách đãi ngộ, trọng dụng nhân tài

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII xác định: “Rà soát, sửa đổi, bổ sung chính sách đối với cán bộ, công chức theo hướng khuyến khích cán bộ, công chức nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức công vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ; lấy bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, năng lực, hiệu quả thực thi nhiệm vụ để đánh giá, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ. Xây dựng cơ chế, chính sách đãi ngộ, thu hút, trọng dụng nhân tài”⁴⁹.

Chính sách cán bộ là hệ thống các quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước ta đối với đội ngũ cán bộ, công chức, là công cụ và các giải pháp nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ đồng bộ, có chất lượng, đáp ứng yêu cầu của mỗi thời kỳ cách mạng. Đảng và Nhà nước đã ban hành chính sách đào tạo - bồi dưỡng, chính sách sử dụng và quản lý cán bộ, chính sách bảo đảm lợi ích và động viên tinh thần cán bộ. Việc rà soát, sửa đổi, bổ sung các loại chính sách này có tầm quan trọng rất lớn đối với việc xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức.

Vấn đề quan trọng hiện nay là, cần tập trung đánh giá đúng thực trạng chính sách cán bộ, công chức; sửa đổi, bổ sung những quy định còn có sự chồng chéo, bất hợp lý, ban hành đồng bộ các chính sách từ khâu tuyển dụng, bố trí sử dụng, đào tạo,

bồi dưỡng đánh giá, khen thưởng, kỷ luật tiền lương, phụ cấp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, điều kiện làm việc, nghỉ ngơi...

Thực hiện tốt các vấn đề này sẽ góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả và tạo điều kiện thuận lợi để các chính sách cán bộ sớm đi vào cuộc sống.

Để xây dựng một đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước vững mạnh, việc thu hút và trọng dụng nhân tài trong các cơ quan nhà nước là một đòi hỏi khách quan. Đại hội XII xác định: “Xây dựng cơ chế, chính sách đãi ngộ, thu hút, trọng dụng nhân tài”⁵⁰. Thực hiện chủ trương này, bên cạnh việc xác định các tiêu chí về nhân tài, tài năng đối với việc đảm nhiệm các chức vụ của bộ máy nhà nước, cần chú trọng thực hiện đồng bộ các biện pháp như: nâng cao chất lượng tuyển dụng; đổi mới chế độ đánh giá cán bộ, công chức định kỳ; xây dựng và thực hiện chế độ tiến cử; đổi mới phương thức bổ nhiệm cán bộ, công chức; xây dựng chương trình, nội dung và phương pháp bồi dưỡng đối với những người được xác định có tài năng; thực hiện luân chuyển, điều động, biệt phái để thử thách và tạo điều kiện cho cán bộ, công chức có tài năng thể hiện năng lực; có chính sách trọng dụng tài năng, trực tiếp nhất là phân công đúng sở trường công tác; có chính sách đãi ngộ thỏa đáng...

Cán bộ, công chức nhà nước là những người được nhân dân ủy quyền, giao quyền thực hiện các chức trách, nhiệm vụ trong các cơ quan nhà nước. Ở vị trí công quyền, việc lạm dụng, tha hóa quyền lực là một nguy cơ luôn hiện hữu. Vì vậy, “Đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, hách dịch, cửa quyền; thực hành tiết kiệm trong các cơ quan nhà nước và trong đội ngũ cán bộ, công chức”⁵¹ như Văn kiện Đại hội XII xác định là một đòi hỏi đúng đắn. Trong bối cảnh tệ nạn tham nhũng, lãng phí, quan liêu, hách dịch, cửa quyền của một bộ phận không nhỏ cán bộ, công chức đang diễn biến phức tạp, có nhiều biểu hiện nghiêm trọng, thì nội dung định hướng của Đại hội XII càng khẳng định tính cấp thiết, nóng bỏng của nhiệm vụ này.

Đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực của đội ngũ cán bộ, công chức, nhất là đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, cần tập trung thực hiện các biện pháp cơ bản, đó là: Đánh giá đúng thực trạng tình hình và kết quả đấu tranh với quan liêu, tham nhũng và các tiêu cực trong bộ máy nhà nước; nhận thức đúng tầm quan trọng của cuộc đấu tranh chống quan liêu tham nhũng, lãng phí; xác định đúng đắn quan điểm và thái độ trong đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí; phải làm rõ sự thật về tình trạng quan liêu, tham nhũng, tiêu cực trong bộ máy nhà nước; có chiến lược, kế hoạch đấu tranh với quan liêu, tham nhũng và các hiện tượng tiêu cực khác; cần có thái độ kiên quyết, kiên trì và liên tục đấu tranh. Bên cạnh đó, cần có quy định về trách nhiệm giải trình của cán bộ, công chức; kiểm soát chặt chẽ thu nhập; sớm có mô hình tổ chức cơ quan chống tham nhũng, đủ mạnh và hiệu quả; kiên quyết chỉ đạo, sắp xếp lại bộ máy trong hệ thống chính trị, nâng cao chất lượng, tính chuyên nghiệp của đội ngũ cán bộ, công chức...”⁵².

Trong tình hình hiện nay, cần triển khai đồng bộ các giải pháp phòng ngừa, phát hiện, xử lý và phát huy vai trò của các tổ chức, lực lượng trong phòng, chống quan liêu, tham nhũng và các tiêu cực khác trong bộ máy nhà nước, cụ thể:

Về phòng ngừa, cần thực hiện tốt quy định công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị; xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn; xây dựng và thực hiện quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp, việc chuyển đổi vị trí của cán bộ, công chức, viên chức; minh bạch tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức; làm rõ chế độ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng; cải cách hành chính, đổi mới công nghệ quản lý và phương thức thanh toán nhằm phòng ngừa tham nhũng; tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục ý thức pháp luật và phát huy vai trò của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong phòng, chống tham nhũng.

Về phát hiện, cần phát hiện tham nhũng thông qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước; phát hiện tham nhũng thông qua hoạt động thanh tra, kiểm toán, điều tra, kiểm sát, xét xử, giám sát; tố cáo và giải quyết tố cáo về hành vi tham nhũng; phát hiện tham nhũng thông qua báo chí.

Về xử lý, cần làm tốt việc xử lý người có hành vi tham nhũng và các hành vi vi phạm pháp luật khác; xử lý tài sản tham nhũng.

Phát huy vai trò, trách nhiệm của các tổ chức, lực lượng trong phòng, chống tham nhũng, trách nhiệm và sự phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong phòng, chống tham nhũng; có cơ chế và tổ chức có tính chất chuyên trách trong đấu tranh chống tham nhũng; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức thành viên phối hợp với các cơ quan nhà nước trong phòng, chống tham nhũng.

Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có đủ phẩm chất, năng lực, trình độ đáp ứng được yêu cầu chức trách, nhiệm vụ là phương hướng, giải pháp mang tính quyết định cho quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay. Đây là một nhiệm vụ vừa cơ bản lâu dài, vừa cấp bách, đòi hỏi có sự tích cực, đúng đắn trong xác định tầm nhìn chiến lược và tổ chức thực hiện trong thực tiễn. Những quan điểm mang tính khái quát của Đảng trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII là cơ sở quan trọng để chúng ta đẩy mạnh hiệu quả của việc thực hiện nhiệm vụ này trong giai đoạn mới của cách mạng Việt Nam.

*

* *

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Đảng ta đã có những bổ sung, phát triển lý luận về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, trong đó vừa làm sâu sắc thêm những quan điểm đã được thể hiện nhất quán trong các văn

kiện trước đó của Đảng, vừa có những phát triển mới đáp ứng đòi hỏi của tình hình thực tiễn.

Nội dung quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII tiếp tục khái quát và khẳng định bao gồm: Tiếp tục xây dựng hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của đổi mới hệ thống chính trị; hoàn thiện thể chế, chức năng, nhiệm vụ, cơ chế vận hành, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước; hoàn thiện tổ chức và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước; chú trọng công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức.

Mỗi nội dung quan điểm của Đảng về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII có vị trí, vai trò, nội dung cụ thể khác nhau, song giữa chúng luôn có mối quan hệ khăng khít, tác động tương hỗ lẫn nhau tạo cơ sở định hướng và chỉ đạo toàn bộ quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong thời kỳ mới.

Để nhận thức đúng đắn và đầy đủ nội dung quan điểm của Đảng về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam mà Văn kiện Đại hội XII của Đảng đã xác định, đòi hỏi các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, ban ngành, đoàn thể, mỗi cán bộ, đảng viên và toàn dân trong nghiên cứu quán triệt, cũng như triển khai thực hiện các nội dung quan điểm; đồng thời phải có quan điểm hệ thống, nhìn nhận và xem xét trong mối quan hệ tác động tương hỗ lẫn nhau giữa các nội dung, tránh nghiên cứu, nhận thức một cách tách rời riêng rẽ, hoặc biệt lập giữa các nội dung quan điểm cụ thể.

Từ nhận thức về cơ sở lý luận và thực tiễn đến nhận thức cụ thể nội dung quan điểm về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII xác định, cần có sự

chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động, xây dựng ý chí, quyết tâm cao và có những hành động cụ thể, việc làm thiết thực để đưa Nghị quyết của Đại hội XII nói chung, quan điểm về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa nói riêng vào thực tiễn cuộc sống chính trị và pháp lý của nước ta hiện nay. Đồng thời góp phần xây dựng và bảo vệ Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, hoàn thành chức năng, nhiệm vụ của một nhà nước kiểu mới của giai cấp công nhân và nhân dân lao động theo đúng học thuyết của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng, cùng khát vọng, hoài bão của nhân dân ta về một nhà nước thực sự của dân, do dân và vì dân trong thời kỳ toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế hiện nay.

-
1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.175.
 2. *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Sđd, tr.9.
 - 3,4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.191, 355.
 5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.214.
 6. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.175.
 7. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.3.
 8. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.69.

- 9,10. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.159, 159-160.
11. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.217-218.
- 12,13,14. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.98, 68, 247.
15. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.75.
- 16,17. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.76, 104.
18. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.80.
- 19,20. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.269, 273.
21. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.173.
22. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr.247.
23. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.307.
24. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.175.
25. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.173.

26. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, *Sđd*, tr.175.
27. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, *Sđd*, tr.175.
28. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, *Sđd*, tr.76.
29. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, *Sđd*, tr.102.
30. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, *Sđd*, tr.103.
31. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, *Sđd*, tr.274.
- 32,33. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, *Sđd*, tr.105,109.
- 34,35. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, *Sđd*, tr.112, 176.
36. Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24-5-2005 của Bộ Chính trị về *Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, tr.2.
37. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, *Sđd*, tr.176-177.
- 38,39,40. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, *Sđd*, tr.177, 308, 177.

41. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd, tr.177.*
42. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd, tr.178.*
43. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd, tr.178.*
44. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd, tr.178-179.*
45. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd, tr.179.*
46. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd, tr.179-180.*
47. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd, tr.180-181.*
48. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd, tr.332.*
49. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd, tr.181.*
50. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd, tr.181.*
51. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd, tr.181.*
52. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd, tr. 407-408.*

Chương III

ĐỊNH HƯỚNG QUẢN TRIỆT VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XII CỦA ĐẢNG VỀ XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG TÌNH HÌNH MỚI

I- ĐỊNH HƯỚNG TỔ CHỨC QUẢN TRIỆT, HỌC TẬP NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XII CỦA ĐẢNG VỀ XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG TÌNH HÌNH MỚI

Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân là một bước đột phá trong tư duy lý luận và thực tiễn của Đảng ta trong thời kỳ đổi mới. Từ Đại hội VII đến Đại hội XII, nhận thức của Đảng về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa đạt đến trình độ lý luận, mang tính toàn diện và hệ thống.

Đề quan điểm của Đảng về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII đi vào cuộc sống, việc tổ chức quán triệt, học tập nghị quyết là khâu đầu tiên rất quan trọng, mở đường tạo sự thống nhất ý chí và hành động trong Đảng, sự đồng thuận cao trong nhân dân; cổ vũ, động viên toàn Đảng, toàn dân, toàn quân phát huy cao độ tinh thần yêu nước, ý chí tự lực tự cường, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng.

Trong *Diễn văn bế mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII Đảng Cộng sản Việt Nam*, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nêu rõ: “ngay sau Đại hội, tất cả các cấp ủy tổ chức đảng cần làm tốt việc phổ biến, tuyên truyền sâu rộng trong toàn

Đảng, toàn dân, toàn quân về kết quả Đại hội; nghiên cứu, quán triệt sâu sắc Nghị quyết và các văn kiện Đại hội; khẩn trương xây dựng, triển khai chương trình, kế hoạch hành động, khơi dậy phong trào thi đua yêu nước sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân, đưa Nghị quyết Đại hội vào cuộc sống”¹. Cùng với đó, Đại hội kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, đồng bào ta ở nước ngoài hãy phát huy cao độ tinh thần yêu nước, ý chí tự lực tự cường, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, ra sức thi đua thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội, mở ra thời kỳ phát triển mới, vẻ vang, tốt đẹp của đất nước, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Để nâng cao chất lượng tổ chức quán triệt, học tập quan điểm của Đảng về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nhanh chóng đưa Nghị quyết vào cuộc sống, đòi hỏi các cấp ủy, tổ chức đảng cần tập trung thực hiện tốt những nội dung, yêu cầu sau:

1. Lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ việc tổ chức quán triệt, học tập Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới

Một là, các cấp ủy, tổ chức đảng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tốt công tác tư tưởng trong tổ chức quán triệt học tập, đưa Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng vào cuộc sống.

Phải làm cho các tổ chức chính trị - xã hội địa phương và nhân dân, các cấp, các ngành, từ trung ương đến cơ sở thống nhất nhận thức về việc tổ chức quán triệt học tập Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng. Coi việc quán triệt, học tập Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng là một nhiệm vụ chính trị trọng tâm trong năm 2016 và trong suốt cả nhiệm kỳ.

Tiến hành khẩn trương, nghiêm túc, đổi mới mạnh mẽ các hình thức và phương pháp, bảo đảm việc tổ chức quán triệt, học tập đúng chỉ đạo, hướng dẫn của Ban

Tuyên giáo Trung ương, phù hợp với đặc điểm của từng địa phương và từng ngành, từng cấp, từng đối tượng cụ thể.

Tổ chức quán triệt, học tập phải bảo đảm nâng cao được nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân những quan điểm mới của Đảng về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII.

Các cấp ủy tổ chức đảng ở mỗi cấp cần có chủ trương, biện pháp lãnh đạo cụ thể việc tổ chức quán triệt, học tập Nghị quyết Đại hội XII. Nội dung lãnh đạo, quán triệt, học tập Nghị quyết Đại hội phải cụ thể, bằng kế hoạch, chương trình, đúng hướng dẫn, chỉ đạo của Ban tuyên giáo Trung ương và cấp ủy cấp trên.

Trên cơ sở chủ trương, biện pháp lãnh đạo của cấp ủy tổ chức đảng, người đứng đầu địa phương, cơ quan đơn vị theo chức trách, nhiệm vụ đề cao trách nhiệm xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch quán triệt học tập Nghị quyết.

Phát huy tốt vai trò tham mưu của cơ quan chuyên môn giúp việc các cấp ủy đảng, vai trò, trách nhiệm của cán bộ chủ trì các cấp trong tổ chức quán triệt, học tập Nghị quyết cho cán bộ, đảng viên và nhân dân; tuyệt đối không “giao khoán” cho cơ quan tuyên giáo, cán bộ đảng, đoàn.

Lấy kết quả nghiên cứu quán triệt, học tập Nghị quyết Đại hội XII của Đảng làm một tiêu chuẩn đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ của cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên năm 2016. Đồng thời, lấy kết quả nghiên cứu quán triệt, học tập các nghị quyết trong chương trình toàn khóa của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII làm một tiêu chuẩn đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ của cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên hằng năm.

Hai là, làm tốt công tác quán triệt học tập đưa Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng vào cuộc sống.

Trên cơ sở quán triệt Chỉ thị số 01/CT-TW ngày 24-3-2016 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII và hướng dẫn của Ban Tuyên giáo Trung ương, các cấp ủy, tổ chức đảng tập trung làm tốt công tác chuẩn bị và tổ chức nghiêm túc, chặt chẽ đợt sinh hoạt quán triệt, học tập Nghị quyết Đại hội XII. Xác định đúng trọng tâm, thống nhất các nội dung quán triệt, học tập, nắm vững quan điểm của Đảng về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, đó là:

Những đặc trưng cơ bản của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa: Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan nhà nước trong thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Nhà nước ban hành pháp luật; tổ chức quản lý xã hội bằng pháp luật và không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Nhà nước do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Nội dung quan điểm của Đảng về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa bao gồm: Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị; hoàn thiện thể chế, chức năng, nhiệm vụ, phương thức và cơ chế vận hành, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; hoàn thiện tổ chức và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước; chú trọng công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức.

Trong giới thiệu, quán triệt quan điểm của Đảng về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa phải đặc biệt chú trọng giới thiệu những khâu đột phá, những điểm mới như: vấn đề cải cách hành chính; vấn đề kiểm soát quyền

lực của Nhà nước; cơ chế bảo vệ Hiến pháp và pháp luật; nâng cao tính độc lập của cơ quan tư pháp; phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước...

Những nội dung trên phải được thảo luận sâu sắc, nhất là những điểm mới, chủ trương, mục tiêu, định hướng giải pháp xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Đây là những nội dung khó, phức tạp về lý luận và thực tiễn, do vậy đòi hỏi trong chuẩn bị tài liệu học tập, ngoài tài liệu hướng dẫn do Ban Tuyên giáo Trung ương ban hành, các cấp ủy, cơ quan các cấp cần chủ động biên soạn cụ thể hóa những nội dung trên cho phù hợp với đặc điểm địa phương, ngành, cơ quan, đơn vị.

Cán bộ chủ chốt và đội ngũ báo cáo viên từng cấp đi sâu làm rõ những quan điểm cơ bản, tư tưởng chỉ đạo, nội dung cốt lõi, những vấn đề mới trong Đại hội XII của Đảng về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa gắn với liên hệ thực tiễn của địa phương, ngành, lĩnh vực.

Đối với cán bộ, đảng viên ở cơ sở, nội dung học tập, quán triệt cần tập trung vào những nội dung cơ bản, cốt lõi, cụ thể, thiết thực, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ làm, chú trọng liên hệ tình hình nhiệm vụ ở cơ sở nhằm tạo sự thông suốt, thống nhất về nhận thức, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Biên soạn tài liệu hỗ trợ học tập, quán triệt quan điểm của Đảng về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII phải phù hợp với từng đối tượng, đi thẳng vào vấn đề, ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ triển khai thực hiện.

Ba là, đổi mới hình thức, phương pháp tổ chức quán triệt học tập, thực hiện Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong tình hình mới.

Căn cứ vào hướng dẫn của Ban Tuyên giáo Trung ương, hướng dẫn chỉ đạo của cấp ủy cấp trên, bí thư cấp ủy chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo việc quán triệt, học tập nội dung phù hợp với Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở cấp mình; chủ trì thảo luận và thông qua chương trình hành động của đảng bộ.

Yêu cầu chung về hình thức, phương pháp tổ chức quán triệt, học tập và thực hiện Nghị quyết là phải phù hợp với đặc điểm, điều kiện từng địa phương, cơ quan, đơn vị. Hình thức cơ bản là tổ chức các lớp quán triệt, học tập Nghị quyết bằng phương pháp thuyết trình trên lớp, thảo luận tổ, giải đáp thắc mắc và kết luận kết quả tổ chức quán triệt, học tập.

Đối tượng là cán bộ chủ chốt, ngoài các đợt học tập trung theo quy định, có thể tổ chức học tập, nghiên cứu theo chuyên đề đi sâu vào những vấn đề lý luận toàn diện, hệ thống; đề cao phương pháp tự nghiên cứu, tăng cường trao đổi, thảo luận gắn những vấn đề lý luận với thực tiễn. Ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng có hiệu quả hình thức tổ chức quán triệt, học tập thông qua hội nghị trực tuyến nhằm bảo đảm chất lượng thông tin, tạo sự đồng bộ, thống nhất từ trên xuống dưới; khắc phục tình trạng cấp trên làm kỹ, cấp dưới làm giản đơn; tiết kiệm thời gian, kinh phí và mở rộng đối tượng tham gia. Trong trường hợp cần thiết có thể đề nghị tổ báo cáo viên của cấp trên hỗ trợ việc truyền đạt. Các đối tượng khác, tùy đặc điểm tình hình cụ thể và địa bàn để chọn hình thức, phương pháp phù hợp và phải tạo điều kiện thuận lợi nhất để các đối tượng tham gia quán triệt học tập được nhiều nhất, trong thời gian ngắn.

Các cấp ủy, tổ chức đảng lựa chọn cán bộ có năng lực truyền thụ, thành lập tổ báo cáo viên nòng cốt dự các lớp do Ban Tuyên giáo Trung ương và cấp trên tổ chức, sẵn sàng hỗ trợ truyền đạt nội dung các Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII cho cấp ủy cấp dưới.

Cơ quan tuyên giáo các cấp cần phát huy vai trò chủ động lựa chọn, đề xuất với cấp ủy về thành phần báo cáo viên, kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn để nâng cao chất lượng, hiệu quả truyền đạt Nghị quyết. Báo cáo viên không nhất thiết phải là cán bộ lãnh đạo, quản lý, cần bố trí các chuyên gia, giảng viên, người có kinh nghiệm, trình độ, năng lực su phạm để truyền đạt Nghị quyết.

Chỉ thị số 01/CT-TW ngày 24-3-2016 của Bộ Chính trị *Về học tập, quán triệt, tuyên truyền, triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng* chỉ rõ: “Đội ngũ báo cáo viên là những người nghiên cứu sâu, nắm vững Nghị quyết, có tư duy, quan điểm đúng đắn, có bản lĩnh, tâm huyết và trách nhiệm, có kinh nghiệm, nghiệp vụ, kỹ năng, bảo đảm truyền đạt trung thực, chính xác, sinh động nội dung Nghị quyết, phù hợp với từng đối tượng cụ thể”². Nếu cấp ủy cấp dưới khó khăn về báo cáo viên thì cấp ủy cấp trên phải có trách nhiệm giúp đỡ. Đồng thời, cần cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời cho đội ngũ báo cáo viên, bí thư cấp ủy, bí thư chi bộ phục vụ cho tổ chức quán triệt, học tập.

Trong truyền đạt các quan điểm của Đảng về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, báo cáo viên phải nói đúng Nghị quyết, lập luận chặt chẽ, chất lượng thông tin cao, có phân tích, có nhận định và định hướng thuyết phục. Đặc biệt cần phân tích kỹ những vấn đề mà các phương tiện thông tin đại chúng không có điều kiện đi sâu phân tích làm rõ nhận định, đánh giá.

Việc cung cấp các thông tin liên quan phải trung thực, khách quan, chính xác, có địa chỉ cụ thể để mọi người thống nhất quan điểm, tích cực ngăn ngừa những thông tin sai lệch, thiếu căn cứ; góp phần tạo dựng niềm tin, sự đồng thuận trong Đảng, trong nhân dân về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

2. Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

Cần thống nhất nhận thức việc đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục quan điểm của Đảng về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân là một hoạt động quan trọng trong công tác tư tưởng của Đảng, một nội dung tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Các cấp ủy, tổ chức đảng phải coi trọng công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhằm tạo ra sự thống nhất nhận thức và hành động, nâng cao ý thức công dân tự giác tham gia xây dựng, củng cố chính quyền nhà nước; củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, vào bản chất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam và chế độ xã hội chủ nghĩa.

Tuyên truyền, giáo dục phải nhằm mục tiêu làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân hiểu rõ bản chất, vai trò của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, của hệ thống pháp luật trong đời sống xã hội; nâng cao trình độ giác ngộ chính trị tích cực, tự giác tham gia đóng góp ý kiến, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật, củng cố, kiện toàn bộ máy chính quyền và xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước; góp phần tích cực đấu tranh chống tiêu cực, tham nhũng, lãng phí trong xã hội, đấu tranh chống âm mưu thủ đoạn xuyên tạc bản chất Nhà nước ta của các thế lực thù địch. Đồng thời, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, cổ vũ những tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến tích cực tham gia xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Các cấp ủy, người đứng đầu địa phương, cơ quan, đơn vị trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan báo chí, các phương tiện thông tin đại chúng đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, phổ biến rộng rãi trong các tầng lớp nhân dân về nội dung quan

điểm của Đảng về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII.

Đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và nhân dân tích cực tham gia xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Nắm vững những định hướng lớn trong công tác tư tưởng, lý luận của Đảng; bảo đảm góp phần bồi dưỡng nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, tích cực tham gia xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phù hợp với từng ngành, từng lĩnh vực, từng đối tượng cụ thể. Việc đổi mới nội dung tuyên truyền, giáo dục phải bảo đảm tính Đảng, tính khoa học, tính tư tưởng, đúng quan điểm của Đảng, bám sát thực tiễn nhiệm vụ cách mạng, giải đáp được những vấn đề thực tiễn đặt ra.

Nội dung tuyên truyền, giáo dục phải toàn diện cả lý luận và thực tiễn, trong đó cần chú trọng tuyên truyền bản chất, chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; về vai trò của hệ thống pháp luật trong đời sống xã hội; về thực trạng tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước hiện nay; các yếu tố tác động đến quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Thông qua tuyên truyền, giáo dục để cán bộ, đảng viên và nhân dân hiểu rõ bản chất Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; thấy rõ trách nhiệm trong quán triệt, học tập và tích cực tham gia xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa theo phạm vi chức trách, nhiệm vụ, trách nhiệm công dân.

Đổi mới hình thức, biện pháp tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong việc tham gia xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, theo hướng vận dụng linh hoạt, sáng tạo các

hình thức, biện pháp tuyên truyền, giáo dục phù hợp với đặc điểm từng địa phương, cơ quan, đơn vị và với từng đối tượng cụ thể.

Tập trung đổi mới công tác *tuyên truyền miệng* trong quán triệt, học tập thực hiện Nghị quyết của Đảng, tăng cường tính thuyết phục bằng lý lẽ, bằng luận cứ khoa học gắn với việc chứng minh bằng thực tiễn sinh động, tránh tuyên truyền áp đặt, thiếu căn cứ, kém sức thuyết phục. Tổ chức có hiệu quả các buổi nói chuyện chuyên đề, thi tìm hiểu về pháp luật, về lịch sử ra đời và phát triển của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể địa phương, các cơ quan, đơn vị; lồng ghép các hình thức, phương pháp tuyên truyền, giáo dục thông qua hoạt động thực tiễn quá trình tham gia xây dựng cơ quan, tổ chức ở các cấp chính quyền địa phương và trong bộ máy nhà nước, tham gia đóng góp ý kiến vào các văn bản luật...

Cần chú trọng vận dụng linh hoạt, *sáng tạo các hình thức, biện pháp tuyên truyền, giáo dục* khác như: củng cố và nâng cao chất lượng thông tin cổ động, mạng lưới báo cáo viên, tuyên truyền viên cơ sở. Đẩy mạnh thông tin hai chiều, qua nhiều kênh thông tin để tuyên truyền cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Thường xuyên củng cố, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ tuyên truyền viên, nắm dư luận xã hội, tìm hiểu tâm tư nguyện vọng của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Coi trọng các hình thức tọa đàm, sinh hoạt cụm, khối... kết hợp với tranh cổ động, tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về pháp luật, về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; tổ chức các hoạt động văn nghệ - thể thao, gắn với các hoạt động chuyên đề để tuyên truyền nhằm thu hút đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân tham gia. Tổ chức các sân chơi vừa mang tính giải trí, vừa mang tính tìm hiểu các chế độ, chính sách mới, tìm hiểu pháp luật của Nhà nước góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả tuyên truyền, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật. Đồng thời, thông qua các hoạt động thực tiễn

chính trị, xã hội của từng tổ chức và cá nhân để xây dựng ý thức, trách nhiệm chính trị cho cán bộ, đảng viên và nhân dân trong quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay.

3. Các cấp ủy, tổ chức đảng làm tốt công tác kiểm tra, đánh giá cán bộ, đảng viên và nhân dân trong quán triệt, học tập quan điểm của Đảng về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

Nâng cao ý thức, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng trong kiểm tra, đánh giá cán bộ, đảng viên và nhân dân quán triệt, học tập quan điểm của Đảng về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII và các nghị quyết của Trung ương Đảng. Đây là vấn đề có ý nghĩa quan trọng trực tiếp góp phần đưa Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng vào cuộc sống.

Chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, đánh giá việc quán triệt, học tập Nghị quyết của cán bộ, đảng viên và nhân dân phụ thuộc rất lớn vào ý thức, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng. Chỉ khi nào các cấp ủy, tổ chức đảng phát huy vai trò, trách nhiệm trong kiểm tra, đánh giá kết quả quán triệt, học tập Nghị quyết thì khi đó chất lượng quán triệt, học tập Nghị quyết của Đảng mới được bảo đảm, Nghị quyết mới thực sự đi vào cuộc sống.

Thực tế hiện nay, ở một số cấp ủy, tổ chức đảng ý thức, trách nhiệm kiểm tra, đánh giá việc quán triệt, học tập Nghị quyết của Đảng còn hạn chế; công tác lãnh đạo, chỉ đạo chưa thường xuyên, sâu sát; việc kiểm tra, đánh giá kết quả chưa thường xuyên; hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá sơ sài, thiếu khách quan; chất lượng, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ quán triệt, học tập Nghị quyết của một số cấp ủy, tổ chức đảng còn thấp... Nâng cao ý thức, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng trong kiểm tra, đánh giá kết quả quán triệt, học tập của Đảng về xây dựng và

hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII là yêu cầu khách quan từ thực tiễn đặt ra.

Các cấp ủy, tổ chức đảng cần tích cực đổi mới và đa dạng hóa các hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá việc quán triệt, học tập quan điểm của Đảng về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII. Đây là việc làm cần thiết trong toàn bộ hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy tổ chức đảng nhằm từng bước hiện thực hóa Nghị quyết của Đảng vào đời sống xã hội.

Kiểm tra, đánh giá chính là xem xét mức độ đạt được trong quán triệt, học tập, triển khai thực hiện quan điểm của Đảng về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa so với mục tiêu, yêu cầu đã được xác định, những vấn đề mới nảy sinh trong quá trình học tập, quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết. Từ đó, cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu nhận thức đầy đủ hơn về chủ trương, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo, trên cơ sở đó điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tiễn, đồng thời phát hiện, bổ sung, sửa chữa, uốn nắn những sai lệch, những nhận thức, việc làm không đúng và xử lý những vi phạm, sai lầm trong quá trình tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Để kiểm tra, đánh giá chính xác việc quán triệt, học tập quan điểm của Đảng về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, các cấp ủy, tổ chức đảng phải thường xuyên đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá.

Đổi mới nội dung kiểm tra, đánh giá là phải toàn diện, khách quan, nhưng có trọng tâm, trọng điểm. Trong đó, tập trung kiểm tra, đánh giá việc quán triệt và chấp hành Nghị quyết, chỉ thị, kế hoạch của cấp ủy cấp mình, Nghị quyết của cấp ủy cấp trên về quán triệt, học tập Nghị quyết theo quy định; kiểm tra, đánh giá nhận thức của cán bộ, đảng viên... Kiểm tra, đánh giá phải kịp thời phát hiện những ưu điểm,

khuyết điểm, biểu dương những tập thể, cá nhân có nhận thức tốt, thành tích cao, tích cực tham gia xây dựng các tổ chức, chính quyền nhà nước; đồng thời, phê bình, nhắc nhở và có biện pháp xử lý nghiêm đối với những tập thể, cá nhân có nhận thức không đúng, vi phạm khuyết điểm, không hoàn thành chức trách, nhiệm vụ trên cương vị được phân công.

Cùng với đổi mới nội dung kiểm tra, đánh giá, các cấp ủy, tổ chức đảng phải lựa chọn và vận dụng linh hoạt, sáng tạo; sử dụng tổng hợp, đa dạng các hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá. Tuy nhiên, mỗi hình thức, phương pháp lại thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, đánh giá theo những yêu cầu cụ thể khác nhau.

Cần tập trung thực hiện tốt các hình thức, phương pháp chủ yếu là: kiểm tra, đánh giá theo định kỳ hoặc đột xuất; kiểm tra, đánh giá theo chuyên đề đã xác định; kiểm tra, đánh giá thông qua các hình thức thi, kiểm tra, viết thu hoạch, viết báo cáo; kiểm tra, đánh giá khả năng vận dụng các kiến thức hiểu biết về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa được học tập, quán triệt vào xử trí các tình huống trong thực tế.

Ngoài các hình thức, phương pháp trên, các cấp ủy, tổ chức đảng có thể vận dụng các hình thức, phương pháp khác như: kiểm tra, đánh giá trực tuyến thông qua các phương tiện kỹ thuật hiện đại (Internet); thông qua trao đổi, thảo luận các vấn đề về lý luận, thực tiễn xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trên thế giới và Việt Nam; thông qua các cuộc thi tìm hiểu về lịch sử của dân tộc, của đất nước, lịch sử ra đời, phát triển của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta; thông qua đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái của các thế lực thù địch nhằm xuyên tạc, phủ nhận bản chất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

II- ĐỊNH HƯỚNG TỔ CHỨC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XII CỦA ĐẢNG VỀ XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG TÌNH HÌNH MỚI

Trên cơ sở học tập, quán triệt nắm vững quan điểm, chủ trương của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; các bộ, ngành, cấp ủy địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội cần chủ động xây dựng chương trình hành động thực hiện xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa theo quan điểm của Đảng trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương, đơn vị mình. Triển khai tổ chức thực hiện Nghị quyết phải tạo ra phong trào thi đua trong toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, quyết tâm phấn đấu thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa mà Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng đã xác định.

1. Đề cao trách nhiệm của các cấp ủy, ban, bộ, ngành, địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình hành động xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa theo tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng

Để triển khai thực hiện thắng lợi quan điểm của Đảng về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, ngoài việc phát huy tốt vai trò và trí tuệ của Đảng, của các cơ quan tham mưu, giúp việc hoạch định đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, cần phát huy vai trò, trách nhiệm của các địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội, bộ, ngành trong xây dựng chương trình hành động, tham gia ý kiến phản biện khoa học các nội dung đường lối, chính sách, tham gia đóng góp ý kiến bổ sung các dự thảo văn kiện nghị quyết, dự thảo luật, pháp lệnh, quy định, quy chế, chính sách,

chương trình hành động về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Phát huy vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy, chính quyền, người đứng đầu bộ, ngành, địa phương. Các bộ, ngành, cấp ủy, người đứng đầu phải làm cho các địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội có nhận thức đúng về chức năng, nhiệm vụ của tổ chức mình trong quy trình tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng; hiểu rõ việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ khó khăn, chưa có mô hình cụ thể, đòi hỏi vừa làm vừa rút kinh nghiệm.

Đề cao trách nhiệm của địa phương, các bộ, ngành, tổ chức chính trị - xã hội trong học tập, quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, khơi dậy được tinh thần trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và nhân dân tham gia xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, góp phần củng cố vững chắc niềm tin của nhân dân vào bộ máy chính quyền nhà nước.

Các địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội, ban, ngành cần nhìn nhận và đánh giá khách quan thực trạng những hạn chế, yếu kém trong quán triệt, triển khai thực hiện quan điểm của Đảng về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thời gian vừa qua, chỉ ra nguyên nhân, rút ra kinh nghiệm, thấy rõ trách nhiệm của chủ thể và lực lượng, kịp thời sửa chữa, khắc phục.

Thực hiện và làm tốt những việc trên sẽ tạo nên sự chủ động hơn trong xây dựng chương trình hành động, triển khai tổ chức thực hiện tốt quan điểm của Đảng về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Tạo điều kiện cho các ban, bộ, ngành, địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội tham gia hoạt động xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đổi mới và cải tiến quy trình biên soạn, biên tập các văn bản nghị quyết, các dự thảo luật, pháp lệnh, nghị định, chính sách, chương trình hoạt động của Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương theo hướng mở rộng dân chủ, kết hợp tốt việc nâng cao chất lượng biên soạn, biên tập dự thảo văn bản của các cơ quan chức năng, cơ quan tham mưu chuyên trách với việc tranh thủ ý kiến đóng góp xây dựng của các địa phương, bộ, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Xây dựng, bổ sung quy chế mở rộng dân chủ, tạo hành lang pháp lý để phát huy vai trò, trách nhiệm và khả năng của địa phương, các bộ, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội trong việc đóng góp, bổ sung, phản biện quan điểm xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, tạo nền nếp dân chủ thường xuyên trong công tác tham mưu, hoạch định chính sách của Đảng và Nhà nước.

Các cơ quan tham mưu giúp việc soạn thảo chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước cần tăng cường phối hợp với các địa phương, bộ, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội mở các cuộc hội thảo, tọa đàm khoa học về nội dung xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Phát huy vai trò của các nhà khoa học, các cán bộ nghiên cứu lý luận và hoạt động thực tiễn ở các địa phương, bộ, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội tham gia nghiên cứu về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Tổ chức nhiều hình thức phối hợp giữa các cơ quan của Đảng, địa phương, các bộ, ngành và các tổ chức chính trị - xã hội nghiên cứu, tổng kết thực tiễn xây dựng nhà nước, hoàn thiện hệ thống pháp luật, rút ra bài học kinh nghiệm, bổ sung đường lối

của Đảng, chính sách của Nhà nước, góp phần phát triển lý luận xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ mới.

Cần phải tạo dựng hành lang pháp lý để các bộ, ngành, địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội tham gia tuyên truyền đường lối, chính sách xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa đến các tầng lớp nhân dân. Bổ sung những nội dung cần thiết trong các văn bản luật, pháp lệnh, văn bản, điều lệ tổ chức và hoạt động của các bộ, ngành, địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội theo hướng quy định rõ trách nhiệm và nhiệm vụ tham gia tuyên truyền đường lối, chính sách xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Các cơ quan chức năng của Đảng và Nhà nước làm tốt việc tham mưu và phối hợp với các ban, bộ, ngành, địa phương và các tổ chức chính trị - xã hội xây dựng các chương trình, nội dung tuyên truyền đường lối của Đảng về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; giúp đỡ về vật chất và tinh thần để các địa phương, bộ, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện tốt việc tuyên truyền quan điểm của Đảng về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

2. Phát huy vai trò, chức năng, nhiệm vụ của các ban, bộ, ngành, các địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội trong quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

Các ban, bộ, ngành, địa phương và các tổ chức chính trị - xã hội theo phạm vi, chức năng, nhiệm vụ, phải phát huy tính chủ động, sáng tạo và hiệu quả trong tổ chức thực hiện quan điểm của Đảng về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Nội dung phát huy vai trò chức năng, nhiệm vụ của các địa phương, bộ, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, bao gồm:

Hướng dẫn và giúp đỡ quán triệt sâu sắc các nội dung xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước.

Các pháp lệnh, nghị định, quy định điều lệ tổ chức và hoạt động của các ban, bộ, ngành, địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội theo phạm vi trách nhiệm của từng tổ chức.

Tham mưu và giúp đỡ các ban, bộ, ngành, địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện tốt các nội dung trong đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước liên quan đến xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi, quyền hạn.

Phát huy vai trò các ban, bộ, ngành, địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội trong giáo dục chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa, giáo dục pháp luật, trách nhiệm và nghĩa vụ công dân cho cán bộ, đảng viên và nhân dân. Thông qua đó hình thành và phát triển ý thức trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên và nhân dân trong việc tham gia xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Tạo điều kiện để các ban, bộ, ngành, địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội tham gia các hoạt động xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Thực tiễn những năm đổi mới, việc phát huy vai trò của các ban, bộ, ngành, địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội tham gia các hoạt động xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa vẫn chưa được chú ý đúng mức. Một mặt, do nhận thức về vai trò, tầm quan trọng của các ban, bộ, ngành, địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa còn có biểu hiện chưa đầy đủ, nên chưa có phương thức phù hợp để phát huy vai trò của các tổ chức này. Mặt khác, do các ban, bộ, ngành, địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội cũng chưa thấy hết trách nhiệm của mình

tham gia xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, chưa tạo ra được nhiều phong trào hoạt động tốt, chất lượng và hiệu quả trong xây dựng.

Việc phát huy vai trò của các ban, bộ, ngành, địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội trong tổ chức các hoạt động hướng vào xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có ý nghĩa rất quan trọng. Trong thời gian tới đây, cần làm tốt một số vấn đề sau:

Phải tăng cường mối quan hệ giữa các ban, bộ, ngành, địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Xây dựng cơ chế, quy chế phối hợp, kết hợp trong các hoạt động chính trị - xã hội của từng ban, bộ, ngành, địa phương, từng tổ chức chính trị - xã hội có liên quan tham gia xây dựng nội dung, chương trình hoạt động; xây dựng nền nếp trao đổi thông tin; phát huy vai trò, trách nhiệm của từng ban, bộ, ngành, địa phương, từng tổ chức chính trị - xã hội tham gia xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa theo khả năng và phạm vi, nhiệm vụ và Hiến pháp, pháp luật quy định.

Làm tốt việc tham mưu, đề xuất và giúp đỡ các ban, bộ, ngành, địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội xây dựng các chương trình hoạt động, tham gia đóng góp ý kiến phê bình, tự phê bình cho cán bộ, công chức, đảng viên và tham gia góp ý kiến vào các dự thảo văn bản pháp luật triển khai thực hiện quan điểm của Đảng về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII.

Từng ban, bộ, ngành, địa phương, từng tổ chức chính trị - xã hội phải có kế hoạch, chủ động đề xuất và tổ chức các hoạt động thực tiễn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và đặc điểm của mình; thực hiện tốt chính sách khen thưởng đối với các ban, bộ, ngành, địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội tích cực tham gia xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

3. Phát huy vai trò của các ban, bộ, ngành, địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội trong kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện quan điểm của Đảng về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

Hệ thống chính quyền các cấp từ trung ương đến cơ sở giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Vai trò đặc biệt quan trọng đó được thể hiện ở chỗ, mọi chủ trương, đường lối của Đảng chỉ có thể biến thành hiện thực khi được hệ thống chính quyền các cấp triển khai tổ chức thực hiện nghiêm túc. Các ban, bộ, ngành, địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội không chỉ có vai trò tham gia xây dựng chính quyền mà còn có vai trò kiểm tra, giám sát đối với việc tổ chức thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, trong đó có vấn đề xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, thông qua việc thực hiện vai trò kiểm tra, giám sát các cơ quan chính quyền các cấp từ trung ương đến cơ sở trong thực hiện đường lối, chính sách xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Theo đó, cần phát huy vai trò kiểm tra, giám sát của các tổ chức đối với các cơ quan chính quyền các cấp trong tổ chức thực hiện quan điểm, đường lối Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền ở địa phương, cơ quan các cấp trên những nội dung chủ yếu sau:

Nghiên cứu bổ sung vào hệ thống các luật và văn bản dưới luật những nội dung cơ bản về mở rộng phạm vi, quyền hạn tham gia kiểm tra, giám sát của các ban, bộ, ngành địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội đối với chính quyền các cấp trong tổ chức thực hiện quan điểm của Đảng về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII.

Tham mưu, tư vấn cho các ban, bộ, ngành, địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội về nội dung quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước liên quan

đến xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa để triển khai kế hoạch kiểm tra, giám sát.

Tham mưu đề xuất về yêu cầu, hình thức, biện pháp kiểm tra, giám sát đối với hệ thống chính quyền các cấp từ trung ương đến cơ sở trong xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa theo đúng chức năng, quyền hạn của từng địa phương, bộ, ngành, từng tổ chức chính trị - xã hội.

Chính quyền các cấp phải chủ động phối hợp, kết hợp với các địa phương, bộ, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động giám sát những vấn đề liên quan đến xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Bồi dưỡng phương pháp giám sát cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Hỗ trợ về điều kiện hoạt động để các bộ, ngành, địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội có liên quan thực hiện có hiệu quả việc kiểm tra, giám sát đối với chính quyền các cấp.

Các cơ quan chức năng của Nhà nước giúp đỡ các địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức lấy ý kiến của cán bộ, đảng viên, hội viên và nhân dân, tổ chức các buổi sinh hoạt khoa học để phản biện tính đúng đắn các chủ trương, chính sách của Chính phủ và chính quyền các cấp; tư vấn khoa học và giúp đỡ việc kiểm tra, giám sát và phản biện các dự án, chương trình, kế hoạch, các phong trào có liên quan đến xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; tham mưu, kiến nghị với cấp trên về kết quả kiểm tra, giám sát đối với hệ thống chính quyền các cấp.

4. Đẩy mạnh tổng kết thực tiễn, nghiên cứu, phát triển lý luận về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

Thực chất công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu, phát triển lý luận là tiếp tục làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn về mô hình nhà nước pháp quyền trên thế giới để cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc hình thành đường lối, chủ trương của Đảng về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Để đưa quan điểm của Đảng về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa vào cuộc sống cần tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu, phát triển lý luận về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Đảng và Nhà nước mà trực tiếp là các cấp ủy đảng, tổ chức đảng, các cơ quan nghiên cứu lý luận của Đảng từ Trung ương đến địa phương cần đặc biệt quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận một cách toàn diện, hiệu quả và thiết thực.

Cấp ủy, tổ chức đảng cần phải đổi mới tư duy, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với công tác nghiên cứu lý luận, kịp thời kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan, tổ chức nghiên cứu lý luận, nhất là các cơ quan nghiên cứu lý luận của Đảng, Nhà nước thành một hệ thống thống nhất, tinh gọn, linh hoạt, chuyên sâu, chuyên nghiệp.

Cần tránh những khuynh hướng “cực tả”, “cực hữu” trong lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng đối với công tác nghiên cứu lý luận về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, ví dụ: đồng nhất lý luận khoa học với chính trị, hoặc nhấn mạnh tính khoa học mà xem nhẹ tính chính trị. Nghiên cứu, phát triển lý luận về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là nội dung quan trọng, cốt lõi của công tác lý luận của Đảng. Giữa khoa học với chính trị không có sự tách rời mà là tiền đề tồn tại cho nhau, thống nhất nội tại, khăng khít tạo thành đặc tính bản chất vừa cách mạng vừa khoa học của lý luận. Sẽ là sai lầm, khi chính trị bất chấp khoa học và ngược lại. Để khắc phục những vấn đề trên, cán bộ lãnh đạo của Đảng

phải có trình độ lý luận nhất định và khả năng định hướng cho công tác nghiên cứu lý luận. Đảng phải xây dựng, sử dụng đội ngũ nghiên cứu lý luận và lãnh đạo hoạt động nghiên cứu lý luận một cách khoa học.

Phải tạo lập môi trường dân chủ cho công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; tạo ra bầu không khí tự do tư tưởng, giải phóng tinh thần và khai mở sáng tạo, đồng thời xác lập trách nhiệm cá nhân trước Đảng, trước nhân dân của đội ngũ làm công tác nghiên cứu lý luận. Không tạo lập được môi trường dân chủ thật sự chẳng những sẽ làm hạn chế, thậm chí cản trở tư duy sáng tạo, mà còn không thể phát huy, khai thác hết khả năng sáng tạo trong nghiên cứu lý luận cũng như khai thác, ứng dụng đầy đủ các kết quả nghiên cứu mới vào xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Môi trường dân chủ cho tổng kết thực tiễn, nghiên cứu và phát triển lý luận đòi hỏi phải có sự tôn trọng, lắng nghe những ý kiến phản biện với mục tiêu tìm kiếm chân lý khoa học, tránh quy kết, “chụp mũ” đối với những ý kiến trái chiều; tạo điều kiện để tăng cường hợp tác quốc tế trong nghiên cứu lý luận để tiếp thu, kế thừa những giá trị tinh hoa về nhà nước pháp quyền trên thế giới nhằm kiến giải những vấn đề lý luận và thực tiễn xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tổng kết thực tiễn là phương pháp căn bản trong hoạt động lý luận, khắc phục chủ nghĩa giáo điều, bảo thủ, chủ nghĩa kinh nghiệm để thực hiện sự thống nhất giữa lý luận với thực tiễn. Lý luận, xét cho cùng là từ thực tiễn mà đúc kết, khái quát lên. Không có thực tiễn và kinh nghiệm thực tiễn thì không có lý luận. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhắc nhở: “Làm mà không có lý luận thì không khác gì đi mò trong đêm tối, vừa chậm chạp vừa hay vấp vấp. Có lý luận thì mới hiểu được mọi việc trong xã hội, trong phong trào để chủ trương cho đúng, làm cho đúng”³.

Toàn bộ nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa đang đòi hỏi công tác nghiên cứu lý luận phải gắn chặt hơn nữa với thực tiễn, trả lời được những câu hỏi của thực tiễn, kết quả nghiên cứu phải được ứng dụng để cải tạo thực tiễn, còn thực tiễn phải được soi sáng và định hướng đúng đắn bằng lý luận khoa học. Do đó, để gắn chặt giữa nghiên cứu lý luận với thực tiễn phải tăng cường hơn nữa mối quan hệ giữa lãnh đạo chính trị và nghiên cứu lý luận. Đảng, Nhà nước, cấp ủy đảng và người lãnh đạo các cấp cần phát hiện những vấn đề thực tiễn đặt ra, đòi hỏi cần nghiên cứu, tổng kết, đánh giá, qua đó đề ra yêu cầu, nhiệm vụ, mục tiêu, phương hướng cho công tác nghiên cứu lý luận về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Tổng kết thực tiễn là hết sức quan trọng đối với những người chuyên nghiên cứu lý luận về nhà nước, càng quan trọng và phải trở thành thói quen hằng ngày đối với cán bộ lãnh đạo và chỉ đạo hoạt động thực tiễn xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Vì thế, tổng kết thực tiễn về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa cần được tiến hành không chỉ trên những vấn đề chung, mà cả trên từng lĩnh vực hoạt động cơ bản của các cơ quan quyền lực nhà nước, cũng như hiệu lực, hiệu quả của từng chính sách và hoạt động của từng cơ quan trong bộ máy nhà nước đến đời sống kinh tế - xã hội, văn hóa - tư tưởng, hệ thống chính trị và dân chủ hóa đời sống xã hội...

Đây phải là một cuộc tổng kết có quy mô lớn, bao gồm cả những nhiệm vụ ngắn hạn, dài hạn và cả những vấn đề chiến lược, phạm vi trong nước, đồng thời cả tổng kết kinh nghiệm xây dựng nhà nước pháp quyền của các quốc gia trên thế giới, qua đó kế thừa những thành tựu lý luận, vừa rút ngắn quá trình tìm tòi, thử nghiệm, vừa tránh được những sai lầm qua các bài học kinh nghiệm. Và cuối cùng là phải tổng kết, rà soát, chọn lọc một cách tổng thể các kết quả nghiên cứu lý luận về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Qua đó, chắt lọc những thành tựu lý luận, rút ra

những bài học kinh nghiệm, phát huy thành tựu, hạn chế, những yếu kém để tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu, phát triển lý luận về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong những năm tới.

Cần xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách đánh giá, quản lý công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Thực tiễn cho thấy, nếu thiếu một cơ chế đánh giá theo những tiêu chí cụ thể, thì kết quả nghiên cứu lý luận về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa rất khó xác định vì không thể đo lường bằng phương pháp định lượng thuần túy.

Trong thời gian tới, việc xây dựng cơ chế đánh giá nghiên cứu lý luận về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa cần hướng vào việc rà soát các lĩnh vực nghiên cứu, các đề tài nghiên cứu đã triển khai, rút ra những vấn đề đã được giải quyết, những nội dung cần tiếp tục nghiên cứu, qua đó, định hướng lựa chọn lĩnh vực, vấn đề nghiên cứu cụ thể trong giai đoạn tiếp theo. Kiên quyết không triển khai nghiên cứu theo phong trào, dàn trải, “chia phần”.

Trong đánh giá các công trình nghiên cứu lý luận về Nhà nước, bên cạnh tiêu chí xác định bằng số lượng, cần minh chứng được điểm mới trên các phương diện: Mới về ý tưởng, mới và hiện đại về cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu, mới về các kết luận khoa học. Bên cạnh đó, cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách quản lý nghiên cứu lý luận trên tất cả các khâu, từ việc xác định hướng nghiên cứu, đề xuất ý tưởng, xác định đề tài, cách thức tuyển chọn, quy trình triển khai nghiên cứu, phương pháp kiểm tra, đánh giá và các hoạt động nghiệm thu, công bố, ứng dụng kết quả nghiên cứu. Song song với các hoạt động trên là cơ chế quản lý tài chính và phân bổ kinh phí bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch, dễ thực hiện.

Xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên nghiên cứu lý luận về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là *vấn đề then chốt nhất*, quyết định đến chất lượng, hiệu quả nghiên cứu. Đó là những cán bộ tâm huyết, say mê với công tác lý luận, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức trong sáng, được đào tạo bài bản về chuyên môn, tinh thông nghiệp vụ, có tư duy độc lập và sáng tạo, gắn bó mật thiết với thực tiễn đổi mới đất nước, có thái độ khoa học thực sự cầu thị và có trách nhiệm chính trị cao trước Đảng, trước nhân dân.

Để có một đội ngũ cán bộ làm công tác nghiên cứu lý luận về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa đủ về số lượng, tinh túy về chất lượng cần thực hiện đồng thời nhiều biện pháp, vừa phải bảo đảm nhu cầu vật chất nhất định, vừa phải tạo lập một môi trường dân chủ, cởi mở, một không gian mở cho những tranh luận trái chiều, một phương pháp và văn hóa tranh luận khoa học.

Để thu hút và xây dựng lực lượng nghiên cứu chất lượng cao, bên cạnh yếu tố vật chất, các nhà nghiên cứu lý luận về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa còn cần được tôn vinh và có cơ chế bảo đảm an toàn cá nhân. Vì vậy, phải tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách đồng bộ từ quy trình đào tạo, tuyển chọn, sử dụng, đãi ngộ đối với đội ngũ cán bộ làm công tác lý luận, đồng thời phải quan tâm tạo lập môi trường nghiên cứu dân chủ, cởi mở trong tranh luận khoa học, chỉ có như vậy mới khơi dậy, phát huy khả năng sáng tạo và trách nhiệm cá nhân của họ trước Đảng, trước nhân dân và xã hội.

III- TĂNG CƯỜNG ĐẤU TRANH TƯ TƯỞNG, LÝ LUẬN, PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, BẢO VỆ QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VỀ XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Đấu tranh tư tưởng, lý luận nhằm phản bác các quan điểm sai trái, phản động, bảo vệ quan điểm của Đảng về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là nội dung quan trọng của cuộc đấu tranh tư tưởng, lý luận của Đảng,

một nhiệm vụ thường xuyên của công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa góp phần làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch chống phá Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Thực tiễn triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX ngày 18-3-2002 về *Nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới* và qua thực tiễn xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho thấy, công tác tư tưởng, lý luận của Đảng đã đạt nhiều thành tựu quan trọng, những kết quả nghiên cứu lý luận gắn với tổng kết thực tiễn đã cung cấp nhiều luận cứ khoa học cho việc xây dựng, bổ sung và phát triển đường lối đổi mới của Đảng. Bên cạnh đó, cấp ủy đảng các cấp ngày càng coi trọng việc tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức cảnh giác cách mạng, đấu tranh, vạch trần âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch xuyên tạc, chống phá Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tuy nhiên, mặt yếu kém, bất cập của công tác đấu tranh tư tưởng, lý luận trong những năm qua còn thiếu sắc bén, tính chiến đấu chưa cao, phương pháp chưa linh hoạt, chưa tạo được nhận thức thống nhất cao và thông suốt đối với một số vấn đề trong đường lối, quan điểm, chủ trương của Đảng; chưa phê phán mạnh, đấu tranh kiên quyết chống các quan điểm sai trái, thù địch, chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng cơ hội, thực dụng, những quan điểm mơ hồ, sai trái, khuynh hướng “thương mại hóa”, lai căng, chạy theo thị hiếu tầm thường trong hoạt động báo chí, xuất bản, văn hóa, văn nghệ... Những yếu kém, bất cập này đã ảnh hưởng không nhỏ đến sự củng cố vững chắc trận địa tư tưởng của Đảng nói chung và hiệu quả đấu tranh tư tưởng, lý luận bảo vệ quan điểm của Đảng về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa nói riêng.

Để tăng cường và nâng cao hiệu quả đấu tranh tư tưởng, lý luận bảo vệ quan điểm của Đảng về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII cần tập trung vào những nội dung chủ yếu sau:

1. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên và nhân dân về vai trò, nhiệm vụ công tác đấu tranh tư tưởng, lý luận trong đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, bảo vệ quan điểm của Đảng về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

Tiếp tục quán triệt làm cho toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, trực tiếp là các cấp ủy, chính quyền, các cơ quan chức năng, các lực lượng làm công tác tư tưởng, lý luận nhận thức sâu sắc về vị trí, vai trò, nhiệm vụ của công tác đấu tranh tư tưởng, lý luận trong tình hình mới.

Thực chất của đấu tranh tư tưởng, lý luận, phản bác các quan điểm sai trái, bảo vệ quan điểm của Đảng về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa hiện nay là cuộc đấu tranh giai cấp gay go, quyết liệt, lâu dài trên lĩnh vực tư tưởng, lý luận. Đặc trưng cơ bản của cuộc đấu tranh này là sử dụng sức mạnh tư tưởng và lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng về nhà nước kiểu mới của giai cấp công nhân và nhân dân lao động để đánh bại các trào lưu tư tưởng, tuyên truyền lý luận về nhà nước pháp quyền tư sản - nhà nước bóc lột của giai cấp tư sản. Phương thức đấu tranh chủ yếu là tác động vào nhận thức, tư tưởng, tâm lý, nâng cao nhận thức khoa học về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, từng bước làm hạn chế, ngăn chặn và làm chùn bước ý chí chống phá của các thế lực thù địch.

Sức mạnh, hiệu quả của đấu tranh tư tưởng, lý luận, phản bác các quan điểm sai trái, bảo vệ quan điểm của Đảng về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là sức mạnh tổng hợp của nhiều yếu tố, phụ thuộc vào sức mạnh kinh tế, văn hóa, quốc phòng, an ninh của đất nước là chủ yếu, trước hết và chủ

yếu là vào chất lượng lãnh đạo của Đảng, trực tiếp là các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, cơ quan tuyên giáo, Ban Chỉ đạo 94 về “phòng, chống diễn biến hòa bình” trên lĩnh vực tư tưởng - văn hóa các cấp, các viện nghiên cứu, các học viện, nhà trường, các phóng viên, biên tập viên của các cơ quan báo chí, xuất bản và mọi cán bộ, đảng viên...

Vấn đề quan trọng hiện nay là cần tiếp tục nâng cao nhận thức, hiểu biết cho các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên về âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch trên lĩnh vực tư tưởng, lý luận chống phá Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Trong chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá Việt Nam, âm mưu cơ bản, xuyên suốt của chúng là nhằm xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với Nhà nước và toàn xã hội. Để đạt được mục tiêu đó, chúng tập trung vào những vấn đề tư tưởng mang tính lý luận - những vấn đề cốt lõi, nền tảng tư tưởng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa để xuyên tạc, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước Việt Nam; phát tán, cổ xúy, ca ngợi tính “dân chủ” của chế độ “tam quyền phân lập”; khoét sâu, thổi phồng những hạn chế, yếu kém trong xây dựng, quản lý, điều hành của Nhà nước Việt Nam... Tính chất nham hiểm về mặt tư tưởng, lý luận của các thủ đoạn trên là ở chỗ nó đồng nhất nhà nước pháp quyền với chế độ chính trị, chúng cho rằng *đã gọi là nhà nước pháp quyền thì tất yếu là nhà nước tư sản*, từ đó ca ngợi, tán dương nhà nước tư sản, phủ nhận quan điểm, đường lối của Đảng ta về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Bên cạnh sự chống phá của các thế lực thù địch, sự nghiệp xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa đang đặt ra nhiều vấn đề mới cần phải giải quyết cả về lý luận và thực tiễn. Nguy cơ “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong bộ máy nhà nước ta đang có chiều hướng gia tăng, trước hết và nguy hiểm nhất là trên

lĩnh vực chính trị, tư tưởng. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng chỉ rõ: “nguy cơ “*diễn biến hòa bình*” của thế lực thù địch nhằm chống phá nước ta; tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “*tự diễn biến*”, “*tự chuyển hóa*” trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức; sự tồn tại và những diễn biến phức tạp của tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí”⁴. Đây chính là những nguy cơ trực tiếp bên trong, nếu không được ngăn chặn nó sẽ làm biến dạng bản chất tốt đẹp của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trên cả bình diện lý luận và thực tiễn. Vì vậy, các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền các cấp và mọi cán bộ, đảng viên phải nhận thức đúng đắn nhiệm vụ đấu tranh tư tưởng, lý luận không chỉ là tất yếu, mà còn thực sự trở thành mặt trận nóng bỏng hàng đầu của công tác tư tưởng, lý luận hiện nay.

Để tăng cường đấu tranh tư tưởng, lý luận trong xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, trước hết phải tích cực quán triệt, nâng cao nhận thức quan điểm chỉ đạo của Đảng về công tác tư tưởng, lý luận trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII: “Đổi mới công tác tư tưởng, lý luận, nâng cao hơn nữa tính chiến đấu, tính thuyết phục, hiệu quả của công tác tư tưởng phục vụ yêu cầu nhiệm vụ chính trị, phù hợp với từng giai đoạn, tạo sự thống nhất cao trong Đảng, đồng thuận trong xã hội; đẩy mạnh tuyên truyền, học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phù hợp với từng đối tượng theo hướng cụ thể, thiết thực, hiệu quả”⁵. Đồng thời, kiên quyết, kiên trì đấu tranh chống lại những quan điểm tư tưởng, lý luận sai trái của các thế lực thù địch, những phân tử cơ hội chính trị xuyên tạc bản chất của Nhà nước ta; khắc phục những nhận thức lệch lạc về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong cán bộ, đảng viên và toàn xã hội. Thực hiện tốt phương châm chủ động tiến công, tăng cường sức đề kháng, vô

hiệu hóa mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Xác định rõ trách nhiệm của từng ban, bộ, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị trong cuộc đấu tranh trên mặt trận tư tưởng, lý luận, làm cho các tổ chức, các lực lượng nắm vững nội dung và yêu cầu cốt lõi của đấu tranh tư tưởng, lý luận hiện nay là củng cố, bảo vệ vững chắc quan điểm của Đảng về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, tăng cường khả năng “miễn dịch”; đồng thời chủ động, kiên quyết đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch về vấn đề nhà nước.

2. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong đấu tranh tư tưởng, lý luận, phản bác các quan điểm sai trái, bảo vệ quan điểm của Đảng về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

Sự lãnh đạo của Đảng là điều kiện và là yếu tố quyết định thắng lợi của cuộc đấu tranh tư tưởng, lý luận. Sứ mệnh và trách nhiệm chính trị - pháp lý của Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa đã được hiến định trong *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*: Đảng Cộng sản Việt Nam - Đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội.

Sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị trong xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa không chỉ là sự tuân thủ cơ sở chính trị - pháp lý mà Hiến pháp đã quy định, mà còn là cơ sở của những định hướng chính trị trong cuộc đấu tranh tư tưởng, lý luận về nhà nước; tăng cường sức mạnh

tiến công, tạo được ưu thế áp đảo trước những tư tưởng, luận điệu chống phá Nhà nước ta của các thế lực thù địch, chống đối.

Để chủ động tiến công toàn diện, thống nhất và đồng bộ làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch chống phá Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trên mặt trận tư tưởng, lý luận, cần quán triệt sâu sắc và thực hiện tốt các chỉ thị, nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng về đấu tranh phòng, chống “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, khắc phục nguy cơ “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong bộ máy của Đảng và Nhà nước.

Mọi hoạt động đấu tranh tư tưởng, lý luận nói chung, đấu tranh tư tưởng, lý luận về bảo vệ đường lối quan điểm của Đảng, phê phán, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch chống phá Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đều phải đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện về mọi mặt của các cấp ủy đảng; sự tham mưu, hướng dẫn và quản lý của các cơ quan tuyên giáo từ trung ương đến cơ sở; sự quản lý nhà nước của người đứng đầu các cấp, các ngành, địa phương và cơ sở, nhất là đối với cơ quan báo chí và tuyên truyền.

Trong các nghị quyết lãnh đạo thường kỳ, cấp ủy đảng cần đánh giá nghiêm túc kết quả đấu tranh tư tưởng, lý luận nói chung trong thời gian qua và bổ sung điều chỉnh các chủ trương, giải pháp tổ chức thực hiện trong thời gian tới, trước hết và tập trung đối với nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Cần tiếp tục xây dựng và tổ chức thực hiện nghiêm túc quy chế, quy định về trách nhiệm trực tiếp làm công tác tư tưởng, tham gia nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn của cấp ủy, cán bộ chủ trì và của mọi cán bộ, đảng viên ở các cơ quan tuyên giáo, các học viện, nhà trường, cơ quan báo chí và tuyên truyền trong cả nước.

Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện và thực hiện có hiệu quả các chế độ công tác tư tưởng, Quy chế dân chủ ở cơ sở, quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng, các lực lượng trong tiến hành công tác tư tưởng, lý luận; thường xuyên tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với nhân dân, chủ động nắm bắt, đánh giá, dự báo diễn biến tư tưởng của cán bộ, đảng viên và có biện pháp giải quyết kịp thời những nảy sinh, vướng mắc trong tư tưởng, nhận thức và hành vi của quần chúng nhân dân, cán bộ, đảng viên về vấn đề nhà nước.

3. Phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của các cấp ủy, cán bộ chủ trì, các cơ quan, các đơn vị trực tiếp làm nhiệm vụ đấu tranh tư tưởng, lý luận

Cấp ủy cán bộ chủ trì, các cơ quan, đơn vị, nhất là các cơ quan chuyên trách về công tác tư tưởng, lý luận phải đề ra được các chủ trương, biện pháp đấu tranh tư tưởng, lý luận bảo vệ quan điểm của Đảng về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa sát với đặc điểm, nhiệm vụ của địa phương, cơ quan đơn vị mình trong từng thời kỳ. Phát huy được tính chủ động, tích cực, sáng tạo của mọi cán bộ, đảng viên, của mọi cấp, mọi ngành trong hình thức, phương pháp đấu tranh. Tăng cường công tác kiểm tra, sơ kết, rút kinh nghiệm, kịp thời khắc phục những khâu yếu, mặt yếu trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện cuộc đấu tranh tư tưởng, lý luận.

Các đồng chí bí thư, phó bí thư cấp ủy đảng các cấp phải nắm vững ngọn cờ tư tưởng, lý luận của Đảng, thường xuyên và trực tiếp đấu tranh tư tưởng, lý luận trong địa phương, cơ quan, đơn vị, nhất là trong những thời điểm có tính chất bước ngoặt của cách mạng, khi có những sự kiện thời sự - chính trị quan trọng của đất nước hay biến động chính trị xảy ra trên thế giới và trong nước; trực tiếp, kịp thời, kiên quyết tổ chức tiến hành các hoạt động đấu tranh tư tưởng, lý luận có hiệu quả thiết thực.

Hiện nay, sự công kích, chống phá của các thế lực thù địch đối với Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam không chỉ diễn ra trên diện rộng mà ngày càng đi vào chiều sâu, tập trung vào những vấn đề tư tưởng mang tính lý luận cao. Để đấu tranh thắng lợi, đòi hỏi phải có và huy động đông đảo, kịp thời lực lượng nòng cốt, đó là đội ngũ cán bộ nghiên cứu, giảng dạy lý luận chính trị và khoa học xã hội nhân văn, cán bộ hoạt động trên các lĩnh vực báo chí, xuất bản, văn hóa, nghệ thuật, phát thanh, truyền hình, trực tiếp là đội ngũ cán bộ làm công tác tư tưởng, văn hóa, cán bộ, các chuyên gia, các nhà khoa học nghiên cứu chuyên sâu lý luận về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa... Đây là lực lượng có vai trò rất quan trọng, trực tiếp trên mặt trận đấu tranh tư tưởng, lý luận, bảo vệ quan điểm của Đảng về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Cấp ủy đảng các cấp cần quan tâm nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ lý luận chính trị và chuyên môn nghiệp vụ cho lực lượng nòng cốt này, động viên, khích lệ họ tự giác, chủ động, phát huy hết khả năng, sở trường của mình để tham gia tích cực vào cuộc đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch chống phá Đảng, chế độ xã hội chủ nghĩa về vấn đề nhà nước. Lực lượng này phải được tổ chức, trang bị kịp thời các phương tiện và kỹ thuật tác nghiệp trên mạng hiện đại. Có như vậy, cuộc đấu tranh tư tưởng, lý luận chống lại những quan điểm sai trái, thù địch chống phá công cuộc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa mới kịp thời, hiệu quả.

Cấp ủy và chính quyền các cấp cần thực hiện nghiêm túc các quy định, quy chế phối hợp giữa các bộ, ban, ngành của Đảng, Nhà nước có liên quan, trực tiếp là các lực lượng làm công tác tư tưởng, lý luận ở cả Trung ương và địa phương trong nghiên cứu, dự báo âm mưu, thủ đoạn phá hoại về tư tưởng, lý luận của các thế lực thù địch; nghiên cứu và thực hiện các đề án phục vụ đấu tranh tư tưởng, lý luận

bảo vệ quan điểm của Đảng về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong thời gian tới.

4. Tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ, phòng, chống “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

“Tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ có thể dẫn đến nguy cơ khôn lường, phá vỡ định hướng mục tiêu, mô hình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trước tình hình đó, đòi hỏi trong đấu tranh tư tưởng, lý luận bảo vệ quan điểm của Đảng về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa phải nhận diện và kiên quyết đấu tranh phòng, chống những biểu hiện “tự diễn biến”, tự chuyển hóa” làm sai lệch nhận thức về vị trí, vai trò, chức năng của Nhà nước; làm mất tính thống nhất của quyền lực nhà nước và làm cho cơ cấu tổ chức bộ máy nhà nước trở nên lỏng lẻo, thiếu trong sạch, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước đối với xã hội bị giảm sút.

Những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trên xuất phát từ bên trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước ta lại được tác động thúc đẩy của các thế lực thù địch, hòng làm biến dạng, hay làm mất nền tảng tư tưởng quan điểm của Đảng về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; làm mất vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, xóa nhòa bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước, làm cho Nhà nước không còn là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân và cuối cùng làm mất tính hiệu lực và hiệu quả hoạt động của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đối với xã hội; tự chuyển hóa thành nhà nước của giai cấp bóc lột, thiếu số phần lại lợi ích của nhân dân lao động và của cả dân tộc.

Vì vậy, trong xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa phải hết sức coi trọng đấu tranh phòng, chống “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, trước hết

và trực tiếp là về tư tưởng, lý luận. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, hướng tới một nền pháp luật vững mạnh, đồng bộ, bảo đảm tính chi phối mọi mặt đời sống xã hội và tính tối thượng của Hiến pháp, pháp luật trong điều chỉnh các quan hệ xã hội, nâng cao tính khả thi, tính nghiêm minh và quyền bình đẳng của mọi công dân trước pháp luật gắn với tăng cường công tác giáo dục phổ biến pháp luật, làm cho mọi công dân nhận thức rõ pháp luật của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là nhằm bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân, trên cơ sở đó nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của mọi công dân.

Do tính chất hệ trọng và nhạy cảm của nhiệm vụ đấu tranh tư tưởng, lý luận, phản bác các quan điểm sai trái, bảo vệ quan điểm của Đảng về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa hiện nay, phải lãnh đạo, tổ chức, động viên, phát huy vai trò và trách nhiệm của mọi lực lượng, mọi cán bộ, đảng viên và nhân dân đấu tranh trên mặt trận này.

Thực hiện tốt những vấn đề trên, ưu tiên và kết hợp chặt chẽ trong các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của đất nước trong thời kỳ mới vừa tạo nên sức mạnh tổng hợp trong đấu tranh tư tưởng, lý luận, vừa bảo vệ và hiện thực hóa đường lối, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay.

*

* *

Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là chủ trương nhất quán trong thời kỳ đổi mới của Đảng. Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Đảng ta tiếp tục khẳng định và coi đó là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế trong thời kỳ mới.

Đề quan điểm của Đảng về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII đi vào cuộc sống, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta, mà trực tiếp là cấp ủy, tổ chức đảng các cấp phải thực hiện toàn diện, đồng bộ nhiều nội dung mang tính định hướng lớn, trong đó cần tập trung làm tốt công tác tuyên truyền, học tập, quán triệt nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân về quan điểm, nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Đồng bộ với những giải pháp trên, cấp ủy, tổ chức đảng các cấp cần chú trọng công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá, đẩy mạnh tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận; tăng cường đấu tranh tư tưởng, lý luận, phản bác các quan điểm sai trái, bảo vệ quan điểm của Đảng về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Những định hướng giải pháp cơ bản trên có vị trí, vai trò khác nhau nhưng quan hệ chặt chẽ, hỗ trợ cho nhau, hợp lực cùng khai thác và phát huy cao nhất sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII nói chung và quan điểm của Đảng về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân nói riêng.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.443.

2. *Chỉ thị số 01/CT-TW của Bộ Chính trị về học tập, quán triệt, tuyên truyền triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng*, ngày 24-3-2016, tr.3.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.357.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.19.

5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.46.

KẾT LUẬN

Trong quá trình đổi mới đất nước, Đảng ta luôn coi trọng đổi mới hệ thống chính trị mà trọng tâm là xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Thực tiễn qua 30 năm đổi mới, tư duy lý luận của Đảng về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ngày càng đầy đủ và phát triển hơn, tạo cơ sở vững chắc cho việc xây dựng một nhà nước trong sạch, vững mạnh, đáp ứng được yêu cầu phát triển đất nước trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Đảng ta đã có những bổ sung, phát triển lý luận về xây dựng và hoàn thiện về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trong đó vừa làm sâu sắc thêm những quan điểm đã được thể hiện nhất quán trong các văn kiện trước đó của Đảng, vừa có những phát triển mới đáp ứng đòi hỏi của tình hình thực tiễn đất nước. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng đã chỉ rõ vị trí, tầm quan trọng của nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, đưa ra một hệ thống phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp toàn diện về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa phù hợp với tình hình mới.

Việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo quan điểm của Đảng là một vấn đề lý luận và thực tiễn hết sức mới mẻ, chưa có trong tiền lệ của cách mạng xã hội chủ nghĩa trên thế giới cũng như ở Việt Nam. Vì vậy, quá trình triển khai và tổ chức thực hiện trong thực tiễn không thể không tránh khỏi những vấn đề phức tạp nảy sinh trong cuộc sống, đòi hỏi phải có sự nhận thức lý luận khoa học, cách mạng, phát huy cao độ thái độ, trách nhiệm và hành động cách mạng đúng đắn, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, cần hết sức phòng ngừa những tư tưởng chủ quan, nóng vội, áp dụng một cách máy móc các

mô hình nhà nước pháp quyền của các nước khác vào Việt Nam; kiên quyết đấu tranh với những tư tưởng bảo thủ và trì trệ, những quan điểm sai trái, thù địch phủ nhận đường lối, quan điểm của Đảng về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Sự thống nhất trong nhận thức và hành động về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta hiện nay là cơ sở tạo sự đồng thuận xã hội, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, xây dựng chính quyền nhà nước thực sự của dân, do dân và vì dân. Quán triệt và thực hiện tốt quan điểm của Đảng về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII là trách nhiệm chính trị cao cả, là nhiệm vụ vẻ vang của mỗi cán bộ, đảng viên, toàn thể nhân dân và của cả hệ thống chính trị nước ta hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb.Tiến bộ, Mátxcova, 1978, t.6, t.33, t.43.
2. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.1.
3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.1, t.6.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII*, Nxb.Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới và hội nhập (Đại hội VI, VII, VIII, IX, X, XI)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2013.
9. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
10. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016.
11. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Nghị quyết số 37-NQ/TW, ngày 9-10-2014 về Công tác lý luận và định hướng nghiên cứu đến năm 2030.*

12. Bộ Chính trị: *Chỉ thị số 01/CT-TW ngày 24-3-2016 về học tập, quán triệt, tuyên truyền, triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng.*
13. Bộ Chính trị: *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24- 5-2005 về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020.*
14. Ban Tuyên giáo Trung ương: *Những điểm mới trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016.
15. Ban Tuyên giáo Trung ương: *Tài liệu nghiên cứu các Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016.
16. Ban Tuyên giáo Trung ương: *Tài liệu hỏi - đáp các Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016.
17. Ban Tuyên giáo Trung ương: *Tài liệu tham khảo phục vụ nghiên cứu các Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016.
18. Doãn Chính, Nguyễn Văn Trịnh: *Pháp gia với sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007.
19. Ngô Văn Dụ, Hồng Hà, Trần Xuân Giá: *Tìm hiểu một số khái niệm trong văn kiện Đại hội X của Đảng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.
20. GS, TS. Nguyễn Đăng Dung, PGS. TS. Nguyễn Ngọc Chí, ThS. Lưu Bình Dương: *Viện kiểm sát trong nhà nước pháp quyền*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2014.
21. Đỗ Trung Hiếu: *Một số suy nghĩ về xây dựng nền dân chủ ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004.

22. Vũ Hữu Ngoạn: *Tìm hiểu một số khái niệm trong văn kiện Đại hội IX của Đảng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.
23. Platôn: *Tuyển tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova, 1968 (tiếng Nga), t.1.
24. Phùng Hữu Phú - Nguyễn Văn Đăng - Nguyễn Việt Thông: *Tìm hiểu một số thuật ngữ trong văn kiện Đại hội XII của Đảng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016.
25. Lê Minh Quân: *Về quá trình dân chủ hóa xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
26. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: *Hiến pháp năm 2013 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (năm 2013 - 1992 - 1980 - 1959 - 1946)*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2013.
27. *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2014.
28. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: *Hiến pháp Việt Nam và các luật về tổ chức bộ máy Nhà nước*, Nxb. Lao động xã hội, Hà Nội, 2002.
29. Nguyễn Duy Quý - Nguyễn Tất Viễn: *Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân - Lý luận và thực tiễn*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008.
30. Tạ Ngọc Tấn: *Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam: Những vấn đề lý luận từ công cuộc đổi mới*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2015.
31. Nguyễn Văn Thảo: *Xây dựng Nhà nước pháp quyền dưới sự lãnh đạo của Đảng*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2006.
32. Nguyễn Văn Thảo - Nguyễn Việt Thông: *Tìm hiểu một số thuật ngữ trong văn kiện Đại hội XI của Đảng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.

- 33 Nguyễn Phú Trọng: *Phát huy dân chủ, tiếp tục xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
34. Nguyễn Anh Tuấn: *Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước kiểu mới ở Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2003.
35. Đào Trí Úc - Phạm Hữu Nghị: *Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn hiện nay - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 2009.
36. Đào Trí Úc: *Mô hình tổ chức và hoạt động của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2007.
37. Viện Khoa học xã hội nhân văn quân sự: *Đại hội XI của Đảng với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012.
38. Viện Nhà nước và Pháp luật: *Tài liệu học tập môn nhà nước và pháp luật*, Nxb. Chính trị - Hành chính, Hà Nội, 2012, t.1.
39. Nguyễn Văn Yếu, Lê Hữu Nghĩa: *Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong thời kỳ đổi mới*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.